

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

*Giữ thơm
Quê Mẹ*

Tr. 4

**Hoành phi
và câu đối tại phủ
Tuy Lý Vương**

Tr. 12

**Vô thường
gọi lẽ sống an lạc**

Tr. 16

越南工業界領先的品牌

MỸ NGHỆ TRÂM HƯƠNG

TRƯỜNG KHA



Australia

Showroom: 168 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM
34 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.5, TP.HCM
Tel: 08.62997565 - 0908.661.789 - 0939.779.888

www.truongkha.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỀN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiaovnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Giữ thơm Quê Mẹ (Nguyễn Cẩn)	4
Giới thiệu hệ thống hoành phi câu đối chùa Diệu Đế (Nguyễn Xuân Nhật)	8
Huế và những điều thú vị về Rồng (Nguyễn Văn Toàn)	10
Hoành phi và câu đối tại phủ Tuy Lý Vương (Nguyễn Văn Cương)	12
Vô thường gọi lẽ sống an lạc (Như Huệ)	16
Sự vật trong Kinh Hoa Nghiêm (Nguyễn Thế Đăng)	20
Con đường Bồ-tát (Đỗ Hồng Ngọc)	22
Hạnh phúc là đơn giản thế đó (Ngọc Linh)	26
Trái bóng và cánh tay (Cao Huy Hóa)	28
"Tôi" là ai? (Huỳnh Ngọc Chiến)	30
Chuyện không giải thích được (Hoàng Tá Thích)	32
Chuyện cô gái đánh cọp (Minh Thương)	34
Nghĩ về một thái độ đối với các nhân vật lịch sử (Trần Văn Chánh)	36
Gã, y, thị (Hồ Anh Thái)	40
Trào lưu trên Facebook (Nguyễn Hoàng Duy)	41
Nhớ hoài thời cơm độn (Lê Lam Hồng)	42
Hạnh phúc trở về (Ga)	44
Đôi mắt vắng trăng khuyết (Lê Hứa Huyền Trân)	46
Người chị (Nguyễn Đông Nhật)	48
Ngẫu nhiên hay tất nhiên (Trương Hoàng Minh)	50
Thơ (Trương Khánh, Nguyễn Hữu Minh Quân, Nguyễn Tiêu, Tịnh Bình, Nguyễn Tũ, Lý Thị Minh Châu)	52
Người đào thoát (Phan Anh Thư)	54
Tục trồng thông và đeo thẻ bài ở Đàn Nam Giao, Huế (Tôn Thất Thọ)	56
Hỏi đáp (Bàng Ấn)	59

Bìa 1: Tam quan phủ Tuy Lý Vương. Ảnh: Nguyễn Đình Niêm.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Văn Hóa Phật Giáo số 230 này đến tay quý độc giả vào lúc sắp vào mùa Vu-lan, chúng tôi cũng đang nỗ lực thực hiện số báo đặc biệt mừng Đại lễ đầy ý nghĩa này. Kính mong quý cộng tác viên tiếp tục gửi bài với đề tài Vu-lan vì tiếp theo số báo đặc biệt 231, *VHPG* số 232 sẽ phát hành đúng vào rằm tháng Bảy âm lịch, có thể vẫn có một số bài viết về Vu-lan.

Trong tháng vừa qua, tòa soạn có nhận được một số cuộc gọi hỏi về trang Hỏi - Đáp Phật giáo. Trong số này đã có trang ấy. Xin nói thêm, lời hỏi thường được độc giả trình bày như một bức thư ngắn, có ngày tháng, đầu thư, cuối thư với lời thăm hỏi, lời chúc... chúng tôi xin theo ý chính mà tóm tắt trong đôi ba dòng để phần Hỏi - Đáp chiếm trọn một trang.

Lại nữa, đối với những câu hỏi động chạm đến phần nhạy cảm về cá nhân, đoàn thể, tổ chức, xã hội... thì chúng tôi xin miễn trả lời, xin được thông cảm; những câu hỏi chỉ cần lời giải đáp ngắn thì chúng tôi sẽ gửi lời đáp theo email hay điện thoại.

Trang Lời cảm ơn cuộc sống vẫn được tiếp tục đăng tải, cùng trang và xen kẽ với trang Hỏi - Đáp trong các số báo. Chúng tôi mong nhận được các bài viết không trùng lặp ý chính với các bài đã đăng và có nội dung thiết thực.

Mùa An cư kiết hạ sắp chấm dứt, chư tôn đức Tăng Ni hẳn đạt được nhiều thắng tiến trong tu tập, chư cư sĩ cận sự cũng được học hỏi, được phước đức trong việc thực hiện công quả.

Kính chúc quý độc giả thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





**Người học đạo nếu chẳng bị tình dục làm mê
hoặc, chẳng bị các thứ tà quấy nhiễu, lại tinh tấn
tu pháp vô vi; Ta cam đoan người này sẽ đắc đạo.
(*Kinh Tứ thập nhị chương,*
số 27, Vô Trước đắc đạo)**

Giữ thơm Quê Mẹ

NGUYỄN CẦN

Lời người viết: Tập san “Giữ thơm Quê Mẹ” xuất bản những năm 1965-1966 do những trí thức văn nghệ sĩ miền Nam chủ biên, lập nên xây dựng một nền văn hóa khai phóng, sáng tạo trong tinh thần hòa bình và nhân bản. **Bài viết tạm lấy tiêu đề trên** để nói về một chủ đề: Những hành vi của một số người Việt trong và ngoài nước đang gây bức xúc dư luận, tạo nên những hình ảnh hết sức phản cảm dưới cái nhìn của thế giới.

Từ chuyện buồn du lịch

Đầu tiên là câu chuyện tại Hội nghị sơ kết công tác sáu tháng đầu năm của Bộ VH-TT&DL đầu tháng 7, được ông Hoàng Tuấn Anh, Bộ trưởng Bộ VH-TT&DL, kể theo một tờ báo điện tử về hai bát phở giá 800.000 đồng tại Hà Nội. Khi hai vợ chồng Việt kiều thắc mắc về cái giá “trời ơi!” này thì chủ quán đáp lại bằng cách chém con dao xuống mặt bàn và quát “không nói nhiều!”. Một câu chuyện khác tại làng chài Nha Trang, khách chọn một con cua buộc dây, cân thấy 1,2kg, giá 350.000 đồng/kg. Khi nhân viên phục vụ bưng cua ra, vị khách này thắc mắc hỏi sao con cua 1,2kg mà giờ lại thành con cua nhỏ xíu này và khi cân thử lại, con cua đã luộc chỉ nặng 420gr! Người quản lý giải thích của luộc bị hao đi là do... sợi dây buộc(?). Rồi còn chuyện một nhóm xích-lô “dù” hoạt động tại khu vực chợ Bến Thành (Q.1, TP.HCM) thường xuyên ngang nhiên “chặt chém” hoặc giật tiền từ tay khách du lịch như chuyện một nữ du khách Úc khi lên xích-lô, thỏa thuận giá tiền là 20USD (khoảng 420.000 đồng), nhưng khi xuống anh xích-lô lại lấy (hay giật?) của cô 200USD (hơn 4 triệu đồng). Có du khách đến thị xã La Gi du lịch đi mua hải sản phản ánh cân thiếu bị đánh rách mặt!

Báo cáo tại hội nghị, ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch, cho biết tháng 6-2015, tổng lượng khách chỉ đạt hơn 529.445 lượt, giảm 8,2% so với tháng 5 và giảm 1,9% so với tháng 6-2014. Tổng lượng khách quốc tế đến VN sáu tháng đầu năm 2015 ước đạt 3,8 triệu lượt, giảm 11,3% so với cùng kỳ 2014.

Đến chuyện không vui xứ người

Chúng ta hẳn chưa quên chuyện người Việt trộm đồ trong siêu thị của Nhật và có hẳn một đường dây tiêu thụ. Cơ quan cảnh sát Nhật Bản đã công bố tình hình bắt giữ tội phạm nước ngoài trong năm 2014.

Tổng cộng có 15.215 trường hợp và trong đó các vụ liên quan đến người Việt Nam là 2.488 vụ, tăng 61,6% so với năm 2013, tính ra trung bình mỗi ngày xảy ra 8 vụ ăn trộm dính đến người VN. Số người Việt ăn cắp bị bắt giữ là 1.745 trong tổng số 6.716 người nước ngoài bị bắt. Đáng buồn hơn, trong số người Việt Nam phạm tội, tỷ lệ người đi du học chiếm 54.2%, người sang Nhật học nghề chiếm 12.9%. Đọc tin trên mạng hàng ngày, còn đáng thất vọng hơn khi không chỉ có ở Nhật Bản mà dường như ở bất cứ nơi nào chúng ta đặt chân đến, đều có người Việt phạm pháp?

- Ngày 23-6, cảnh sát thành phố Thong-young, tỉnh Kyeongnam của Hàn Quốc đã bắt giữ tám phụ nữ người Việt trong đường dây lừa đảo đưa người Việt Nam sang Hàn Quốc với số tiền chiếm đoạt 4,2 tỉ đồng. Chỉ trong sáu tháng, các đối tượng này đã lừa đảo 143 người Việt Nam.

- Báo cáo của Tổ chức quốc tế chống nô lệ nói rằng 96% số người làm việc trong các trại cần sa ở Anh là người Việt Nam, mà 81% trong số đó là trẻ em. Tuần vừa qua Chính phủ Anh khởi đầu chương trình nghị sự với vấn đề di dân là mối quan tâm hàng đầu. Một trong số những vấn đề được báo chí dọn đường là nạn khai thác nô lệ trẻ em mà bài báo trên tờ *Guardian* chỉ thẳng ra là trẻ em Việt Nam, với mức độ là trung bình ngày nào cũng có một vụ trẻ vị thành niên người Việt được đưa vượt biên vào Anh để trồng cần sa, làm nails, hay tệ hơn là làm nô lệ tình dục. Phóng viên Lê Hải từ London cho biết thêm rằng đây là lần thứ hai cái tên Việt Nam được gắn liền với tình trạng bóc lột nô lệ thời hiện đại. Nếu nhìn sang các phiên tòa xử người Việt bán ma túy ở Cộng hòa Séc, hay đường chuyển ma túy từ Việt Nam sang Úc, thì không cần phải là chuyên gia tội phạm học cũng lo sợ trước vấn đề này.

Nhiều tổ chức đã báo cáo tình trạng đưa phụ nữ VN



sang Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan vào hang ổ của nạn buôn người. Tòa án ở Đức cũng đang xử một vụ đường dây trồng cần sa ở Dusseldorf mà bị cáo người Việt từ Hà Lan sang được cho là đã nhốt và đối xử với đồng hương như là nô lệ. Sự việc nghiêm trọng đến mức theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, trong tháng 6, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan làm rõ việc này, đề xuất ý kiến lên Thủ tướng.

Còn những chuyện linh tinh khác thì rất nhiều như: một nam sinh viên Việt tại Singapore quay video lên dưới váy phụ nữ và bị giam 3 tuần; UAE xét xử 4 người Việt tại tòa án hình sự Dubai bị buộc tội bắt cóc tổng tiền; Kenya bắt người Việt sở hữu 12kg sừng tê giác, rằng sư tử trị giá gần 130.000 USD; một số công dân Việt Nam bị bắt giữ tại sân bay OR Tambo, thủ đô Johannesburg vào tháng 10 năm ngoái, với số sừng tê trị giá gần 400.000 USD...

Tất cả vẽ nên một bức tranh nhếch nhác đến thảm hại!

Đói cho sạch, rách cho thơm

Khi chân dung người Việt trở nên xấu xí như vậy, có người ngập ngừng khi phải trả lời câu hỏi: "Anh/chị từ đâu đến?" hay "Bạn có phải người VN không?". Khi nhà văn Vũ Hạnh viết "*Người Việt cao quý*", chắc ông cũng không hình dung nổi tình hình đáng báo động hiện

nay về quốc sĩ, quốc thể... Ông bà ngày xưa đã hiểu hoàn cảnh khó khăn của mình về vật chất, nên khuyên hãy gìn giữ phẩm cách theo phương châm "Đói cho sạch, rách cho thơm". Chúng ta bắt đầu từ đâu để thay đổi thực trạng này? Liệu rằng việc Bộ VH-TT&DL *đề nghị* các địa phương có khu du lịch phải tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử phạt những cơ sở kinh doanh cố tình không niêm yết giá công khai để bắt chẹt du khách sẽ đem lại kết quả khả quan? Đấy chỉ là phần nổi của tảng băng thôi! Đây là bệnh thái của một nền đạo đức đang xuống cấp, hay là thường thái của một nền giáo dục thiếu đạo đức? Phải hiểu rõ nguồn cơn của những ứng xử thiếu văn minh như tham lam "chặt chém" du khách, nói thách, cân điêu, làm ăn gian dối từ đâu? Nhiều nhà lý luận cho rằng nguyên nhân từ giáo dục. Thật vậy chăng?

Trong buổi hội thảo "Thực trạng văn hoá học đường và nhu cầu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học" do Sở Giáo dục - Đào tạo Lâm Đồng phối hợp với Công ty Bước Tiến Mới tổ chức tại Đà Lạt cách đây chưa lâu, GS.TS Trần Ngọc Thêm – Giám đốc Trung tâm Văn hóa học lý luận và ứng dụng (ĐH Quốc gia TP.HCM) đã cho biết kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục thực hiện năm 2008: tỷ lệ nói dối cha mẹ ở học sinh cấp 1 là 22%, cấp 2 là 50%, cấp 3 là 64% và sinh viên là 80% (!). Con số này khiến dư luận, đặc biệt là bậc cha mẹ học sinh, hoang mang lo lắng về

sự tác động của xã hội, sự thay đổi môi trường, điều kiện sống đối với sự phát triển tâm lý của con em mình. Từ bao giờ, nói dối trở thành “kỹ năng sống”? Thế đấy, những số liệu ấy có thể còn tranh luận nhưng ít nhiều cho ta biết thực trạng về con em chúng ta. Cha mẹ các em có vô can hay không mà cũng giật mình? Chúng ta hãy nghe GS Thém nhận xét khi được hỏi bệnh nói dối của học sinh đã được hình thành như thế nào.

Ông trả lời: *“Đó là cả một quá trình. Chúng ta đều biết rằng không ai thật thà bằng con trẻ “Ra đường hỏi già, về nhà hỏi trẻ” - ông cha ta từ lâu đã dạy thế. Nhưng dần dần, ở nhà các bé được chứng kiến những ứng xử của cha mẹ theo kiểu “nghĩ một đằng, nói một nẻo” và được giải thích rằng đó là sự tế nhị, khéo léo để không làm mất lòng nhau... Lớn lên chút nữa, các em sẽ không khó khăn để nhận ra sự dối trá lan tràn khắp nơi. Từ thi cử gian dối, bệnh thành tích trong nhà trường (học sinh dốt cỡ nào cuối năm cũng được điểm 8-9 và lên lớp, tỷ lệ tốt nghiệp phổ thông năm nào cũng cao ngất ngưỡng) đến cân điều, nói thách ở ngoài chợ; thanh minh thanh nga khi có lỗi; nạn phong bì, chạy chọt ngoài xã hội...”*

Chúng ta thấy sự dối trá trở nên bình thường đến nỗi người lớn thường quên đi rằng mình đang nói dối, ai cũng nghĩ mình là người thật thà. Khi bị phát hiện nói dối, họ luôn có đủ lý do để tự biện bạch. Cứ như thế, thói nói dối trở thành một thứ kỹ năng ứng xử tự nhiên (!). Liệu tinh thần trung thực có phản ánh trong việc kê khai tài sản quan chức, đã có hơn 96% kê khai và theo Thanh tra Nhà nước, trong 1.225 người thuộc diện kê khai được xác minh tài sản, thu nhập và các cơ quan chức năng chỉ phát hiện, kết luận 4 người kê khai không trung thực (?). Chúng ta biết văn hóa phương Tây đề cao sự trung thực. Họ ứng xử thẳng thắn, sòng phẳng. Ngoài ra, hệ thống luật pháp của họ rất chặt chẽ, ít có kẽ hở cho sự gian dối. Chúng ta thấy nhiều cầu thủ, ca sĩ khốn khổ vì khai thiếu hay khai gian thuế, thậm chí có thể vào tù! Còn ở châu Á thì sao? Hãy để Trung Quốc như là trường hợp cá biệt vì nói dối ở nước họ cũng trở thành căn bệnh, tệ nạn của xã hội, thậm chí trong hàng ngũ quan chức cao nhất! Ai đi du lịch TQ cũng phát sợ vì thói “kê” giá của họ: rao 1.000 tệ nhưng có thể bán với giá 50! Mà hãy nhìn sang Singapore (ở một mức nào đó là Mã Lai hay Thái Lan): từ khi độc lập đến nay, Singapore đã có nhiều nỗ lực rất đáng ghi nhận về vấn đề an ninh công cộng và tinh thần tương ái cộng đồng luôn hiện hữu mọi nơi – tất cả điều này đã tạo cho mọi người một cảm giác thân thuộc khi đến nơi này. Tỷ lệ du khách trở lại sau khi đến Singapore lần đầu lên đến xấp xỉ 80%. Rất nhiều chiến dịch của nhà cầm quyền trong suốt những năm qua là tìm cách tác động trực tiếp đến thái độ và cách ứng xử của nhân dân. Người Singapore đã được giáo dục là phải từ bỏ những thói quen cũ như khạc nhổ, chấm dứt việc ném rác bừa bãi, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng,

và tỏ ra lịch sự với du khách cũng như là với nhau. Cả nước làm du lịch chứ không riêng gì những hướng dẫn viên. Từ người bán vỉa hè đến ông chủ khách sạn sang trọng nhất. Nhà cầm quyền Singapore muốn giáo dục nhân dân phải gạt hái được danh hiệu là *“Một quốc gia thịnh vượng của cả Đông Nam Á”*. Điều này một phần sẽ khiến các du khách bỏ ra nhiều tiền hơn và tăng cường sức hấp dẫn của thành phố - quốc gia, và không kém phần quan trọng là làm cho cuộc sống cảm thấy dễ chịu hơn đối với mọi người, nâng cao lòng tự hào tập thể và tính tự trọng. Theo ngôn ngữ của Lý Quang Diệu: *“Chúng ta muốn trở thành một xã hội văn minh, và có văn hoá trong thời gian ngắn nhất có thể được”*. Năm 1993 ông Lý nhắc rằng: *“Cá đã trở lại với dòng sông Singapore, những dòng sông trong sạch đã thay đổi chất lượng của cuộc sống. Người ta đã tắm nắng trên bờ sông... Với những ai còn nhớ dòng sông Singapore khi nó còn là cống rãnh, sẽ thấy như một giấc mơ khi họ đi dọc theo bờ sông của nó”*. Đây là niềm sung sướng của quyền lực, khi dẫn dắt dân chúng an bình đến miền đất tốt lành hơn. Nếu chúng ta biết được ước mơ ngày xưa của ông Lý là làm sao để Singapore trở thành một Sài Gòn thứ hai (lúc đó đang là Hòn ngọc Viễn Đông). Vậy thì chúng ta có phải ước mơ ngược lại chăng? Làm sao gìn giữ bản sắc dân tộc: hiền hòa, chân thực, trung hậu, hiếu khách và lạc quan? Lại phải bắt đầu từ tuổi thơ. Nói rõ hơn, phải dạy dỗ con trẻ từ lúc mới bắt đầu khôn lớn về điều hay lẽ phải. Ngay từ bậc giáo dục mầm non và tiểu học phải có những bài học bắt buộc về cư xử với cha mẹ, ông bà, học để biết yêu thương đồng bào, đồng loại, kính trọng người lớn tuổi; có ý thức tương trợ, giúp đỡ người nghèo, người tật nguyền, người gặp nạn, phụ nữ có thai, cụ già, không tham lam, tìm cách chiếm đoạt đồ đạc của người khác (người thân, bè bạn...); biết sống trong trật tự và nghi lễ: gặp đèn đỏ thì dừng lại; gặp đám tang ngã mũ chia buồn... Điều cần nhất là giáo dục cho con có bản lĩnh, năng lực và kỹ năng tự đối phó được trong mọi tình huống trong nhà trường và cuộc đời một cách trung thực nhất. Để cao tính kỷ luật và tinh thần tôn trọng pháp luật, phải luôn tôn trọng sự thật, sự công bằng, tính minh bạch. Xúi con chạy theo thành tích, đề cao sĩ diện, cái tôi của mình, coi trọng hình thức, tham lam từ danh cho đến lợi là mầm mống phát sinh dối trá.

Phải nhìn nhận rằng hiện nay cái xấu, cái ác đang hoành hành, chưa rõ thắng thua nhưng điều tốt cái đẹp (tâm hồn) đang có lúc lẻ loi trong xã hội. Chúng ta thấy người bị thương bên đường, có khi bước nhanh qua sợ nếu mình chăm sóc đưa đến bệnh viện không biết chừng mang “vạ” vào thân! Lại bị hạch sách, đòi tiền viện phí! Phải có cơ chế cho lòng tốt tồn tại và đơm hoa kết trái. Cơ chế đó là một chế độ an sinh thực sự vì dân, ví dụ, nhà thương cứu người không phân biệt nơi cư trú, hộ khẩu hay tình trạng tài chính. Một chế độ đãi

ngộ thấy cô giáo và công chức tương xứng!

Trong cơ chế ấy, chúng ta có quyền yêu cầu người lớn, bậc cha mẹ, thầy, cô giáo, các quan chức địa phương phải là những tấm gương, phải thực hành thân giáo, phải là người cha, người mẹ mẫu mực, người bạn tốt, công dân tốt. Chính mình phải “tu tâm dưỡng tính”, phải làm gương cho lớp trẻ, không thể dạy trẻ con trở thành người trung thực nếu anh là một kẻ dối trá, một kẻ “ngụy quân tử (!)”. Sau đó, phải xây dựng đạo đức, đề cao tính liêm chính nghiêm minh trong môi trường giáo dục, trong nhà trường: thầy cô không dọa nạt hoặc gây áp lực đối với học sinh và phụ huynh để phải học thêm; không vòi vĩnh quà cáp nhân ngày lễ, Tết; không vì quyền lợi vật chất mà “mua bán điểm”...

Con người tốt hay xấu đều do sản phẩm của giáo dục vì con người là nguyên nhân và cũng là kết quả của nền giáo dục ấy. Nước Mỹ đã có vị tổng thống, một nhà lãnh đạo vĩ đại và ước vọng của ông về giáo dục con người cũng thật đáng ghi nhớ. Hãy nhớ bức thư của Abraham Lincoln gửi thầy hiệu trưởng ngôi trường nơi con trai ông theo học khi ông yêu cầu: “Con tôi sẽ phải học tất cả những điều này, rằng không phải tất cả mọi người đều công bằng, tất cả mọi người đều chân thật. Nhưng xin thầy hãy dạy cho cháu biết cứ mỗi một kẻ vô lại ta gặp trên đường phố thì ở đâu đó sẽ có một con người chính trực... Xin thầy hãy dạy cho cháu biết rằng một đồng đô-la kiếm được do công sức lao động của mình bỏ ra còn quý giá hơn nhiều so với năm đô-la nhặt được trên hè phố... Xin thầy dạy cho cháu thà bị điểm kém vẫn còn hơn là gian lận trong thi cử. Xin thầy dạy cho cháu biết cách chấp nhận thất bại và cách tận hưởng niềm vui chiến thắng. Xin hãy dạy cháu tránh xa sự đổ kỵ. Xin dạy cháu biết được bí quyết của niềm vui chiến thắng thầm lặng... Xin hãy dạy

cho cháu biết cách đối xử dịu dàng với những người hòa nhã và cứng rắn với những kẻ thô bạo. Xin tạo cho cháu sức mạnh để không chạy theo đám đông khi tất cả mọi người đều chỉ biết chạy theo thời thế... Xin hãy dạy cho cháu rằng có thể bán cơ bắp và trí tuệ cho người ra giá cao nhất, nhưng không bao giờ cho phép ai ra giá mua trái tim và tâm hồn mình... Xin hãy đối xử dịu dàng với cháu nhưng đừng vuốt ve nuông chiều cháu bởi vì chỉ có sự thử thách của lửa mới tôi luyện nên được những thanh sắt cứng rắn... Xin hãy dạy cho cháu biết rằng cháu phải luôn có niềm tin tuyệt đối vào bản thân, bởi vì khi đó cháu sẽ luôn có niềm tin tuyệt đối vào nhân loại. Đây quả là một yêu cầu quá lớn, tôi biết, thưa thầy. Nhưng xin thầy cố gắng hết sức mình, nếu được vậy, con trai tôi quả thật là một cậu bé hạnh phúc và may mắn”.

Phải chăng ông cũng muốn nhà trường hành xử theo chánh nghiệp và chánh tín? Chúng ta thực hành chính nghiệp vì muốn cuộc sống của mình có ích và hòa hợp, và vì ta muốn tâm được thanh tịnh, an lạc, không bị phiền não vì gian dối, phải ăn năn.

Việc đó không phải chỉ riêng ngành du lịch hay ngành giáo dục thực hiện mà tất cả mọi người, trong vai trò và tài sức của mình, vì thể diện đất nước, phải bắt đầu vào cuộc nếu muốn khắc họa hình ảnh một Việt Nam hiền hòa, hiếu khách, trung thực và văn minh. Chừng đó hãy tự hào “Điểm đến của thiên niên kỷ” hay “Thành phố vì hòa bình” cũng chưa muộn. Chừng đó, người dân chúng ta ra nước ngoài sẽ hãnh diện mà nói “Tôi là người Việt Nam”. Nếu không, chúng ta sẽ phải ngồi lại tự hỏi sao họ lại nhìn

mình như những kẻ du cư bừa bãi, thiếu văn hóa. Phải biết ngẩng cao đầu vì totem dân tộc Việt không phải là rùa! ■



Giới thiệu hệ thống hoành phi câu đối chùa Diệu Đế

NGUYỄN XUÂN NHẬT

Chùa Diệu Đế nằm phía Đông kinh thành Huế là một ngôi chùa cổ rất đẹp bên sông đào Đông Ba. Chùa ẩn mình trong bóng cây um tùm xanh mướt, bên ngoài hiện rõ tam quan với ba chữ “Diệu Đế tự” sừng sững bên đường Bạch Đằng và con sông nhỏ kéo dài suốt kinh thành từ đồn Mang Cá ra cầu Gia Hội tiếp giáp sông Hương. Nơi đây là chốn trú ngụ dân cư đông đúc. Xưa kia đây là chốn thông thương của người Hoa trên mảnh đất Thuận Hóa.

Chùa Diệu Đế được vua Thiệu Trị cho xây năm 1844, vốn xưa nền cũ là phủ đệ của hoàng tử Miên Tông, sau này khi lên ngôi, chốn tiềm ẩn được Thiệu Trị cho biến đổi thành chùa, cũng giống như học theo cha ông là vua Minh Mạng từng cho xây chùa Giác Hoàng ngày trước. Việc dựng chùa có thể nhìn thấy qua những tấm bia do chính tay vua Thiệu Trị soạn: *“Nhân nghĩ đến Đại Học, Thành Ý, Chính Tâm, Cách Vật, Trí Trí, Tu Tế Bình Trị đều dùng nơi Trí Thiện. Tuy tượng giáo chủ trương hư vô nhưng cũng khuyên người làm điều thiện thì sao có thể phương hại đến đạo. Bèn sai theo chỗ cũ. Kính tạo dựng chùa Phật để mở tâm bồ-đề mà hóa thông muôn loại, mở rộng phương tiện bố thí, để giác ngộ quần sinh”,* nhà vua còn nhấn mạnh *“Lập chùa ven sông triền sông, cũng chốn kinh thành, bao che và nhìn ra chốn xe thuyền, trấn tĩnh những kẻ hiếu lợi mê hoặc trong cạnh tranh, để hướng họ vào điều thiện”*.

Chùa dựng lên với quy mô đồ sộ, với lầu bia, gác chuông, gác Đạo Nguyên, bên tả trí Tuệ Tĩnh xá, bên hữu là Cát Tường tử nhất, trung tâm chùa là điện Đại giác đồ sộ. Đến năm 1885, sau khi thất thủ bởi quân Pháp, triều đình Huế chuyển về đây và làm hồng chức năng của chốn thiền viện này. Năm 1887 một số ngôi nhà bị triệt hạ. Năm 1889 vua Thành Thái ban 3.000 quan tiền để Hòa thượng Tâm Truyền sửa sang nền xưa chùa cũ. Năm 1904, bão lũ khiến nhiều ngôi chùa ở Huế nói chung hoang tàn và Diệu Đế cũng không tránh khỏi cảnh đó. Năm 1953 chùa được xây dựng lại,

quy mô hơn và giữ dáng vẻ đó cho tới ngày nay.

Quốc tự Diệu Đế là một ngôi chùa có ý nghĩa to lớn trong sự phát triển của văn hóa xứ Huế. Có thể nói ngôi chùa đã thể hiện được yêu cầu của người chủ lập ra nó là “giác ngộ quần sinh” và “hóa thông vạn loại”. Trải qua bao đời Tăng trụ trì giữ gìn chốn thanh tịnh thiền tâm, hoằng dương phổ bị giáo pháp nhà Phật, cứu độ chúng sinh khỏi quần mê, bể khổ. Có thể kể đến các vị như Hòa thượng Diệu Giác, Hòa thượng Hải Toàn Linh Cơ, Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Huyền, Hòa thượng Tâm Tịnh... và gần đây là Hòa thượng Thích Đôn Hậu, người có công rất lớn trong việc chấn hưng Phật giáo thế kỷ XX của nước nhà nói chung cũng như tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng. Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám chủ trì việc gắn kết chốn tâm linh thanh tịnh với sự phát triển của lịch sử hiện đại qua phong trào chấn hưng Phật giáo. Từ năm 1930-1966, chùa Diệu Đế trở thành trung tâm mít-tinh, phát xuất biểu tình của nhân dân xứ Huế đòi chống kỳ thị tôn giáo và đòi dân chủ. Năm 1966 ngọn lửa vị pháp thiêu thân của Tỳ-kheo-ni Thanh Quang tạo thêm dấu ấn cho lịch sử hòa bình nước nhà và sự phát triển của phong trào Phật giáo cả nước.

Ngày nay Diệu Đế vẫn mang dáng xưa, thanh tịch, u nhã ẩn mình sau những hàng cây rợp bóng mát. Trong chùa vẫn trang hoàng chuông cổ, hoành phi, câu đối tạo nên nét u nhã trong tâm linh chốn phạm vũ. Nhà chùa cho dựng lên trường học mầm non Phật giáo bên trái sân chùa và Tuệ Tĩnh đường là nơi chữa bệnh Đông Tây y cho nhân dân.

Có thể nói Diệu Đế đã và đang đi theo đúng tôn chỉ người lập ra nó để mãi là quốc tự trong lòng người dân xứ Huế.

Một số hoành phi và câu đối:

Hoành phi:

1. Nguyên văn chữ Hán:

大覺殿

Đại Giác Điện

Dịch nghĩa:

Điện Đại giác

Chú thích:

Đại giác: Nghĩa là bậc giác ngộ lớn, chỉ sự giác ngộ của đất Phật, giác ngộ được thực tướng, triệt để tận nguồn.

2. Nguyên văn chữ Hán:

妙禪國寺

紹治甲辰四年春三月

恭改制保大癸巳年秋八月

Diệu Đế tự

Thiệu Trị Giáp Thìn Tứ Niên Xuân Tam Nguyệt

Cung Cải Chế Bảo Đại Quý Tị Niên Thu Bát Nguyệt.

Dịch nghĩa:

Quốc Tự Diệu Đế

Tháng Ba mùa xuân năm Giáp Thìn niên hiệu Thiệu Trị thứ tư (1844)

Tháng Tám mùa thu năm Quý Tỵ niên hiệu Bảo Đại cung kính cải chế.

1. Nguyên văn chữ Hán:

Hoành phi:

妙禪寺

紹治肆年吉月日恭造

Diệu Đế tự

Thiệu Trị Tứ Niên Cát Nguyệt Nhật Cung Tạo.

Dịch nghĩa:

Chùa Diệu Đế

Tạo ngày tháng lành năm thứ 4 niên hiệu Thiệu Trị (1844).

Câu đối 1:

Nguyên văn chữ Hán:

繁花何限往來人火宅匪吾家而三車出也

此岸幾多清淨地北辰居其所而眾星拱之

Phồn hoa hà hanh vãng lai nhân hỏa trạch phi ngô gia nhi tam xa xuất dã

Thử ngạn kỳ đa thanh tịnh địa bắc chấn cư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chi.

Dịch nghĩa:

Phồn hoa nào ít người qua lại, nhà lửa chẳng phải nhà ta, ba xe ra vậy

Bờ này bao nhiêu nơi thanh tịnh, bắc thần đứng đó, muôn sao châu về.

Chú thích:

Hỏa trạch: Nhà lửa, sự sinh tử ở ba cõi được ví như nhà lửa, kinh *Pháp Hoa* phần Thí dụ: “Ba cõi không yên, giống như nhà lửa, các nỗi khổ đầy rẫy, rất đáng sợ. Thường có các thứ sinh lão bệnh tử ưu hoạn, các thứ này như lửa rừng rực chẳng tắt”.

Tam xa: Ba loại xe. Chỉ xe dê, xe hươu, xe bò. Cũng dùng để nói đến ba thừa tương ứng là Thanh văn, Duyên giác và Đại thừa. Tam xa cũng tức là tam thừa giáo.

Bắc thần cư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chi: Trích trong *Khổng Tử - Luận ngữ*, Vi chính: “Vi chính dĩ đức thí như

bắc thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chi” (Làm chính trị dùng đức giống như chòm Bắc thần, ở vào chỗ của nó mà muôn sao cùng châu về).

Câu đối 2:

妙啟十玄門九有頓超生死地

禪觀一切法當人常住涅槃天

Diệu khai thập huyền môn cửu hữu đồn siêu sinh tử địa

Đế quan nhất thiết pháp đương nhân thường trụ niết bàn thiên.

Dịch nghĩa:

Khéo mở cửa thập huyền, chín chỗ vượt qua đất sinh tử

Rõ xem tất cả pháp, làm người nên trú trời Niết-bàn.

Chú thích:

Thập huyền môn: Còn gọi là thập duyên khởi, do tông Hoa Nghiêm đặt ra, chỉ rõ cái tướng của pháp giới, sự vô ngại trong bốn loại pháp giới, thông nghĩa này chỉ có thể nhập huyền hải của *Hoa Nghiêm* đại, nên gọi là Huyền môn. Huyền môn nghĩa là pháp môn huyền diệu, chỉ chung Phật pháp.

Cửu hữu: Còn gọi là Cửu cư. Trong ba cõi, những nơi mà loài hữu tình thích ở thì có chín chỗ, được gọi là cửu hữu tinh cư, hay cửu chúng sinh cư, nói tắt là cửu hữu, hoặc cửu cư, gồm: 1. Cõi người và sáu cõi trời ở Dục giới; 2. Cõi trời sơ thiên 3. Nhị thiên; 4. Tam thiên; 5. Cõi trời vô tưởng trong tứ thiên; 6. Không xứ; 7. Thực xứ; 8. Vô sở hữu xứ; 9. Vô tưởng phi phi tưởng xứ (trong số này, trừ vô tưởng, phi tưởng, còn lại gọi là Thất thức trụ).

Niết-bàn: Cách dịch cũ là Diệt, Tịch diệt... cách dịch mới là Viên tịch. Nghĩa là đầy khắp pháp giới, đức trùm khắp trần gian gọi là Viên. Nắm rõ hết chân tính, dứt bỏ hết tướng lụy gọi là Tịch”.

Câu đối 3:

一滴遍十方眾海朝宗香水海

微塵含大地群山仰止妙高山

Nhất trích biến thập phương chúng hải triều tông hương thủy hải

Vi trần hàm đại địa quần sơn ngưỡng chỉ diệu cao sơn.

Dịch nghĩa:

Một giọt khắp mười phương, muôn biển cùng châu biển Hương Thủy

Bụi nhỏ gồm đại địa, mọi núi ngưỡng trong núi Diệu Cao.

Chú thích:

Hương Thủy hải: Theo tiếng Phạn là át-già. Theo *Danh nghĩa tập*: “Át-già có nghĩa là nước”. Nhưng trong kinh điển chỉ nói đến thứ nước dâng cho Phật có bỏ hoa thơm vào. Nên gọi là Hương Thủy hải.

Vi trần: Sắc thể cực nhỏ không thể phân chia được.

Diệu Cao sơn: Tên dịch của núi Tu-di, ngọn núi cao nhất trong dãy núi. Nên gọi là Diệu Cao sơn vương. ■



Múa lân Sư Rồng Huế.

và những điều thú vị về Rồng

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN TOÀN

So với nhiều địa phương trong cả nước, biểu tượng về Rồng của Huế khá phong phú và đa dạng. Người viết xin liệt kê những điều thú vị về Rồng của Huế để bạn đọc có dịp thưởng lãm.

Thuyền Rồng Huế nổi tiếng nhất cả nước

Thuyền Rồng là một nét đặc trưng của văn hóa và du lịch Huế. Thời nhà Nguyễn, thuyền Rồng là phương tiện đi lại trên sông nước chỉ dành cho nhà vua.

Thuyền Rồng Huế có đầu và đuôi thuyền hình rồng, trên cửa có các chạm trổ của bảng khoa, mái bằng gỗ sơn màu vàng giả ngói, bên trong bố trí các rèm bằng lụa tơ tằm, nền rải thảm gấm.

Thuyền Rồng Huế to nhất là loại Tế Thông xưa. Thuyền rộng gần 4m, dài 30m, có ít nhất là hai tầng.

Đặc sắc du lịch thuyền Rồng Huế là khi bước vào không gian cổ xưa này du khách sẽ có dịp thưởng thức ca đàn Huế và đi tìm cái đẹp của trăng nước Hương giang đầy thơ mộng.

Múa lân Sư Rồng Huế đoạt giải nhì quốc tế

Huế không chỉ đẹp và nổi tiếng với quần thể di tích cố đô mà ẩn sâu trong văn hoá Huế còn có nhiều nét rất đặc trưng. Múa lân Sư Rồng là một trong những nét rất riêng đó.

Điểm nhấn của múa lân Sư Rồng ở Huế là nó đã được lưu giữ và phát triển qua nhiều thế hệ.

Đặc biệt đoàn Thái Nghi Đường của Huế đã vinh dự giành giải nhì trong cuộc thi múa lân Sư Rồng quốc tế với những đối thủ mạnh như Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản, Thái Lan...

Tác phẩm về Rồng của hoàng cung Huế

Các tác phẩm nghệ thuật gắn liền với hình tượng rồng được tạo tác vào thời Nguyễn nay vẫn được bảo tồn với số lượng đáng kể.

Trên chất liệu vàng bạc, hình rồng được điêu khắc tinh xảo phải kể đến là những chiếc ấn báu của Hoàng gia và những chiếc bình phong, trấn phong vô giá.

Trên đồ đồng thì hình tượng rồng đặc trưng nhất phải kể đến hình rồng khắc trên Cao đỉnh trước tòa Thế Miếu trong Hoàng thành Huế. Trước nhà hát cổ Duyệt Thị Đường cũng có đôi rồng điêu khắc đồng tuyệt đẹp. Rồng đặt trên bệ vuông, thân nửa phần cuộn quanh, nửa phần dựng lên để tạo dáng ngồi xồm rất thú vị. Mắt rồng nhìn thẳng, bờm và vây lưng dựng đứng, dáng vẻ ngạo nghĩnh hơn là oai vệ.

Trên chất liệu đá, hình tượng rồng thường được tạc thành khối riêng hoặc dạng phù điêu, trang trí hai bên bậc cấp lối đi, trên bình phong, trên bia đá quan trọng ở lăng tẩm. Những đôi rồng điêu khắc trên bình phong

lăng Thiên Thọ Hữu, lăng Hiếu Đông được xem là đạt đến vẻ đẹp kinh điển.

Tranh Rồng nghệ thuật graffiti lớn nhất Việt Nam

Mấy năm trước đây, tác phẩm “Rồng” vẽ bằng nghệ thuật graffiti do nhóm sinh viên mỹ thuật Trường Đại học Nghệ thuật Huế thực hiện tại hai dãy bờ tường chắn tôn dài 170m, với tổng diện tích gần 4.300m², bao quanh công trình xây dựng Trung tâm Thương mại Bắc Trường Tiền (thành phố Huế) đã trở thành tác phẩm graffiti có kích thước lớn nhất Việt Nam.

Đây là tác phẩm được giới thiệu tại Festival nghệ thuật truyền thống Huế 2007, diễn ra từ 8 đến 10/6/2007. Tác phẩm “Rồng” thể hiện theo mô-típ “lưỡng long triều nguyệt” của Cung đình Huế, với hình tượng một đôi rồng uốn lượn rất sinh động.

Rồng bằng đá quý lớn nhất Việt Nam

Được chế tác từ khối đá mã não, một loại ngọc số 1 ở Việt Nam, tác phẩm Rồng Việt nặng 1,8 tấn, dài 3,3m được xem là một trong những tác phẩm đá nghệ thuật rồng bằng đá quý lớn nhất Việt Nam hiện nay.

Để có được thể uốn lượn tự nhiên hết dáng rồng đang thăng theo mẫu hình tượng rồng thời Lê Nguyễn, nhóm thợ trạm khắc ở Huế phải mất 11 tháng mới hoàn thành tác phẩm.

Được biết, tác phẩm này đã từng được trưng bày tại Bảo tàng Hà Nội trong dịp Đại lễ 1.000 năm Thăng Long Hà Nội và đã được Ban tổ chức bình chọn là một trong hai tác phẩm tiêu biểu nhất mang đậm tính văn hóa Việt Nam của các hội sinh vật cảnh cả nước.

Đôi rồng chầu dài nhất Việt Nam

Huế đã lập Kỷ lục Việt Nam với đôi rồng chầu tại đền thờ vua Trần Nhân Tông, thuộc Trung tâm Văn hoá Huyền Trân.

Mỗi rồng chầu dài 105m, đầu cao 3,5m, thân cao 2,5m, vòng bụng nơi lớn nhất 2,6m. Để tạo hình đôi rồng chầu này các lực lượng thi công phải cần đến 78m³ cát, 8m³ sạn, 41,5 tấn xi-măng, 1,5 tấn sắt, 6 tấn bột đá, 3.300 viên gạch 6 lỗ, 33.000 viên gạch thẻ. Màu chủ đạo của đôi rồng chầu là màu xám được chạm trổ tinh xảo theo các mô-típ cầm kỳ thi họa, tam lân hỷ cầu, đan xen là những vầng mây khi ẩn, khi hiện.

Đôi rồng được tạo tác từ năm 2008, nhân kỷ niệm 750 năm ngày sinh và 700 năm ngày mất của vua Trần Nhân Tông.

Nơi chế ngự Rồng để lập quốc

Truyền thuyết kể rằng, thời các chúa Nguyễn đến định đô tại Thuận Hóa thì người dân thường trông thấy một con Rồng to xuất hiện trên không trung, làm mưa làm gió, quấy nhiễu triều cương.

Các chúa bèn tìm người tinh thông địa lý đến khảo

sát, mới hay, ngay trước mặt kinh thành Phú Xuân có một dãy núi thiêng, có hình dáng một con Rồng với nhiều long mạch khắc chế với đế quyền, cần phải có cao nhân trấn thủ điều phục điểm xấu.

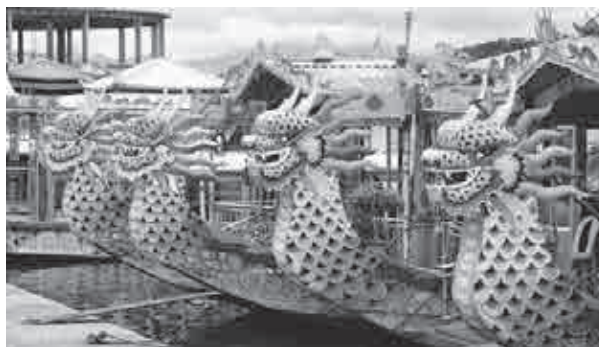
Từ đó, các chúa cho phép các thiền sư đạo cao đức trọng đến cắm tích trượng vào những huyết địa để thuần phục Rồng Thiêng, buộc chầu Thiên Đế, quả nhiên Rồng Thiêng không còn quấy phá nữa. Do vậy mà vùng đồi núi này có tên là Bình An Sơn. Trên dãy Bình An Sơn này có hàng chục ngôi chùa tọa lạc ở những vị thế tôn nghiêm, ra đời gắn với truyền thuyết. ■



Tác phẩm Rồng của Hoàng cung



Rồng Việt bằng đá quý lớn nhất Việt Nam



Thuyền Rồng Huế



Hoàn phi và câu đối tại phủ Tuy Lý Vương

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

1 Giới thiệu chung

Tuy Lý Vương (1820 -1897) tên thật là Nguyễn Phúc Miên Trinh, tự là Khôn Chương và Quý Trọng, hiệu Tĩnh Phổ và Vĩ Dã. Ông là con trai thứ 11 của vua Minh Mạng và bà Lê Thị Ái. Ông vốn nổi tiếng thông minh, tính nết chân phương đôn hậu. Chính vua Tự Đức, một ông vua nổi tiếng hay chữ và giỏi văn thơ vào hàng “chủ sớ” thời Nguyễn, đã nhiệt liệt ca ngợi tài năng văn chương và đức tính hiếu thảo của Tuy Lý Vương.

Năm Minh Mạng thứ 20 (1839) ông được phong làm Tuy Quốc công. Năm 1882, ông được cử làm Hữu Tôn chính Tôn nhân phủ, phong làm Tuy Lý Vương.

Giai đoạn quan trọng của Tuy Lý Vương gắn liền với hoàn cảnh chính trị - xã hội Việt Nam vô cùng rối ren, phức tạp. Sau nhiều thất bại liên tiếp về mặt quân sự và sự nhân nhượng về mặt ngoại giao, chính trị của triều Nguyễn, đất nước dần bị thực dân Pháp đặt nền đô hộ. Năm 1883, vua Tự Đức mất, triều đình Huế chia làm hai phe, phe chủ chiến có Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, còn Tuy Lý Vương đứng về phe chủ hòa, tuy không chấp nhận sự đô hộ của người Pháp,

nhưng do bế tắc của thời cuộc và của ý thức trung quân đơn thuần nên Tuy Lý Vương rất bất bình trước việc Thuyết - Tường liên tục phế lập các vua (Dục Đức - Hiệp Hòa - Kiến Phúc). Cuối năm 1883, một người con của ông là Hồng Sâm bị giết vì tham gia chống lại phái chủ chiến không thành. Sinh mạng của Tuy Lý Vương lúc đó bị đe dọa nên ông đã xin tá túc với người Pháp một thời gian để tránh cảnh hoạn nạn, do vậy mà khi bị người Pháp đưa về lại Huế, ông bị Thuyết - Tường bắt tội giáng làm Huyện công, sau đó bị đưa đi an trí tại Quảng Ngãi (4.1884). Sau khi vua Đồng Khánh lên ngôi (1885), ông mới được trở về sống ở Huế phục tước Tuy Lý công. Vào đầu thời Thành Thái (1889), ông được cử làm Phụ chính Thân thần. Năm 1897, ông cáo quan về hưu rồi mất vào năm 1897.

Sinh thời, ông sáng tác nhiều tác phẩm thơ văn có giá trị như: *Vỹ Dã hợp tập*, gồm 12 quyển, trong đó có 5 quyển văn, 6 quyển thơ, 1 quyển tự truyện. *Nữ phạm diễn nghĩa từ* (Lời diễn nghĩa các khuôn phép của nữ giới), là tác phẩm bằng chữ Nôm mang nội dung đề cao đạo đức người phụ nữ theo quan điểm luân lý

phong kiến, *Hòa Lạc ca* (Bài ca về con thuyền Hòa Lạc) gồm 64 câu thơ Nôm cùng làm chung với Miên Thẩm và Miên Bửu.

Phủ Tuy Lý Vương tọa lạc tại số 140 đường Nguyễn Sinh Cung, phường Vĩnh Dạ, thành phố Huế, diện tích khoảng hơn 2000m². Trong khuôn viên phủ hiện đang bảo tồn một số di tích kiến trúc sau: Cổng tam quan, Bình phong long mã, Từ đường bà Lê Thị Ái, Từ đường Tuy Lý Vương, Tả vu, Hữu vu. Trong đó, trừ Tam quan và Bình phong đứng riêng biệt ở phía trước, bốn di tích còn lại tạo thành lối cấu trúc nhà có bố cục theo dạng chữ khẩu (口), trong cấu trúc đó, đáng chú ý nhất là từ đường Tuy Lý Vương nằm phía sau khuôn viên. Công trình này chiếm vị trí trung tâm trong quần thể kiến trúc phù hợp với kết cấu “Trùng thiềm điệp ốc” chủ đạo (nóc sau nhà bao giờ cũng cao hơn nóc nhà trước), nhà rường ba gian hai chái, phía trước là ba bộ cửa bàn khoa chạy nối tiếp, phía sau và hai bên là tường gạch che chắn, mái lợp ngói liệt. Phía trước khuôn viên là ngôi từ đường một gian hai chái thờ phụng thân mẫu ngài là bà Lê Thị Ái.

Về phương diện mỹ thuật, từ ngoài đi vào, có thể thấy tam quan với bờ nóc, bờ quyết đắp cao dáng mái cong hình thuyền với những mô-típ trang trí thảo mộc được cách điệu thành rồng dây xen kẽ với mô-típ kỷ hà. Trên đỉnh cổng là hình mặt trời với các hồi văn dạng thảo mộc hóa rồng, tất cả đều đắp nổi bằng kỹ thuật khảm sành sứ, trên là những hình bát bửu, tứ linh, tứ thời. Phía trước mặt cổng tam quan là nhiều câu đối bằng chữ Hán.

Hàng chữ ngang chính giữa tam quan: 綏理王祠門 (Tuy Lý Vương từ môn - Cổng nhà thờ Tuy Lý Vương). Hàng chữ ngang bên trái: 孝忠益茂 (Hiếu trung ích mậu - Trung hiếu dồi dào). Hàng chữ ngang bên phải: 文質兼優 (Văn chất kiêm ưu - Văn chất đều tốt).

Câu đối ở hai bên cổng tam quan:

Nguyên văn:

大名垂宇宙

遺像肅清高

Đại danh thùy vũ trụ

Di tượng túc thanh cao⁽¹⁾.

Tạm dịch:

Tên lớn vang danh trùm vũ trụ

Hình dáng trang trọng mà thanh cao.

Câu đối chính giữa công tam quan:

Nguyên văn:

文擬魏曹植

德企漢劉蒼

Văn nghị Ngụy Tào Thực

Đức xí Hán Lưu Thương.

Tạm dịch:

Văn chương thì theo lối Tào Thực nhà Ngụy

Đức độ bao trùm cả Lưu Thương đời Hán.

Phủ Tuy Lý Vương là một công trình kiến trúc mang những giá trị cao về lịch sử và văn hóa và đã được công nhận là di tích quốc gia vào năm 1991, ngoài nét truyền thống trong kiến trúc một tòa phủ đệ, phủ còn lưu giữ được những giá trị di sản có giá trị như các lỗ bộ (gương, chùy, kiếm, kích...), các án thờ, khám thờ được sơn son thếp vàng chạm khắc tinh xảo, với các đồ án tứ linh, bát tửu quen thuộc được bày biện ở nội



điện gian thờ từ đường Tuy Lý. Đặc biệt đáng kể đến là hệ thống di sản Hán Nôm mà phủ còn lưu giữ được, ngoài 150 mộc bản là các tác phẩm thơ văn của ngài, phủ còn lưu giữ được khá nhiều văn bản chữ Hán, chữ Nôm được thể hiện trên các hệ thống hoành phi, đối liễn và 12 bức trướng (mỗi bên 6 bức ngăn cách 3 gian với 2 chái) bên trong gian thờ ngài Tuy Lý Vương. Tất cả đều có nội dung ca ngợi công đức, tài năng và là sự thể hiện tình cảm của các thế hệ con cháu đối với ông.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ giới thiệu phần hệ thống hoành phi câu đối bên trong phủ thờ Tuy Lý Vương và từ đường Lê Tiệp Dư.

2 Hệ thống hoành phi câu đối tại phủ Tuy Lý Vương

Về hệ thống hoành phi câu đối, hiện nay phủ còn lưu giữ được 2 bức hoành và 6 cặp đối liễn.

Về hoành phi, gồm 2 bức hoành.

Bức thứ nhất được đặt ở gian thờ bà Lê Tiệp Dư nằm phía trước phủ thờ Tuy Lý; đây chính là nơi thờ thân mẫu ngài, bức hoành nằm ở giữa hai dải liễn ba che thấp trước và sau gian giữa để 5 chữ Hán có nội dung là: 前朝黎婕妤祠 - Tiền triều Lê Tiệp Dư⁽²⁾ (Lê Tiệp Dư triều trước) kèm theo dòng phụ chữ cỡ nhỏ ghi lạc khoản: 嗣德丙寅孟春造 - Tự Đức Bính Dần mệnh xuân tạo - Tạo dựng vào tháng giêng năm Bính Dần đời vua Tự Đức (Tự Đức thứ 19 năm 1866), phía dưới bố trí án thờ ở trước, giữa là hai sập thờ. Bức thứ hai chính là bức hoành phi sơn son thếp vàng gồm 4 chữ Hán để danh hiệu ngài được đặt ở nội điện gian giữa thờ Tuy Lý Vương phía sau khuôn viên. Nguyên văn như sau: 綏理王祠 - Tuy Lý Vương từ (nhà thờ Tuy Lý Vương) kèm với dòng lạc khoản ghi năm tạo



dựng: 成太乙亥仲春吉日造 (Tạo dựng xong vào mùa xuân năm Thành Thái thứ 11 năm 1899). Bức thứ ba và bức thứ tư nằm ở hai bên tả hữu gian thờ Tuy Lý với phần lạc khoản ghi thời gian và danh tính, tước vị của người thực hiện giống nhau. Bức thứ ba được đặt ở bên tả gian thờ (nhìn từ trong ra), phía dưới là bức ảnh ngài Tuy Lý với bộ thường phục với nguyên văn: 達天下尊 - Đạt thiên hạ tôn (Được thiên hạ tôn trọng); gồm 2 phần lạc khoản. phần thứ nhất ghi danh tánh và tước vị người thực hiện: 清督尊室詠拜奉 - Thanh đốc Tôn Thất Vịnh bái phụng (Tổng đốc Thanh Hóa Tôn Thất Vịnh kính bái). Phần thứ hai ghi ngày thực hiện: 成泰丁酉仲秋 - Thành Thái Đinh Dậu trọng thu (Mùa thu năm Đinh Dậu đời Thành Thái - Thành Thái thứ 9 năm 1897). Bức thứ tư nằm ở bên hữu gian thờ (nhìn từ trong ra), phía dưới được đặt bức ảnh Vương đang mặc bộ triều phục, bức hoành như sau: 河間大雅 - Hà Gian⁽³⁾ đại nhã (Dáng dấp tao nhã của Hà Gian).

Ngoài gian thờ chính giữa thờ phụng ngài Tuy Lý Vương, hai bên là hai gian tả hữu của từ đường còn có

các án thờ và bài vị các con trai (gian tả) và các con gái (gian hữu) của ngài.

Về câu đối, gồm 6 cặp đối liễn.

Hầu hết các cặp đối liễn ở phủ thờ Tuy Lý Vương đều được trình bày theo ba lối chữ Hán chân, lệ, triện. Chữ được khắc chìm trên gỗ, sơn son thếp vàng.

1. Cặp thứ nhất

Nguyên văn:

才學識河間上品

德齒爵天下達尊

Tài, học, thức Hà Gian thượng phẩm

Đức, xỉ, tước thiên hạ đạt tôn.

Tạm dịch:

Cái tài, học, thức thì ông thuộc hàng thượng phẩm so với Hà Gian;

Đức, Xỉ, Tước là ba điều ông có, đáng để thiên hạ tôn trọng.

Cặp đối liễn này gồm hai phần lạc khoản, phần thứ nhất ghi thời gian thực hiện 成泰甲午 - Thành Thái Giáp Ngọ (Thành Thái thứ 6 năm 1894).

Phần thứ hai ghi danh tánh và tước vị người thực hiện:

輔政大臣東閣大學士充機密院大臣國史館副總裁充經筵講官張光熹拜上 - Phụ chính đại thần, Đông các Đại học sĩ sung Cơ mật viện đại thần, Quốc sử quán phó tổng tài, sung Kinh diên giản quan Trương Quang Đản⁽⁴⁾ kính bái (Phụ chính đại thần Đông các Đại học sĩ, Cơ mật viện đại thần, phó Tổng tài Quốc sử quán, Kinh diên giản quan Trương Quang Đản kính bái).

2. Cặp thứ hai

Nguyên văn:

天將元老維全局

帝重周親錫大封

Thiên tương nguyên lão duy toàn cục

Đế trọng Chu thân⁽⁵⁾ tích đại phong.

Tạm dịch:

Trời cho bậc nguyên lão để duy trì toàn cục;

Vua xem trọng bà con trong hoàng tộc nên ban tước lớn.

Lạc khoản gồm 2 phần, phần thứ nhất ghi ngày thực hiện cặp đối liễn này: 成泰乙未春 - Thành Thái Ất Mùi xuân (Thành Thái thứ 7 năm 1895)

Phần thứ hai ghi danh tánh những vị thực hiện: 尊爵等全拜上 - Tôn tước đẳng bái thượng (các vị trong dòng họ đồng kính dâng).

3. Cặp thứ ba

Nguyên văn:

與國同休周冢宰

處家樂善漢東平

Dữ quốc đồng hưu Chu Chung tể⁽⁶⁾;

Xử gia lạc thiện Hán Đông Bình⁽⁷⁾.

Tạm dịch:

Vui cùng với đất nước, ông là bậc Chung tể nhà Chu
Lấy việc thiện để làm nếp nhà, ông là Đông Bình
vương nhà Hán.

Cặp đối liễn này gồm có lạc khoản gồm hai phần, phần thứ nhất ghi rõ thời gian thực hiện: 成泰乙未仲春 - Thành Thái Ất Mùi trọng xuân (mùa xuân năm Ất Mùi đời Thành Thái - Thành Thái thứ 7 năm 1895).

Phần thứ hai ghi nơi thực hiện:

尊人府承辦司員屬同拜 - Tôn nhân phủ Thừa biện
ty viên thuộc đồng bái (các quan viên thuộc ty Thừa
biện phủ Tôn nhân cùng kính bái).

4. Cặp thứ tư

Cặp này được thể hiện theo lối chữ Hán triện, sơn
son thiếp vàng.

Nguyên Văn:

闡發聖言亦經羽翼

輔成君德又稔憂勤

Xiển phát thánh ngôn diệc kinh vũ dục

Phụ thành quân đức hựu nểm ưu cần.

Tạm dịch:

Mở rộng lời của bậc thánh hiền, chấp thêm lòng
cánh (trợ giúp) cho bề trên;

Vì vua mà tạo nên đức lớn, lại có lòng lo cho nước,
cho dân.

Cặp liễn đối này gồm hai phần lạc khoản, phần thứ
nhất ghi thời gian thực hiện: 維新壬子冬吉旦 - Duy Tân
Nhâm Tý cát đán (Ngày lành năm Duy Tân thứ 6 - 1912).

Phần thứ hai ghi rõ tước vị và danh tánh những vị
thực hiện cặp đối liễn như sau:

工部侍郎子洪葭奉護使孫膺蒞拜 - Công bộ Thị
lang tử Hồng Thiết Phụng Hộ sứ tôn Ứng Ân (Con là
Công bộ Thị lang Hồng Thiết⁽⁸⁾ cùng cháu Phụng Hộ sứ
Ứng Ân kính bái).

5. Cặp thứ năm

Nguyên văn:

Cặp này được cách điệu theo lối chữ Hán lệ.

識曲酒邊調綠綺

齊名海外峙倉山

Thức khúc tửu biên điều Lục y⁽⁹⁾

Tề danh hải ngoại trí Thương Sơn⁽¹⁰⁾.

Tạm dịch:

Vui vầy bên chén rượu, thường thức khúc đàn Lục Y;
Tiếng tăm vang dội khắp trong ngoài nước, giống
như ngọn núi Thương Sơn.

Cặp đối này gồm ba phần lạc khoản, phần thứ nhất
ghi xuất xứ của cặp liễn với nguyên văn như sau: 綏理
賢王賜題坦園樂府報之以聯 - Tuy Lý hiền vương tử đề

thần viên Nhạc Phủ báo chi dĩ liễn (Ngài Tuy Lý Vương
chép cặp liễn đối cho vườn Nhạc Phủ).

Phần thứ hai ghi người tặng cặp liễn đối:

辛巳仲夏長沙楊恩壽寄呈 - Tân Tỵ trọng hạ Trường
Sa Dương Ân Thọ ký trình (mùa hạ năm Tân Tỵ (1881)
Trường Sa Dương Ân Thọ⁽¹¹⁾ để gửi).

Phần thứ ba ghi danh tánh vị thực hiện việc in khắc
cặp liễn này: 孫膺恩舉刻奉供 - Tôn Ứng Ân cử khắc
phụng cung (Cháu Ứng Ân đem khắc phụng cúng).

* Cặp đối này do Dương Ân Thọ tặng ngài Tuy Lý
Vương, và Vương chép lại, sau đó cháu ngài là Ứng Ân
đem khắc.

6. Cặp thứ sáu:

Nguyên văn:

老至不知子孫曾玄已見

仕優則學典墳邱索未窮

Lão chí bất tri tử tôn tằng huyền dĩ kiến

Sĩ ưu tắc học điển phần Khâu sách vị cùng.

Tạm dịch:

Cái già đang đến, mà không biết con cháu đời sau
đã có thấy vậy hay chưa;

Cái lo nghĩ của kẻ sĩ, người làm quan thì phải chăm
chỉ vào sách vở không bao giờ thôi.

* (Ý câu này không những chỉ bản thân ngài Tuy
Lý mà còn có ý ám chỉ rằng: đời người có hạn, mà cái
học thì khôn cùng. Vì vậy, ngài mong muốn các con
cháu sau này dù có làm quan hay không thì cũng phải
không ngừng rèn luyện học tập).

Lạc khoản gồm hai phần. Phần thứ nhất ghi thời
gian thực hiện cặp đối liễn này: 成泰丁酉年仲夏 -
Thành Thái Đinh Dậu niên trọng hạ (mùa hè năm
Thành Thái thứ 9 - 1897).

Phần thứ hai ghi danh tánh người thực hiện: 綏理
王 - Tuy Lý Vương. ■

Chú thích:

(1) Thơ Đỗ Phủ.

(2) Lê Tiếp Dư (1799-1863): Thân mẫu của Tuy Lý Vương, được
phong Tiếp Dư.

(3) Hà Gian: Danh sĩ, con vua Hán Cảnh Đế.

(4) Trương Quang Đản (1833-1914): Danh thần đời Nguyễn.

(5) Chu thân: Ý nói những người trong hoàng tộc nhà Nguyễn
giống như những hoàng thích nhà Chu.

(6) Chu Chung tể: Đại thần đời Chu.

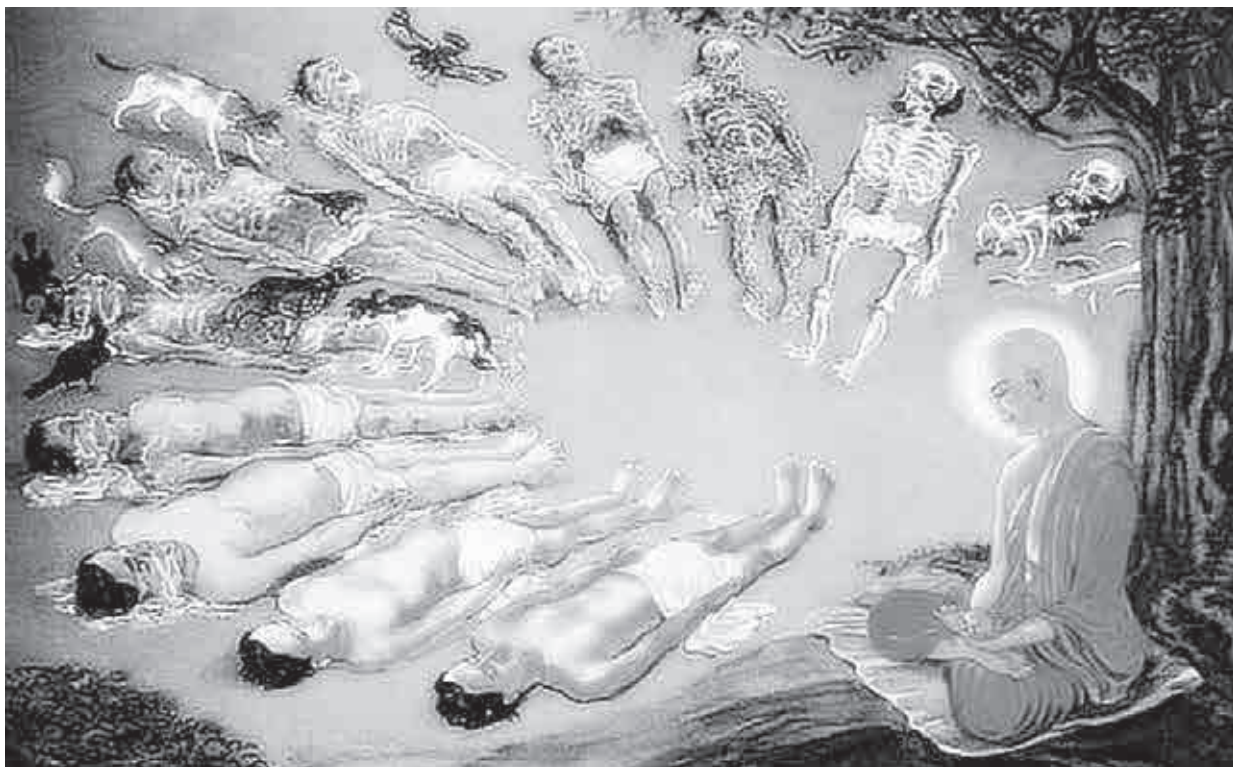
(7) Hán Đông Bình: Tức Đông Bình vương, con thứ tám của
Quang Vũ nhà Đông Hán, có công sửa sang lễ nhạc.

(8) Hồng Thiết (1848-1937): Tự Lục Khanh, hiệu Liên Nghiệp
Hiên, con trai thứ 18 của Tuy Lý Vương.

(9) Lục y: Tên một loại đàn cổ, một trong tứ đại danh cầm.

(10) Thương Sơn: Tên núi ở Vân Nam Trung Quốc.

(11) Dương Ân Thọ: Có thể là một nhân vật trong phái
đoàn sứ thần Trung Quốc sang Việt Nam dưới triều vua Tự
Đức năm 1881.



Vô thường gọi lẽ sống an lạc

NHƯ HUỆ

Vô thường (*anicca*) hay sự vận động khách quan của hết thảy sự vật và hiện tượng là một quy luật tự nhiên mà sự chiêm nghiệm về nó luôn mang lại lợi lạc cho con người. Những bậc hiền minh xưa nay đạt đến thông thái và thể hiện lối sống thanh thân chính là nhờ khéo nắm bắt và vận dụng nguyên lý vô thường. Nó là lý do của sự thanh thân và cũng là nguyên nhân cho mọi nỗ lực hướng thiện của con người. Dựa vào sự thật vô thường, đạo Phật gọi lối đi hạnh phúc an lạc cho nhân thế. Kinh *Tương Ưng Bộ* lưu nhắc mọi người:

*Thời gian lặng trôi qua,
Đêm ngày luôn di động;
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,*

*Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.¹*

Con người thường có ý nghĩ mong mình trẻ mãi không già; ý tưởng đó đạo Phật gọi là mê lầm, điên đảo, hư huyền, hý luận vọng tưởng, cần phải từ bỏ, vì “cái gì có sanh tức có già chết”. Nhờ nhận thức đúng đắn như vậy về chính mình mà con người hết mê lầm, trở nên sáng suốt và tỉnh táo, không còn quay cuồng và dao động, không lao tâm khổ tứ vì cái gọi là trẻ hay già. Mặt khác, biết mình phải già hay sẽ già, không trẻ mãi, chính là lý do thôi thúc con người biết cách sửa soạn mọi thứ tốt đẹp để chào đón cái già một cách thanh thân an lạc. Đạo Phật khuyên mọi người suy nghĩ và sống như vậy: “*Ta bị già chi phối, ta không thoát khỏi già; vậy ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý*”.²

Một ngày kia, bậc Giác ngộ đã gọi lối sống chơn

chánh cho vị vua hiền minh Pasenadi nước Kosala bằng câu chuyện đàm đạo rất ý nhị:

“Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có người đến với Đại vương từ phương Đông, một người thân tín, đáng tin cậy. Người ấy đến Đại vương và thưa: “Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Đông lại và có thấy tại đấy một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm”. Rồi một người khác đến từ phương Tây... Rồi một người thứ ba đến từ phương Bắc... Rồi một người thứ tư đến từ phương Nam, thân tín đáng tin cậy. Người ấy đến Đại vương và thưa: “Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Nam lại và có thấy tại đấy một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp lên tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm”. Như vậy, thưa Đại vương, một khủng bố lớn khởi lên cho Đại vương, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sinh làm người thật khó khăn, thời Đại vương có thể làm được những gì?

- Như vậy, bạch Thế Tôn, một khủng bố lớn khởi lên, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sinh làm người thật khó khăn, thời con có thể làm được những gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

- Thưa Đại vương, Ta nói cho Đại vương biết, Ta cáo cho Đại vương hay. Thưa Đại vương, già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì?

- Bạch Thế Tôn, khi con bị già và chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với tượng binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với tượng binh không đem lại một hướng đi (gati), một điểm tựa cho các vua chúa ấy, một khi bị già chết chinh phục. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với mã binh... với xa binh... với bộ binh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, trong vương quốc này có những đại thần tinh luyện về thần chú. Các vị này có thể với thần chú, phá tan quân địch tới tấn công. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến chú thuật không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua ấy một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, trong vương cung này có nhiều số vàng được chứa cất trong những nhà hầm hay những lầu thượng, và với số vàng ấy chúng con có thể phá tan quân địch tấn công tài chánh. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận

chiến tài chánh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

Và bạch Thế Tôn, khi con bị già chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

- Như vậy là phải, thưa Đại vương. Như vậy là phải, thưa Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức.

Và bậc Giác ngộ nói thêm:

Như núi đá rộng lớn,
Dựng đứng lên hư không,
Tiến tới tràn xung quanh,
Áp đè cả bốn phía.
Cũng vậy, già và chết,
Di chuyển đến hữu tình,
Giai cấp Sát-đế-ly,
Bà-la-môn, Phệ-xá,
Thủ-đà, Chiên-đà-la,
Kẻ đồ rác, đồ phân,
Không một ai thoát khỏi,
Tất cả bị chinh phục.
Ở đây không tượng binh,
Không xa binh, bộ binh,
Không trận chiến chú thuật,
Không trận chiến tài sản,
Có thể giúp chiến thắng,
Chống với già, với chết.
Do vậy người hiền trí,
Thấy rõ phần tự lợi,
Người trí đặt tin tưởng,
Vào Phật, Pháp và Tăng.
Ai với thân, khẩu, ý,
Hành trì đúng Chánh pháp,
Đời này được tán thán,
Đời sau, hưởng phước trời.³

Đối với người xuất gia, vô thường là tiếng gọi thúc tỉnh lớn về mục tiêu cần cầu giải thoát, cần cầu giác ngộ. Trong đời sống tu tập hàng ngày, người xuất gia được khuyên phải thường xuyên tư lự: “Đêm ngày trôi qua bên ta và nay ta đã thành người như thế nào?”⁴ Đức Phật xác nhận rằng do thường xuyên quán sát sự kiện vô thường (già, bệnh, chết...), con đường giác ngộ (magga) được sanh khởi. Vị Tỷ-kheo sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.⁵ Nói cách khác, sự chiêm nghiệm và nhận diện bản chất vô thường khổ đau của cuộc đời là động cơ thúc người xuất gia tinh tấn tu tập giáo pháp của Phật để nhanh chóng đạt được mục đích giác ngộ, đoạn tận mọi gốc rễ phiền não, thoát ly mọi hệ lụy khổ đau. Bậc Đạo sư khuyến nhắc các Tỷ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo, do quán thấy năm sợ hãi về tương lai này, thật là vừa đủ để Tỳ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Thế nào là năm?"

Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo quán sát như sau: "Nay ta còn trẻ, niên thiếu, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời. Nhưng rồi đến thời già sẽ xúc chạm thân này. Khi đã già yếu và bị già chinh phục, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hằng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, có bị già, ta sẽ sống được thoải mái".

Này các Tỳ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ nhất này về tương lai, như vậy là vừa đủ để Tỳ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo quán sát như sau: "Nay ta ít bệnh, ít nã, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn, nhưng rồi đến thời bệnh sẽ xúc chạm thân này. Khi đã bị bệnh và bị bệnh chinh phục, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hằng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, dầu có bị bệnh, ta sẽ sống được thoải mái".

Này các Tỳ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ hai này về tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỳ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo quán sát như sau: "Nay không có đói kém, được mùa, đồ ăn khát thực dễ kiếm được, thật dễ dàng để nuôi sống bằng khát thực nỗ lực. Nhưng rồi đến thời có nạn đói, mất mùa, đồ ăn khát thực khó được, không dễ gì để nuôi sống bằng khát thực nỗ lực. Và những người bị nạn đói sẽ dời đến chỗ nào được nhiều đồ ăn; tại đấy, phải sống với quần chúng, phải sống với hỗn tạp. Khi phải sống với quần chúng, phải sống với hỗn tạp, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái

ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hằng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, có bị đói kém, ta sẽ sống được thoải mái".

Này các Tỳ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ ba này về tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỳ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo quán sát như sau: "Nay các loài Người sống với nhau thuận hòa, hoan hỷ với nhau, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Nhưng rồi đến thời có sự sợ hãi về nạn cướp rừng, dân chúng trong nước leo lên xe để đi trốn tại chỗ nào có sự sợ hãi, dân chúng di động đến chỗ có sự an ổn. Tại đấy, phải sống với quần chúng,

phải sống với hỗn tạp. Trong khi sống với quần chúng, sống với hỗn tạp, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng.. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta phải hằng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đạt, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Và nếu thành tựu trạng thái ấy, có gặp sự sợ hãi, ta sẽ sống được thoải mái".

Này các Tỳ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ tư này về tương lai, như vậy là vừa đủ để Tỳ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo quán sát như sau: "Nay chúng Tăng hòa hợp, cùng nhau hoan hỷ, không tranh luận nhau, sống thoải mái cùng chung một lời dạy. Nhưng rồi đến thời chúng Tăng chia rẽ. Khi chúng Tăng chia rẽ, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hằng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, chúng Tăng có chia rẽ, ta sẽ sống được thoải mái".

Này các Tỳ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ năm này về tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỳ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.



Này các Tỳ-kheo, do quán thấy năm sợ hãi này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỳ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.”⁶

Nhìn chung, vô thường là tiếng gọi thức tỉnh và cũng là bài học hết sức lợi lạc dành cho người hiểu biết. Nó có công năng đánh thức năng lực sáng suốt và tinh táo của con người trước muôn vàn biến động của cuộc đời, giúp con người có đủ hiểu biết và nghị lực để thanh thân đón nhận mọi sự thật không như ý của kiếp người: “Với vị Thánh đệ tử có học, này các Tỳ-kheo, phải bị già và già đến; khi già đến, vị ấy suy tư như sau: “Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến. Nhưng đối với các loài hữu tình, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị già, và già đến. Và nếu phải bị già và già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí; các công việc không có xúc tiến; kẻ thù sẽ hoan hỷ; bạn bè sẽ lo buồn”. Vị ấy phải bị già, khi già đến, không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh”⁷

Mặt khác, nhận rõ bản chất vô thường hư huyễn của hết thảy mọi thứ trên cuộc đời khiến con người trở nên tinh táo và sáng suốt, như trường hợp nhà vua Pasenadi,⁸ bớt tham vọng, bớt quay cuồng, không đam mê tài vật, không ý lại chức quyền, không làm điều bất chánh vì

động cơ dục vọng, thể hiện nếp sống chân chánh, biết tích lũy công đức, nỗ lực làm các thiện nghiệp. Riêng đối với người xuất gia thì vô thường chính là tiếng gọi tỉnh cần tinh tấn, nhiệt tâm tu học để sớm hoàn thành mục đích cao cả của lý tưởng xuất gia: “Nay ta còn trẻ, niên thiếu, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời. Nhưng rồi đến thời già sẽ xúc chạm thân này. Khi đã già yếu và bị già chinh phục, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hằng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, có bị già, ta sẽ sống được thoải mái”⁹ ■

Chú thích:

1. Kinh Thời gian trôi qua, *Tương Ưng Bộ*.
2. Kinh Thiên sứ, *Trung Bộ*.
3. Kinh Ví dụ hòn núi, *Tương Ưng Bộ*.
4. Kinh Các pháp, *Tăng Chi Bộ*.
5. Kinh Sự kiện cần phải quán sát, *Tăng Chi Bộ*.
6. Kinh Các sợ hãi về tương lai, *Tăng Chi Bộ*.
7. Kinh Sự kiện không thể có được, *Tăng Chi Bộ*.
8. Xem Kinh Ví dụ hòn núi, *Tương Ưng Bộ*.
9. Kinh Các sợ hãi về tương lai, *Tăng Chi Bộ*.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Bảo An : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
 Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
Cty TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **454 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
Email: toasoanvhpg@gmail.com

Ban Biên tập



Kinh Hoa Nghiêm

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Con người sinh ra trong thế giới và dần dần, ngoài những sự vật đã có trong thiên nhiên, sáng chế ra những sự vật để dùng trong cuộc sống. Thế giới và sự vật được cải tạo, chế tạo do những hành động (nghiệp) từ xa xưa cho đến ngày nay.

Thế giới và sự vật trong đó là do vô lượng nhân duyên và những hành động của chúng sanh và những thiện nghiệp của Bồ-tát:

“Ví như đại thiên thế giới này chẳng phải do một duyên, một sự mà được thành tựu, phải do vô lượng nhân, vô lượng sự mới được thành... Như trên đây đều do cộng nghiệp của chúng sanh và thiện căn của chư Bồ-tát phát khởi, làm cho tất cả chúng sanh trong đó đều tùy chỗ thích hợp mà được thọ dụng.

Vô lượng nhân duyên như vậy mới thành đại thiên thế giới. Pháp tánh như vậy không có sanh giả, không có tác giả, không có tri giả, không có thành giả, nhưng đại thiên thế giới vẫn được thành tựu” (Phẩm Như Lai xuất hiện, thứ 37).

Thế giới và sự vật do vô lượng nhân duyên mà có, và do vô lượng duyên sanh nên vô tự tánh, bản chất là tánh Không: không có sanh giả, tác giả, tri giả, và thành giả.

Thế giới ấy, dù rộng lớn bao la như vũ trụ, cũng nằm trong thân Phật, không chỗ nào không có thân Phật:

*Như Lai rộng lớn khắp pháp giới
Với các quần sanh đều bình đẳng...
Thân Phật hiện khắp cả mười phương
Vô trước, vô ngại, bất khả thủ...
Phật trí như hư không vô tận
Quang minh soi sáng khắp mười phương...*

(Phẩm Thế chủ Diệu Nghiêm, thứ 1)

Như vậy, mười phương thế giới và những sự vật trong đó đều ở trong thân Phật. Rõ hơn là ở trong Pháp thân tánh Không và Báo thân quang minh.

Sự vật được bao trùm trong Pháp thân tánh Không và Báo thân quang minh, nhưng tự thân sự vật là gì?

*Như Lai trang nghiêm cõi rộng lớn
Đồng với tất cả số vi trần
Phật tử thanh tịnh đều khắp đầy
Mưa bất tư nghì pháp vi diệu.
Như trong hội này thấy Phật ngồi
Tất cả vi trần đều như vậy
Phật thân không đến cũng không đi
Bao nhiêu quốc độ đều hiện rõ.*

(Phẩm Thế chủ Diệu Nghiêm, thứ 1)

Thân Phật có trong các cõi nước, các sự vật, cho đến các vi trần. Thậm chí trong mỗi sự có tất cả Phật:

*Tất cả Như Lai trong ba thời
Thần thông hiện khắp thế giới hải
Trong mỗi sự có tất cả Phật
Hãy xem thanh tịnh trang nghiêm ấy.
Quá khứ, hiện tại, vị lai kiếp
Mười phương tất cả các quốc độ
Tất cả sự trang nghiêm trong đó
Đều thấy ở trong một cõi nước.
Vô lượng Phật trong tất cả sự
Số đông chúng sanh khắp thế gian
Vi khiến điều phục hiện thần thông
Do đây trang nghiêm thế giới hải.*

(Phẩm Thế giới thành tựu, thứ 4)

“Phật thân không đến cũng không đi”, đây là Pháp thân Phật. Còn Báo thân quang minh của Phật thì cũng đầy khắp mười phương, trong mỗi mỗi vi trần:

*Thân Phật phóng quang minh
Đầy khắp cả mười phương
Tùy ứng mà thị hiện
Trong đủ thứ sắc tướng.
Trong mỗi mỗi vi trần
Đều đầy đủ quang minh
Được thấy khắp mọi cõi
Dù chủng loại sai khác.*

(Phẩm Như Lai hiện tướng, thứ 2)

Trong mỗi sự vật cho đến mỗi vi trần đều có đầy đủ Pháp thân tánh Không của chư Phật, bởi vì mỗi sự vật đều không có tự tánh, mỗi sự vật đều là tánh Không.

Trong mỗi sự vật cho đến trong mỗi vi trần đều có đầy đủ quang minh, tức là có đầy đủ Báo thân Phật.

Mỗi sự vật, dù do cộng nghiệp của chúng sanh và thiện nghiệp của chư Bồ-tát, đều là sự ứng hiện của tánh Không vô tự tánh. Mỗi sự vật sanh khởi từ tánh Không, hiện diện trong tánh Không và tiêu tan trong tánh Không. Mỗi sự vật chính là sự ứng hóa của tánh Không theo nghiệp của chúng sanh. Như thế, khi tánh Không là Pháp thân, thì sự vật là ứng hóa thân của tánh Không, tức là Ứng hóa thân của Pháp thân.

Khi đã thấy như thế thì mỗi sự vật đều có đủ Ba thân: Pháp thân tánh Không, Báo thân quang minh và Hóa thân sắc tướng là sự ứng hiện của Pháp thân tánh Không.

Sự vật vốn toàn thiện, viên mãn trong chính chúng vi có đủ cả Ba thân.

Sự toàn thiện, viên mãn này cũng là sự trang nghiêm thanh tịnh được nói rất nhiều trong kinh *Hoa Nghiêm*. Sự trang nghiêm thanh tịnh này nằm sẵn trong sự vật cho đến mỗi vi trần. Với cái thấy như vậy, sự vật và chúng sanh do tưởng phân biệt biến mất, chỉ còn sự vật và chúng sanh “như lưới ngọc của trời Đế Thích”, chỉ còn Pháp thân, Báo thân, Hóa thân Phật.

Nhan đề kinh *Hoa Nghiêm* nói lên điều đó: sự vật là trang nghiêm thanh tịnh như những đóa hoa, với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp theo nghĩa thiêng liêng nhất (xem bài *Ngũ Trí Như Lai*, VHPG số 218 – 219), và những đóa hoa ấy đã kết nên thế giới, pháp giới. Pháp giới ấy được người xưa gọi là Pháp giới Chân Không–Diệu Hữu.

Chính trong ý nghĩa ấy mà khắp nơi đều có Phật, ở đâu cũng thấy Phật:

*Các pháp không chỗ đến
Cũng không có tác giả
Cũng không từ đâu sanh
Thức chẳng thể phân biệt.
Tất cả pháp không đến
Vì thế nên không sanh
Nên cũng không có diệt
Tất cả pháp vô sanh
Tất cả pháp vô diệt*

Nếu biết được như vậy

Người này thấy được Phật.

(Phẩm Dạ Ma cung kệ tán, thứ 20)

Trước pháp giới đầy đặc Phật như vậy, Bồ-tát Phổ Hiền tán thán Phật trong bài kệ cuối cùng của phẩm *Nhập Pháp giới*. Tán thán, xưng tán là một trong mười hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền.

Mở đầu bài kệ, Bồ-tát Phổ Hiền nói: “Các ngài lắng nghe! Nay tôi muốn nói tướng một giọt nước trong biển công đức của Phật”.

Ở đây chúng ta chỉ trích ra vài câu kệ để thấy chút ít giọt công đức ấy:

*Mỗi mỗi đầu lông bất khả thuyết
Chư Phật tướng hảo ba mươi hai
Bồ-tát quyến thuộc đồng vây quanh
Vi độ chúng sanh luôn thuyết pháp.
Hoặc xem thấy nơi một lỗ lông
Đầy đủ cõi trang nghiêm rộng lớn
Vô lượng Như Lai đều ở trong
Phật tử thanh tịnh đều sung mãn.
Hoặc là thấy trong một vi trần
Có đủ hằng sa cõi nước Phật
Vô lượng Bồ-tát đều thấy khắp
Bất khả thuyết kiếp tu các hạnh.
Hoặc là thấy nơi một đầu lông
Vô lượng trần sa những sát hải
Bao nhiêu nghiệp khởi đều sai khác
Tỳ Lô Giá Na chuyển pháp luân...*

Toàn thể kinh *Hoa Nghiêm* là lời tán thán, ca ngợi pháp giới Ba thân Phật. Sự tán thán, ca ngợi ấy khắp suốt cả thời gian, không gian, và bằng sự tán thán, ca ngợi, Bồ-tát Phổ Hiền trở thành tất cả pháp giới.

Nói cách khác, toàn thể pháp giới là lời tán thán, ca ngợi của Bồ-tát Phổ Hiền:

“Nói xưng tán Như Lai là thế này: Tận pháp giới hư không giới, mười phương ba đời tất cả các cõi nước có bao nhiêu vi trần, trong mỗi mỗi vi trần đều có các Phật nhiều như số vi trần trong tất cả thế gian. Nơi mỗi mỗi Phật đều có hải hội Bồ-tát vây quanh. Tôi phải trọn dùng tri kiến hiện tiền thắng giải rất sâu, mỗi mỗi đều dùng lưới vi diệu hơn Biện Tài thiên nữ, mỗi mỗi lưới xuất sanh vô tận âm thanh hải, mỗi mỗi âm thanh xuất sanh tất cả ngôn từ hải, tán thán ngợi ca tất cả công đức hải của tất cả Như Lai, ca ngợi cho đến hết đời vị lai, tương tục không dứt, khắp cả pháp giới không chỗ nào không đến.

Như vậy bao giờ hư không giới tận, chúng sanh giới tận, nghiệp chúng sanh tận, phiền não chúng sanh tận, sự tán thán ca ngợi của tôi mới cùng tận. Nhưng hư không giới cho đến phiền não không có cùng tận, cho nên sự tán thán ca ngợi này của tôi không có cùng tận, niệm niệm tương tục không có gián đoạn, ba nghiệp thân, ngữ, ý không hề mệt chán”.

(Kinh Phổ Hiền hạnh nguyện) ■

Thấp thoáng lời kinh

Con đường Bồ-tát

ĐỖ HỒNG NGỌC

Làm sao “ở nơi sinh tử mà chẳng làm việc ô trước, ở nơi Niết-bàn mà chẳng diệt độ mãi mãi”, làm sao mặc áo giấy đi với ma, mà vẫn “thị hiện hàng phục chúng ma”? Làm sao hành tánh Không mà vẫn trồng các cội công đức? Hành Vô tướng mà vẫn độ chúng sanh? Có tam minh lục thông mà... lậu hoặc vẫn còn? Làm sao Đại bi mà không ái kiến? Con đường Bồ-tát quả là không dễ chút nào!

Nhắc lại hôm đó Bảo Tích, một thanh niên con nhà trưởng giả, cùng năm trăm bạn bè ngựa xe rầm rập đến Vườn Xoài để bái kiến Phật, xin Phật chỉ dạy các “hạnh Tịnh độ”. Họ đều đã phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nhưng chưa thể “xuất gia”, sống nếp sống đầu tròn áo vuông, ngồi yên dưới cội cây già và đi lang thang khát thực... Cùng tham dự buổi hôm đó còn có bậc Bồ-tát, A-la-hán và hàng vạn thánh chúng lắng nghe lời Phật thuyết giảng.

Phật dạy: “Lành thay, Bảo Tích! Ông đã vì chư Bồ-tát hỏi Như Lai về hạnh Tịnh độ. Hãy lắng nghe, lắng nghe! Hãy suy nghĩ cho kỹ. Ta sẽ vì ông mà giảng thuyết” (...).

Sau khi các vị Đại đệ tử Phật từ chối không đi thăm bệnh cho Duy-ma-cật, nêu lý do này lý do khác, thực chất là tự phán về chính mình, những suy tư dằn vặt lâu, nay mới có dịp bộc lộ, Phật quay sang Văn Thù nói “Bây giờ tới lúc ông phải đi rồi đó. Ông đến thăm bệnh cho Duy-ma-cật đi, nhớ nói Như Lai gửi lời ân cần thăm hỏi”.

Văn Thù đánh giá rất cao Duy-ma-cật: “Ông ấy thấu suốt sâu xa thật tướng; thuyết diễn rành mạch yếu lý của pháp; biện tài; trí tuệ không ngăn ngại; biết hết pháp thức của Bồ-tát; đặc nhập tạng bí mật của chư Phật; hàng phục chúng ma; du ý thần thông. Huệ và phương tiện đều đến mức vẹn toàn”.

Nghe vậy, tất cả đều náo nức muốn được tham dự buổi tranh luận chắc chắn sôi nổi, hiển bày “diệu pháp” của hai vị thượng thủ, bèn rùng rùng xin theo. Phật im lặng. Mỉm cười.

Duy-ma-cật biết Văn Thù sắp tới bèn chuẩn bị đón tiếp. Dọn sạch nhà cửa làm cho trống trơn trống hoắc, cho gia nhân đi chỗ khác chơi, chỉ còn để một chiếc giường ọp ẹp, nằm rên hừ hừ.

Trông thấy Văn Thù, Duy-ma-cật ôm ngực húng hắng ho vài tiếng rồi chào:

“Lành thay, Văn-Thù mới đến! Tướng chẳng đến mà đến. Tướng chẳng thấy mà thấy”...

Văn Thù nhẹ nhàng đáp lại: “Như vậy đó, cư sĩ. Đến, chẳng từ đâu đến. Đi, chẳng có chỗ nào tới...”. Rõ ràng

Duy-ma-cật tung chiêu “vô tướng công” và Văn Thù đã đáp lại bằng “Như Lai thần chú”.

Hai vị thượng thủ xuất chiêu chú” phong ào ào khiến nhiều người không khỏi choáng váng.

Văn Thù bèn bảo: “*Nhưng thôi, hãy tạm gác lại việc đó.*”

“*Bệnh của cư sĩ đây, do nhân nào mà phát khởi? Bệnh sinh ra lâu chưa? Nên dứt trừ bằng cách nào? Thế Tôn gửi lời ân cần thăm hỏi ông đó.*” Văn Thù nói.

“*Do vô minh và hữu ái mà bệnh tôi sinh ra. Vì tất cả chúng sinh bệnh, cho nên tôi bệnh. Bồ-tát vì chúng sinh, nên vào chốn sinh tử. Có sinh tử, ắt có bệnh. Nếu chúng sinh được lìa khỏi bệnh, ắt Bồ-tát sẽ không còn bệnh.*” Duy-ma-cật đáp lại.

Rõ ràng Duy-ma-cật nói câu này không nói về mình mà nhằm tới các vị Bồ-tát xuất gia và Bồ-tát tại gia “tương lai” đang có mặt lúc đó: “Bồ-tát vì chúng sinh, nên vào chốn sinh tử. Có sinh tử, ắt có bệnh” để thấy con đường không gai trước mắt.

Sao gọi là vô minh? Sao gọi là hữu ái? Duyên sinh khởi đi từ vô minh. Vô thường mà tưởng là thường, khổ mà tưởng là lạc, vô ngã mà tưởng là ngã, thực tướng vô tướng mà không biết, cứ bám chặt lấy cái giả tướng hữu tướng kia... Nhưng gốc thì vô minh mà bệnh chứng thì khởi phát tại “hữu ái”. Sinh sự là ở hữu ái. Hữu ái là cái trục chính của con đường bệnh sinh vậy.

Bệnh cư sĩ đã lâu chưa ư? Vô minh và hữu ái của chúng sanh đã có từ lúc nào thì bệnh tôi cũng lâu chừng ấy, còn phải hỏi!

Cách nào dứt trừ ư? Dễ thôi. Ba căn bệnh *tham sân si* đã có giới, định, huệ là những thuốc đặc trị, dùng đơn thuần hay phối hợp tùy bệnh trạng. Bệnh khởi chưa đủ mà phải làm sao cho bệnh đừng tái phát. Giải thoát chưa đủ mà còn phải giải thoát trí kiến. Phải từ, bi, hỷ, xả để giúp mình và giúp người. Không dừng lại ở chữa bệnh chứng mà phải dứt bệnh căn, nâng cao chất lượng cuộc sống, nghĩa là phải: thực hành lục độ ba-la-mật, thực hành thiện chỉ thiện quán, ba mươi bảy phẩm trợ đạo... tùy căn cơ tùy bệnh trạng mà gia giảm liều lượng...

Vấn đề do vậy, phòng bệnh là chính. “*Nếu chúng sinh được lìa khỏi bệnh, ắt Bồ-tát sẽ không còn bệnh.*” Làm sao cho chúng sinh đừng bệnh? Chỉ cần chấm dứt vô minh và hữu ái trên con đường duyên sinh chấp chùng duyên khởi đó.

Sanh bệnh lão tử. Tất yếu nó vậy. Đường dây kích bản sẵn rồi. Bệnh không thể không có. Chết không thể không có. Do không biết, do vô minh mà tự mình làm khổ mình

thời. “Đời tôi gốc đại / tự làm khô héo tôi đây...” (Trịnh Công Sơn). Hữu ái là cái trục chính của đường dây. Có ái mới có thủ. Có thủ mới sinh hữu. Sinh sự mới sự sinh!

Bệnh của Bồ-tát xuất phát từ tâm Đại bi. Nếu không có Đại bi thì Bồ-tát, một khi đã giác ngộ, nhập Niết-bàn cho xong! Nhưng bởi lòng Đại Bi mà nấn ná ở lại. Đại Bi thì tốt rồi, nhưng Đại bi phải không “ái kiến” nghĩa là phải bình đẳng. Đại bi mà còn “ái kiến”, còn thấy thương người này ghét người kia, thương người này nhiều người kia ít thì chưa thực sự là Đại bi bởi còn chưa thực sự bình đẳng.

Phật nói: “Không có giai cấp trong giọt máu cùng đỏ, trong nước mắt cùng mặn. Mỗi người sanh ra đều có Phật tánh và đều có thể thành Phật”. Phật cũng nói: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”. Không có chuyện độc tôn ở đây. Phật không giấu giếm điều chi, sẵn sàng “khai thị chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật”, để thành Phật. Bồ-tát đạo chính là con đường để thành Phật, đầy gian nan nhưng có thể.

Bình đẳng cho nên Phật không chỉ độ cho Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan... mà còn độ cho cả Ưu Ba Ly, một người làm nghề gánh phân!

“Nhu bệnh của ta đây, chẳng phải thật, chẳng phải có. Bệnh của chúng sinh cũng chẳng phải thật, chẳng phải có”. Do đó mà không khởi Đại bi ái kiến đối với chúng sinh, vì đã “đoạn trừ xong phiền não khách trần”. Còn lòng bi của ái kiến thì đối với cuộc sinh tử ắt có tâm mỗi một chán ngán. Nếu lia được lòng bi ái kiến ấy, ắt không còn mỗi một chán ngán. Người làm tham vấn (counsellor), người bác sĩ tâm lý mà không đủ năng lực, thiếu kinh nghiệm để để mình bị lôi cuốn, dính mắc vào các tình huống của thân chủ (clients), sẽ bị ám ảnh mà sinh mệt mỏi, chán nản, stress, thậm chí dẫn tới trầm cảm. “Vậy nên Bồ-tát không nên khởi ra việc tự trói buộc”.

Văn Thù hỏi: “Nhà của cư sĩ vì sao trống không, không có cả người hầu?”

Đáp: “Tất cả quốc độ của chư Phật cũng đều Không”.

Bởi vì quốc độ của chư Phật sống trong bản thể, trong thực tướng vô tướng. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Cái gì có tướng thì chỉ là giả tướng, chỉ là hư vọng, ảo hóa đó thôi. Cho nên quốc độ của chư Phật là Không.

Lại hỏi: “Vì gì mà Không?”

Đáp: “Vi Không mà Không”.

Không bắt dị Sắc. Không tức thị Sắc. Dừng lại ở chân

không mà chưa thấy cái diệu hữu thì thật đáng tiếc. Khi thấy diệu hữu trong chân không thì đó mới là hạnh phúc, vì không còn bám chấp.

Lại hỏi: “Không sao lại dùng Không?”

Đáp: “Vi không phân biệt cái Không cho nên Không”.

Lại hỏi: “Không mà có thể phân biệt được ư?”

Đáp rằng: “Phân biệt cũng là Không”.

Làm sao phân biệt được cái Không? Dù thiên hình vạn tượng bày biện ra đó, nhưng thực tướng là vô tướng, là không, là duyên sinh, vô ngã, làm sao phân biệt được? Từ đó mà có sự bình đẳng, thấy sự bình đẳng. “Con sống là thuyền mây xa là buồm, từng giọt sương thu hết mệnh mỏng” (TCS)...

“Thị chư pháp không tướng: bất sanh bất diệt bất cấu bất tịnh bất tăng bất giảm”. Thấy được không tướng thì còn phân biệt chỗ nào mà không bình đẳng cơ chứ? Dĩ nhiên Không tướng chớ không phải không có tướng. Bồ-tát thì thấy cả hai, cả chân không lẫn diệu hữu: Cho nên Bồ-tát hành tánh Không mà vẫn trông các cội công đức; hành Vô tướng mà vẫn độ chúng sanh; hành Vô tác mà tự hiện thọ thân, hành Vô khởi mà khởi tất cả thiện hạnh...

Lại hỏi: “Không, nên tìm ở đâu?”

Đáp: “Nên ở trong sáu mươi hai kiến chấp mà tìm”.

Lại hỏi: “Sáu mươi hai kiến chấp nên tìm ở đâu?”

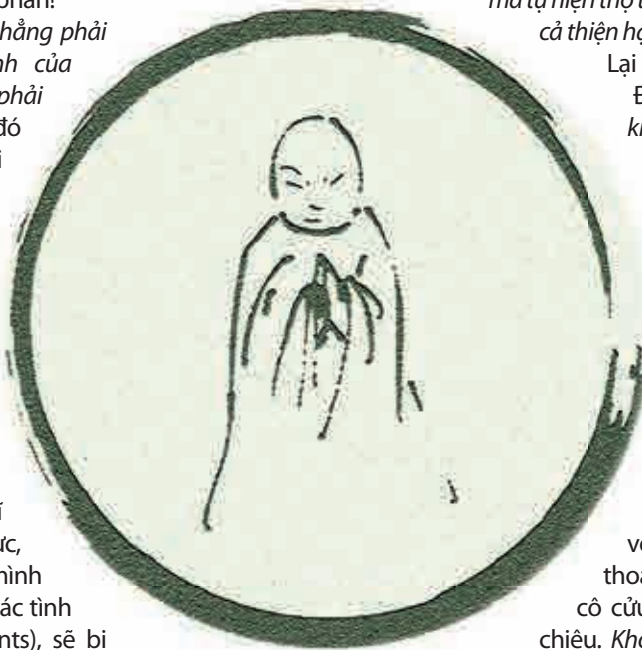
Đáp rằng: “Nên ở trong các phép giải thoát của chư Phật mà tìm”.

Sáu mươi hai kiến chấp, có khi còn gọi là tà kiến, là những kiến giải, triết thuyết nọ kia ở thời Phật. Bây giờ thế giới phẳng, toàn cầu hóa, kiến giải còn nhiều vô số vô lượng vô biên. Thế nhưng phép giải thoát của chư Phật thì như “độc cô cửu kiếm”, vô chiêu thắng hữu chiêu. Không mới thắng được hữu. Vi diệu hữu nằm trong chân không, và “chân không” thì tìm thấy trong “diệu hữu”.

Lại hỏi: “Phép Giải thoát của chư Phật nên tìm ở đâu?”

Đáp rằng: “Nên ở trong tâm hạnh của tất cả chúng sanh mà tìm”.

Chúng sanh vô biên thế nguyên độ. Chúng sanh vô biên vì tâm vô biên. “Nhất thiết duy tâm tạo”. Thiên đàng cũng tâm mà địa ngục cũng tâm. Atula, nga quỷ, súc sanh, sáu nẻo luân hồi thành thang rộng mở cũng do tâm. Phải “diệt độ” tất cả chúng sanh, bất cứ loại nào, cho vào Vô dư Niết-bàn sạch trơn nhưng... chẳng có chúng sanh nào được diệt độ cả thì mới thoát! (Kim Cang). Vô lượng vô số vô biên chúng sanh cũng do tâm tạo ra, thì một khi “tâm



bất sinh” thì chúng sanh hết cựa quậy! Chúng sanh mà “thành tựu” được rồi, nghĩa là dẹp yên được rồi thì cõi Phật thanh tịnh hiện ra tức khắc vậy.

Duy-ma-cật tiếp: “Ngài lại hỏi vì sao tôi không có kẻ thị giả (giúp việc)? Tất cả chúng ma và các thầy ngoại đạo là thị giả của tôi. Vì sao thế? Chúng ma ưa thích sanh tử, mà Bồ-tát thì không bỏ sanh tử; các thầy ngoại đạo ưa thích kiến chấp, mà Bồ-tát thì chẳng lay động nơi các kiến chấp”.

Bồ-tát tự nguyện dẫn thân vào đời thì cũng phải như tất cả chúng sanh thôi, nghĩa là cũng phải sống chung với ma, với các tà kiến ngoại đạo thôi. Họ phải biết “mặc áo giấy” khi cần, nhưng sẵn sàng “thị hiện để hàng phục chúng ma”. Họ cũng phải lẫn lộn với các tà kiến, không xa lạ với các tà kiến đó, trái lại nhờ đó mà học được nhiều chiêu thức khác nhau để có thể dùng vô chiêu mà thắng!

Phật thì xa chứ ma thì gần. Cho nên bảo ma là thị giả, là kẻ giúp việc, gần gũi ta nhất. Ma đủ thứ, thiên ma, tử ma, ngũ ấm ma... quậy phá xà quần nên nói là ưa “sanh tử”. “Vô sanh” thì hết ma. Nhưng Bồ-tát đâu có chịu vô sanh. Bồ-tát do thế nguyện mà nhảy qua nhảy lại hai bờ. Còn ngoại đạo thì đúng là thầy của Bồ-tát. Họ có thể đưa ra đủ thứ kiến giải, cãi nhau chí chóe, nhưng đâu có nhảy qua khỏi bàn tay Như Lai? “Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp”. Cái gì cũng sinh trụ dị diệt, cũng vô thường, vô ngã, cũng duyên sinh, thực tướng vô tướng đó thôi.

Lại hỏi: “*Bệnh của cư sĩ, đó là những tướng gì?*”.

Đáp: “*Bệnh của tôi không có hình tướng, không thể thấy.*”.

Bệnh của chúng sanh thì có... hình tướng: nào vàng da, bụng ỏng, khô khè, viêm chỗ nọ, ung chỗ kia... phải cần đến thầy đến thuốc chớ Bồ-tát đã sống trong thực tướng vô tướng lẽ nào còn thấy tướng linh tinh?

Lại hỏi: “*Bệnh ấy hiệp với thân hay hiệp với tâm?*”.

Đáp: “*Chẳng phải thân hiệp, vì tướng của thân là lia. Chẳng phải tâm hiệp, vì tâm như ảo hóa.*”.

Lại hỏi: “*Trong bốn đại: đất, nước, lửa, gió, cái nào là bệnh?*”.

Đáp: “*Bệnh này chẳng phải đất, cũng chẳng lia đất. Đối với các đại như: nước, lửa, gió, lại cũng như vậy. Nhưng bệnh của chúng sinh là nương theo bốn đại mà khởi. Bởi họ có bệnh, cho nên tôi bệnh.*”.

Chúng sanh vì chưa thấy biết như Bồ-tát nên tứ đại rối loạn, bất an thì sinh bệnh thân, bệnh tâm, còn Bồ-tát thì “bệnh” là vì Đại bi mà bệnh.

“*Dứt được nỗi khổ của già, bệnh, chết, đó là Bồ-đề của Bồ-tát. Nếu chẳng được như vậy, sự tu tập của mình không có lợi ích về trí huệ. Tỷ như mình thắng được kẻ oán thù, mới đáng gọi là dũng. Cũng như thế, nếu mình trừ được cả già, bệnh, chết, mới xứng đáng là Bồ-tát.*”.

Bồ-tát mà còn có tướng ta, tướng người, tướng chung sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ-tát (Kim Cang). Cho nên Bồ-tát phải hành thâm Bát-nhã, phải “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”, phải thấy chư pháp không tướng bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Nếu không vậy thì Bồ-tát chẳng khác gì chúng sanh!

Tuy vậy, một trong những cái “bệnh” đáng ngại nhất

của Bồ-tát là bệnh “chấp không”. Một thứ hư vô chủ nghĩa. “*Khi mình chưa có đủ Phật pháp, cũng chẳng dứt bỏ các cảm thọ...*” Nhờ đó mà thẩu cảm, nhờ đó mà thực hành Đại bi. “*Ví như cái thân có khổ, nên nghĩ đến những cảnh ác lụy của chúng sinh, khởi lòng Đại bi. Đã điều phục cái ta rồi, cũng nên điều phục tất cả chúng sinh.*”.

Hỏi: “*Bồ-tát nên an ủi Bồ-tát có bệnh như thế nào?*”.

Đáp: “*Nên nói thân là vô thường, chẳng nói chán lia cái thân. Nói thân có khổ, chẳng nói ưa thích Niết-bàn. Nói thân là vô ngã, nhưng khuyên dạy dứt dứt chúng sinh. Nói thân là không tịch, chẳng nói tất cánh tịch diệt. Nhân bệnh mình, thương xót bệnh người. Nên nhớ các khổ não từ vô số kiếp của mình. Nên tưởng việc làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nhớ chỗ tu phước của mình. Tưởng tới đời sống trong sạch. Đừng sinh lo buồn. Thường khởi tinh tấn. Nên làm vị vua thầy thuốc, liệu trị các bệnh. Bồ-tát nên an ủi Bồ-tát có bệnh như những cách ấy.*”.

Bồ-tát có bệnh đương nhiên đã hiểu lẽ vô thường, khổ, vô ngã, duyên sinh, nghiệp báo... Nhưng Bồ-tát sơ cơ, mới phát tâm, dễ hoang mang, khi bệnh khổ thì muốn lia cái thân cho rồi, muốn nhập Niết bàn cho xong, thấy biết vô ngã, không ta không người thì còn dứt dứt chúng sinh làm chi... Thế thì Bồ-tát “đàn anh” phải “Nên nói thân là vô thường, nhưng không chán lia thân. Nói thân có khổ, chẳng nói nên nhập Niết-bàn...”. Chẳng những thế lấy bệnh mình mà hiểu bệnh người, ra tay giúp đỡ người bệnh như bậc y vương, không chỉ chữa cái đau mà còn chữa cái khổ, vậy mới là Bồ-tát.

Lại hỏi: “*Cư sĩ! Bồ-tát có bệnh làm cách nào để điều phục tâm mình?*”.

Đáp: “*Bồ-tát có bệnh nên nghĩ như thế này: Bệnh này của ta hôm nay là do các phiền não vọng tưởng điên đảo đời trước mà sinh ra. Không có pháp thật thì ai là người thọ bệnh. Tại sao vậy? Do bốn đại hiệp lại, tạm gọi là thân. Bốn đại không có chủ, thân cũng không có ta.*”.

“*Bệnh này phát khởi là do sự chấp trước cái ta. Trừ bỏ cái tư tưởng có ta và tư tưởng có chúng sinh. Chỉ vì các pháp khởi, nên thân khởi, chỉ vì các pháp diệt, nên thân diệt. Lại nữa, các pháp ấy đều chẳng biết nhau. Khi khởi, chẳng nói rằng ta khởi. Khi diệt, chẳng nói rằng ta diệt.*” Chẳng phải là ta. Chẳng phải của ta. Nó ở ngoài ta. Nó bày trò thôi. Ta chả có chút uy quyền nào với nó cả. Nó khơi khơi vậy. Chẳng buồn chẳng lo, chẳng ăn năn chẳng hối cải vì làm khổ ta. Nó lạnh lùng băng giá. Nhưng nghĩ như vậy thì cũng chỉ mới thấy “nhân vô ngã”, còn phải thấy pháp cũng không, cũng duyên sinh, nên cũng vô ngã nữa. Nhân vô ngã, pháp vô ngã như hai cánh chim lượn bay trên không trung. Qua sông bỏ bè, vác theo làm chi! “*Vì Bồ-tát nào bệnh, muốn diệt cái tư tưởng có các pháp, nên nghĩ như thế này: Cái tư tưởng có các pháp này cũng là tư tưởng điên đảo. Nếu điên đảo, tức là hại lớn, ta nên lia nó.*”.

“*Thế nào là lia? Ấy là lia cái ta và cái của ta.*” Nghĩ “là Ta” thì Sân sẽ nổi lên. Nghĩ “là của ta” thì Tham sẽ nổi lên. Tham, Sân dẫn ta vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh tức khắc. Sân

thì bầm gan tím ruột, đỏ mặt tía tai, đầu đá tranh giành không ngớt. “*Thế nào là lia cái ta và vật của ta? Ấy là lia hai pháp. Thế nào là lia hai pháp? Ấy là chẳng nghĩ nhớ những pháp trong và những pháp ngoài, thì hành lễ bình đẳng*».

“*Khi mình được lễ bình đẳng này rồi, chẳng còn bệnh nào khác nữa*”.

“*Lại nữa, nên quán cái thân: thân chẳng lia bệnh, bệnh chẳng lia thân. Bệnh này, thân này chẳng phải mới, chẳng phải cũ. Đó gọi là trí huệ. Ví dầu cái thân có bệnh, nhưng nó chẳng diệt độ mãi mãi*”. Sanh bệnh lão tử. Đã có thân thì phải có bệnh, có lão, có tử thối. Đã lập trình vậy rồi mà. Ngay trong bào thai đã có bệnh rồi cơ mà! “*Văn-thù! Bồ-tát có bệnh, nên điều phục tâm mình như thế này: chẳng trụ nơi chỗ điều phục tâm, cũng chẳng trụ nơi chỗ không điều phục tâm. Lia khỏi hai pháp ấy, đó là hạnh Bồ-tát*”. Ấy là Trung đạo. Không điều phục tâm thì là kẻ ngu phu; chăm bầm lo điều phục tâm, chẳng biết sử dụng bệnh như một phương tiện thiện xảo để gần gũi giúp đỡ chúng sanh, dễ suy sụp, mệt mỏi, chán nản. “*Tham trước mùi vị thiên định, đó là sự trói buộc của Bồ-tát*”.

“*Lại nữa, nên quán cái thân là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đó gọi là trí huệ. Tuy cái thân có bệnh, nhưng nó thường ở chốn sinh tử, làm lợi ích tất cả chúng sanh, mà chẳng mỗi một chán ngán*”. Cho nên Bồ-tát có bệnh, đừng buồn. Đã vào chốn “sinh tử” thì dùng bệnh làm phương tiện vậy! Sao gọi là gốc bệnh? Vì có *phan duyên*. Dính mắc. Dắt dây. Di căn. “*Phan duyên với những cảnh nào? Ấy là ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Làm sao dứt trừ phan duyên? Nên dùng lễ Vô sở trụ, vô sở đắc. Nếu không có chỗ chứng đắc, ắt không có phan duyên*”.

“*Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (Kim Cang). Không có chỗ trụ lấy đâu mà phan duyên? “*Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên*” (Trần Nhân Tông).

Bồ-tát muốn giúp chúng sanh không thể không có “phương tiện”. Giống như thầy thuốc muốn chữa bệnh cho bệnh nhân cũng cần có phương tiện để chẩn đoán và điều trị. Thế nhưng, thầy thuốc cũng dễ lạm dụng kỹ thuật cao, lạm dụng thuốc men và hù dọa bệnh nhân. Thầy thuốc giỏi không lệ thuộc nhiều về phương tiện, biết sử dụng phương tiện đúng lúc đúng chỗ, giúp bệnh nhân mau lành bệnh và tìm thấy chất lượng cuộc sống cao hơn, tốt hơn. Điều quan trọng là kiến thức và kinh nghiệm để chẩn đoán đúng bệnh, cho đúng thuốc. Khi cần dùng phương tiện hỗ trợ thì biết nên dùng đến đâu, vì người bệnh là chính (patient-centered approach). Bệnh nhân có thể đòi hỏi này khác, nhưng thầy thuốc giỏi thì không chiều ý bệnh nhân. *Primum non nocere!*

Chúng sanh nào thì Bồ-tát đó, Bồ-tát nào thì chúng sanh đó, nên cần có “sức phương tiện”, tùy căn cơ của chúng sanh mà Bồ-tát sử dụng phương tiện phù hợp, thiện xảo. Cho nên phương tiện rất quan trọng đối với Bồ-tát, nhưng phương tiện phải đi đôi với trí huệ. Phương tiện mà thiếu trí huệ thì lợi bất cập hại. Như thầy thuốc không có đủ kiến thức, kinh nghiệm, không chẩn đoán ra bệnh mà cứ bày vẽ, dùng phương tiện cầu kỳ, tốn kém, để... hù người bệnh vậy!

Văn Thù khen Duy-ma-cật “*Huệ và phương tiện của ông ấy đều đến mức vẹn toàn*” là ý đó. Huệ phải đi kèm phương tiện và phương tiện luôn cần có huệ. Bày những trò mê tín dị đoan rồi gán cho “phương tiện” thì không nên. Phật dạy Bảo Tích “*Tùy sức phương tiện mà giúp cho chúng sanh được thành tựu*”. Chiêu thức phong phú đến mấy mà nội lực không có thì cũng như không. Một khi nội lực sung mãn, có căn khôn đại nã di tâm pháp, có cửu dương thần công

thì một hươ tay múa chân cũng là một chiêu thức tuyệt luân, mặc sức “*tùy duyên hóa độ*” vậy!

Cho nên “*huệ phương tiện*”, “*phương tiện huệ*” là phần chỉ bày khá kỹ của hai thượng thủ trong buổi giảng thuyết hôm đó.

Vậy, thế nào mới là một Bồ-tát? “*Bồ-tát ở tại sinh tử mà chẳng làm việc ô trước, trụ nơi Niết-bàn mà chẳng diệt độ mãi. Chẳng phải hạnh phàm phu, mà cũng chẳng phải hạnh hiền thánh! Chẳng cầu uế, chẳng thanh tịnh*”.

“*Bồ-tát tuy vượt khỏi hạnh của ma, mà vẫn thị hiện hàng phục chúng ma. Tuy quán mười hai duyên khởi, nhưng cũng vào các tà kiến!*

Tuy nhiếp phục tất cả chúng sanh mà chẳng luyến ái chấp trước. Tuy ưa mến cuộc xa lìa, nhưng chẳng nương theo lễ thân tâm dứt hết...!” Tóm lại, bài học đã được truyền trao cho các “*Bồ-tát tại gia*” tương lai. Con đường Bồ-tát không dễ. Phải có nội lực (trí huệ). Phải có chiêu thức (phương tiện). Biết dùng “*sức phương tiện*”. Đại bi mà không bị che mờ bởi “*ái kiến*”. Vô sở trụ. Vô sở đắc...

Phải thấy biết Như Lai. Sống trong thực tướng vô tướng mà vẫn thấy diệu hữu giữa chân không. Giữ lễ bình đẳng, không phân biệt. Theo đúng lý mà thực hành nhưng không chấp pháp. Biết bệnh của chúng sanh với bệnh Bồ-tát không hai mà chẳng phải một. Biết “*an ủi*” một Bồ-tát “*bệnh*” thế nào để không bị thói chuyển, biết điều phục tâm mà không bám chấp...

Văn Thù và Duy-ma-cật đã sắm vai, tương tác, tung hứng một cách sinh động, nhằm cụ thể hóa những lời Phật dạy, làm hành trang vào đời cho các vị Bồ-tát tại gia tương lai, Bảo Tích cùng năm trăm vị con nhà trưởng giả ở Tỳ-da-ly buổi mai hôm đó vậy. ■





Hạnh phúc là đơn giản thế đó

Thoáng ngỡ lặng nhìn sao đêm! Khi hơi thở hòa cùng nhịp vờn theo cơn gió, khoảng không trong bóng đêm thâm như tấu lên những nhịp đập thiên nhiên, nào ánh sao trời lung linh, vội tỏa nhẹ sắc tía bên cung trăng chị Hằng - chú Cuội - cây Đa.

Đôi khi chẳng có gì chỉ là chút bình yên trong tâm hồn, là khoảng lặng trong cái ngừng trôi, ta thấy mình hạnh phúc trong từng khoảnh khắc í... một chút rung động trên vành môi mỉm cười, một thoáng nhìn cây khê rung cành khê nhịp cho tâm tình hoa cỏ, ta vẫn lặng yên nhìn dòng đời trôi nổi... những áng mây nhẹ trôi như lướt gió đùa vui thoáng gặp gỡ chị Hằng. Đôi khi chỉ cảm nhận bấy nhiêu cũng thấy hồn ta hòa quyện vào hoa cỏ, trong mùi hương đêm quyện gió với

tình cây... ừ lạ nhỉ? Ta thấy lòng mình nhẹ nhàng, như vô tình vội vàng lãng quên bấy lâu.

Bỗng chốc ngẫm lại! Giữa những đơn đả bởi chợ đời xuôi ngược, ta biết tìm ta trong nắng gắt trưa hè? Ừ thì là chén trà xanh mát cũng gợi niềm hạnh phúc, mà ta vẫn gọi hạnh phúc là trong cái gì đó thật giản đơn. Mùa hạ về khi mảnh đất Sài thành đã gắn chặt những ngôi nhà thượng tầng, những đường đi tráng nhựa mà không có lần khoan dung cho cỏ cây ướm nắng, tiếng ve của hè quê, phượng đỏ của học đường dường như đã vắng bóng, thật là “đất khách muôn trùng sao nhỏ hẹp, quê nhà một góc nhớ mênh mông”.

Chợt dừng lại cảm xúc! Từng cơn gió như mạnh hơn đua nhau ồ ạt lướt qua, như từng cơn sóng biển chưa một lần ngừng nghỉ, cây lá cùng nhau nhảy nhót nhịp



NGỌC LINH

tưng bừng hơn, không biết chúng giờ đang đùa vui hay sợ sệt những hạt mưa sa làm tổn thương cành lá...

Những áng mây đen kéo dần như đang rộng vòng tay chiếm hữu chị Hằng, không muốn cho bất cứ ai có quyền nhòm ngó, những cuộc tranh luận của ông sấm bà sét lại nổ ra đùng đùng, làm cho bao kẻ giạt mình trong cơn mộng, bao tiếng khóc trẻ em hoảng hồn đang đắm chìm trong giấc ngủ sâu... và sau đó là những hạt mưa gieo mình từ trời cao xuống lòng đất mẹ, qua bao lần oằn mình bởi thượng tầng gió táp, cuối cùng chúng đã đáp mình xuống “hạ giới” để rồi từ từ thấm sâu từng bụi đất của lòng mẹ. Lắng nghe những âm thanh chúng va vào nhau rồi cùng bầu tâm sự, nghĩ lại cuộc đời chúng là một vòng tuần hoàn luân hồi từ hơi > tụ lại > mưa > nước.

Với bao buồn vui lẫn lộn, trước khi chúng vỡ òa vào nhịp tim của lòng đất, chúng đã lướt trên cành lá tỏ bầu tâm sự với những người bạn thân cây - cỏ và hoa mà ngỡ như không lẫn gặp lại nơi chốn này với một danh phận hạt mưa, chúng mỉm cười hạnh phúc và mong rằng khi xả “báo thân” này, chúng sẽ thấm sâu vào lòng đất mẹ rồi cho chân rễ của bạn thân cây, cỏ kia hút chúng nuôi dưỡng cho xanh tươi cành lá đơm lộc nảy chồi tạo thêm sức sống cho thiên nhiên hùng vĩ, còn lại chúng hòa quyện vào nhau chảy thành sông thành bể. Cuộc đời chúng là thế đó, là hạnh phúc khi cống hiến chính mình mặc dầu trải qua bao gian khó oằn mình.

Đang trên lối suy nghĩ! Chợt chiếc lá vàng chao nhẹ vẫy tay chào cây, lá ở lại... chúng lại mỉm cười khi chính chúng lại sắp lìa đời, lìa những người thân và tổ ấm mà chúng hằng ngày thân thiện, những chiếc lá ở lại run mình buồn bã, mẹ cây thì đau tiếc sẵn lại làn da sần sùi mà cảm tưởng như vỏ chúng dày thêm qua mỗi lần chia ly như thế. Những chiếc lá vẫn mỉm cười từ ái mà thổ lộ tuy chúng lìa cây xa lá nhưng chưa một lần chúng cách xa mọi người vì bởi lẽ khi chúng rơi xuống lòng đất bao la, chúng được quần quýt bên chân cây mà dần dần hủy hoại rồi chúng lại thành chất dinh dưỡng cho cây hấp thụ, cây lại xanh tươi và nảy lộc thêm cành lá mới, và chính chúng lại hòa quyện vào máu của cây - cành - lá và hoa...

Tôi ơi! Có gì hạnh phúc hơn là chính tôi luôn chấp nhận hiện tại và cảm nhận niềm hạnh phúc, hạnh phúc không phải qua sự đấu tranh, lục lọi, tìm kiếm, mà là chính từ sự cảm nhận nơi thực tại, nơi chính mình và những điều xung quanh mình, hay cả những lần tôi ơi vấp ngã; có chăng “sống đẹp trên đời là phúc đến, đem vui thiên hạ ấy xuân về”.

Hạnh phúc với tôi không cao xa, hay mong ước như một người trưởng thành nào đó, mà hạnh phúc của tôi là mình còn hiện hữu để có thể làm được những gì mình có thể, còn hơi thở để quyện hóa vào thiên nhiên, là mỗi lần biết dừng trong cơn nóng giận, biết im lặng khi người khác la hờn... và biết lắng nghe tiếng nói từng cơn gió, hạt mưa, tiếng suối chảy đều là những bài học lục hòa, hỷ xả; biết lặng nhìn những đàn kiến đi qua thẳng lối tấp hàng là bài học cho chính mình có quy tắc, lễ nghi... Lặng quan sát vườn cây dương liễu mặc phong ba bão táp nhưng không quật ngã, gãy cành, rơi lá, bởi sức chịu đựng và mềm dẻo của cây... Hay những bài học không chỉ rút ra nơi trường Đời chốn Đạo mà tôi luôn đứng yên lặng nhìn và quan sát mọi vật xung quanh, lắng nghe hồn hoa nội cỏ trong mình, để ý trong từng nhịp thở con tim và tìm về an lạc cho chính mình cùng chung viên đá, hòn sỏi, hàng cây, hoa cỏ; phải chăng “tình dữ vô tình đồng thành Phật đạo”, cùng chung Phật tánh... thật sự hạnh phúc của tôi là đơn giản thế đó! ■



Trái bóng và cánh tay

CAO HUY HÓA

Trong bài này, tôi xin chuyển đề tài liên quan đến trái bóng tròn. Trái bóng thật là đáng ghét đối với một số quý bà, nguyên do là quý ông cứ đến mùa World Cup, Euro, Champions League, hoặc dài dài như giải Ngoại hạng Anh, cứ thức khuya hò hét, vỗ tay, vỗ đùi, thít tha, phá tan giấc ngủ đêm khuya, không màng gì đến đầu ập tay gối. Có giai thoại các bà nói vui: “Sao mỗi người không ra phố mua một trái banh để về nhà chơi cho đã, tội gì mà 22 người ra sân, giành giật nhau trái banh cho mệt?”. Nhưng chịu đựng lâu sở thích của quý ông thì quý bà chợt nghĩ ra, chỉ bằng xem thử cho biết, và thế là lần lần thẩm duyên bóng đá, rồi cũng vỗ tay, tán thưởng, thít tha, và còn hơn nữa, thương cảm, khi mấy anh cầu thủ bị chấn thương nằm sân, “tội nghiệp chưa!”. Quả là mấy bà này đã hợp thời, vì bây giờ, bóng đá nữ cũng được xem trọng, và một số trận đấu cũng hấp dẫn, cũng đẹp – đẹp trong chuyên môn, và đẹp trong thể hình – và vô tư, không như bóng đá nam nhiều nghi vấn, lăm âm mưu. Ngay như nước Mỹ, vốn trước đây dân chúng không say mê bóng đá cho bằng dân các nước trên thế giới, thế mà nay bóng đá cũng lên ngôi, bóng đá nam được giải cao ở châu lục và trên thế giới, bóng đá nữ đoạt giải vô địch thế giới năm

2015, và đội tuyển bóng đá nữ của Mỹ đã được Tổng thống Obama tiếp đãi tại Nhà Trắng ngày 5/7/2015, sau lễ Quốc khánh của Mỹ.

Không có môn thể thao nào đem lại niềm vui cho quảng đại quần chúng, và đồng thời cả bốn thứ hỉ, nộ, ái, ố như bóng đá, và không có môn thể thao nào mà trọng tài lại khó khăn vất vả cho bằng môn bóng đá. Đó là vì bóng đá là thứ thể thao đối kháng, đồng đội phối hợp nhanh và trên sân rộng, nhiều khi trọng tài không thể quán xuyến mọi trường hợp quá nhanh như nháy mắt, nên dễ sai sót trong các trường hợp bắt hay thả lỗi (lỗi việt vị, lỗi trong vùng cấm, lỗi dùng tay chơi bóng...). Trường hợp sau đây xảy ra ở một trận đấu mà bên thua cho rằng trọng tài đã bỏ qua một lỗi của đội bạn, mà nếu trọng tài bắt lỗi đó thì đội không bị một bàn thua đau.

Đó là trận đấu giữa hai đội Thanh Hóa và Hoàng Anh-Gia Lai trên sân Thanh Hóa trong giải vô địch V-League 2015, ngày 11-7-2015. Hai đội đang hòa nhau với tỉ số 1-1 thì đến phút 82, từ pha phản công nhanh bên cánh phải, Pape Omar cầm bóng xâm nhập vòng cấm rồi thực hiện pha dứt điểm chéo góc, đưa bóng trúng chân Hoàng Đình Tùng. Dù bị vấp ngã nhưng Đình Tùng vẫn kịp đứng dậy đánh gót vào lưới trống, nâng



tỉ số lên 2-1 cho Thanh Hóa (*Tuổi Trẻ online*, 11-7-2015).

Ngay tức khắc, thủ môn của HAGL cùng các đồng đội phản ứng gay gắt với trọng tài, cho rằng bóng đã chạm tay Đình Tùng. Tuy nhiên trọng tài vẫn công nhận bàn thắng. Bóng có chạm tay Đình Tùng hay không, thật là nửa tin nửa ngờ, và khán giả trên sân lẫn trên truyền hình không thể xem cho rõ. Mấy ngày sau đó, Hội đồng Trọng tài cùng ban kỷ luật của VFF đã “mổ băng” xem lại tình huống này và công nhận bàn thắng này là hợp lệ. Đương nhiên phía HAGL không tâm phục khẩu phục sự công nhận này. Riêng phóng viên thể thao báo *Tuổi Trẻ* cũng đã “mổ băng” (cũng là băng của VTV), xem đi xem lại 20 lần và xem như “hòa”, không kết luận được. Đó là vì, “chỉ có thể “mổ băng” chính xác nếu như mỗi trận đấu, chúng ta có từ 24 đến 28 máy quay như ở các nước tiên tiến. Với vài ba máy quay, xin làm ơn bỏ giùm cái gọi là “mổ băng”” (*Tuổi Trẻ cuối tuần*, 19/7/2015). Với tình hình như thế, mọi người cần phải theo phán quyết của trọng tài, không bàn cãi gì nữa.

Cuộc chơi đã an bài, nhưng... có phải tất cả mọi người đều không thể quả quyết bóng có chạm tay Đình Tùng hay không? Gạt ra một bên chuyện thắng thua, chuyện thành tích, chuyện bí mật không được phép tiết lộ, ít ra cũng có vài người trong hai đội bóng có thể trả lời một cách trung thực: Có hay không; và trong đó, người trả lời bảo đảm nhất phải là Đình Tùng.

Nếu quả thật bóng không chạm tay Đình Tùng, thì bàn thắng quá sức hợp lệ, và anh ấy quá vui với bàn thắng của mình. Nhưng nếu ngược lại, vô tình trái bóng đã lăn đụng tay của mình mà trọng tài không

thấy, thì Đình Tùng vẫn cứ vui với bàn thắng được công nhận. Không ai “hỏi cung” Đình Tùng về chuyện này, và Đình Tùng cũng như đội bóng của mình không có trách nhiệm giải trình chuyện đó. Mọi chuyện đã có trọng tài xử lý.

Bây giờ xin bước qua phạm trù khác, tạm gọi là phạm trù đạo đức. Giả sử bóng đã chạm tay một cầu thủ nào khác trong tình huống y chang như tình huống của Đình Tùng, và cầu thủ này ghi bàn vào lưới đối phương như một phản xạ, thì ngay sau đó liệu cầu thủ này có phản tỉnh rằng mình đã phạm lỗi để bóng chạm tay và báo với trọng tài? Phải chăng mình để lơ cho trọng tài ra quyết định sai, có hại cho đội bạn, nhất là đội bạn khi đó đang có nguy cơ xuống hạng, là đồng nghĩa với đối trá? Trong đầu tôi có ý nghĩ giả sử nhân vật cầu thủ đó là một Phật tử rất biết giữ gìn năm giới, trong đó có giới thứ tư. Anh ấy tự đặt mình lựa chọn một hai trường hợp:

1. Nói thật: bóng đã chạm tay.

2. Im lặng, như là nói dối.

Và anh này chọn nói thật. Ôi, nếu như vậy thì đa số mọi người sẽ cho anh này “hâm”, và đội bóng cũng như dư luận đội nhà sẽ phê phán tôi bởi, và chưa chừng, sẽ cho đi chỗ khác để “tu”. Nhưng không, đã có anh chàng “hâm” như thế, xin dẫn chứng một trường hợp dưới đây, dấu tình huống có khác:

Trong trận đấu giữa hai đội Rapid Bucharest và Otelul Galati, trong khuôn khổ giải vô địch bóng đá Romania diễn ra ngày 22/3/2009, trọng tài cho đội Rapid Bucharest hưởng quả phạt đền, vì cho rằng tiền vệ Costin Lazar bị truy cản và ngã trong vòng 16,50 m. Thay vì vui sướng và hồi hộp thực hiện đá phạt đền, Lazar ôm bóng đến nói với trọng tài, hậu vệ đội bạn không phạm luật với mình, và xin hủy quyết định đá phạt. Trọng tài đồng ý với đề nghị đó (theo *Tuổi Trẻ online*, ngày 4/4/2009). Không nhận quả phạt đền, có nghĩa là để vuột một bàn thắng, mà bàn thắng là đáng giá biết bao đối với một đội bóng. Thật đáng khen anh chàng Lazar trong thời buổi mà cầu thủ thường làm nhiều động tác gian dối như ngã trong vòng cấm trong tranh chấp bóng với đội bạn, hòng đánh lừa trọng tài, kiếm quả phạt đền; hoặc khéo dùng tay đưa bóng vào lưới đối phương, như kiểu Maradona (Bàn tay của Chúa!). Cũng thật đáng khen cổ động viên đội bóng của Lazar, chấp nhận xử sự đẹp của Lazar, chứ ở nơi khác, cổ động viên sẽ kịch liệt la ó, phản đối anh chàng “hâm”, và không chừng anh chàng này lãnh đủ.

Anh chàng Lazar này chắc hẳn cũng đã hết mình để góp phần cùng đội tranh đua trong giải vô địch của Romania, nhưng anh không thể để tư tưởng ăn thua lẫn át nguồn thiện trong tâm. Loại người như anh là hiếm có trong một xã hội rất cần những người hiếm có như vậy, không chỉ trong lãnh vực thể thao mà trong mọi lãnh vực của đời sống. ■



C on người vốn mang bản chất ích kỷ. Muốn chiếm hữu và đòi hỏi phần ưu thế cho mình, hầu như đó là bản năng cố hữu của con người, kể từ khi mới mở mắt chào đời. Tất cả đều vì “cái Tôi”. Suốt đời, chúng ta cứ mưu toan để lo củng cố cho “cái Tôi” bằng tiền tài, địa vị, kiến thức, sắc đẹp v.v... Trên đời, có lẽ không có gì gây nên nhiều lụy phiền, đổ vỡ trong giao tế cho bằng “cái Tôi” đầy tính ích kỷ đó, vì ai cũng lo nghĩ đến bản thân mình trước khi nghĩ đến đồng loại, trừ những bậc đại nhân giác ngộ. Thử cầm một bức ảnh chụp chung với bạn bè trên tay, ai là người mà ta tìm để nhìn trước tiên? Chính là ta chứ không ai khác! Ta luôn xem mình là tâm điểm của mọi tâm điểm, luôn muốn “cái Tôi” mình được tỏa sáng, cho dù cái ánh sáng đó có thể che lấp, hoặc thậm chí còn gây đau khổ cho người khác. Điều thâm hại nhất là cái ánh sáng phù phiếm - mà lắm kẻ luôn huênh hoang tự mãn đó - nhiều khi lại là

ánh sáng đi vay mượn. Thường thì đi vay mượn từ kẻ có tiền bạc, thế lực; cao hơn một chút thì vay mượn từ người có trí tuệ.

Có một câu nói mà ta thường nghe khi một người muốn khẳng định mình với người khác nhằm để gây ấn tượng: “*Có biết tôi là ai không?*”. Đối với người yếu bóng vía thì có thể xem kẻ nói câu đó là loại người có thế lực, đủ uy quyền để hăm dọa người khác; còn đối với những người sâu sắc có óc khôi hài thì lại xem đó là kẻ mắc bệnh Alzheimer - căn bệnh gây mất trí nhớ - đến nỗi không còn biết mình là ai! Giống như Âu Dương Phong trong truyện kiếm hiệp của Kim Dung, luyện võ công sai đường nên mất hết trí nhớ, gặp người nào cũng hỏi câu “*Ta là ai?*”.

Khi nghe người ta cãi lý, nhất là giữa phái nữ, ta thường xuyên nghe câu này: “*Tôi chứ không phải như người khác đâu!*”. Ngẫm ra thật khôi hài nhưng cũng thật lý thú. Có nghĩa là ai cũng thấy mình thuộc loại

đặc biệt, luôn vượt trội hơn tất cả những người còn lại, chứ không thể như bao người khác.

“Cái Tôi” dựng lên muôn ngàn rào chắn che khuất mọi sự cảm thông, và ngăn lấp con đường dẫn đến trí huệ. Người phương Tây thường nói đến “Cái Tôi đáng ghét”. Tôn giáo chân chính nào cũng dùng mọi phương tiện để đưa con người đến cảnh giới không còn “cái Tôi” đó. *Vô ngã*. Chúng ta hãy nhớ rằng tình yêu thương cũng như lọ chứa nước. Hễ cái lọ càng chứa ít nước thì nó càng dễ dàng dung nạp được nước từ bên ngoài rót vào. Tình yêu thương cũng vậy. Nước chứa trong bình là quan điểm của ta về “cái Tôi”. Nước từ bên ngoài rót vào là tình yêu người khác dành cho ta, tức là khả năng ta dung nạp được người khác. Hễ ta càng ít nghĩ đến bản thân mình, càng ít thấy “cái Tôi” là quan trọng thì càng dễ dung nạp người, càng được người khác mến yêu. Nếu ta chỉ nghĩ đến mình, chỉ biết có bản thân mình, thì điều đó cũng giống như lọ đã đầy nước, ai còn có thể rót thêm nước vào đó nữa?

Người ta thường dùng hình ảnh bong bóng xà phòng bay trong ánh nắng để minh họa. Khi bong bóng đó giữ nguyên trạng thái thì nó chỉ phản chiếu được một mặt trời trong nó, Nhưng nếu nó vỡ ra thành muôn ngàn bong bóng nhỏ thì nó phản chiếu được vô số mặt trời. Chân lý đơn giản là vậy. Nhưng để cho “cái Tôi” đó “vỡ” ra như bong bóng là cả một quá trình tu học.

Đặng Chất là người làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Năm Tân Sửu (1661), ông đỗ trạng nguyên và sau đó làm quan được phong tới chức tham tụng (tương đương với tể tướng), kiêm coi cả Bộ Binh và Bộ Hình, khi mất được truy tặng hàm Thiếu bảo. Bình sinh, ông là người hiếu học, luôn nghiêm cẩn tự xét mình và cũng tỏ ra rất thận trọng trong việc xét người. Sách *Tang thương ngẫu lục* có chép một giai thoại khá độc đáo về ông thời còn là học trò như sau:

“Ông Trạng nguyên ở làng Phù Đổng là Đặng Chất; khi chưa đỗ, một mình học ở trong nhà. Một hôm dậy sớm, thấy người đàn bà bên lán giếng phơi cái yếm ở sân. Người ấy đi khỏi thì một người đàn bà khác cùng nhà rút mất. Tối về, hai mẹ cãi nhau ầm ĩ, rồi biện xô gà đem nhau ra thế ở đền Đổng Thiên Vương. Ông tẩn mẩn lấy bút ghi lấy. Sau mấy tháng, người đàn bà ăn trộm vẫn như thường, ông cười mà rằng:

- Quỷ thần mới linh thiêng làm sao!

Thần đến gõ cửa, bảo:

- Ông Trạng! Ông Trạng! Sau này ông xử sự ở triều đình, sẽ lấy một mạng người đền hai cái yếm phải không?

Ông sợ hãi rợn người, sáng ra đến đền tạ lỗi. Nhưng cũng nhân thế mà từ đó trong lòng lúc nào cũng vui”.

(Bản dịch của Trúc Khê, Nxb Hồng Bàng, 2012, tr.153)

Tôi đọc câu chuyện ngắn gọn đó nhiều lần, và lần

nào cũng không khỏi giật mình mà thán phục thâm ý của người xưa. Vị thần trong truyện đã có thể đến báo mộng thì hiển nhiên thừa quyền năng bắt người phụ nữ ăn trộm cái yếm kia phải chết, để tỏ rõ uy phong và sự linh ứng. Nhưng thần lại chấp nhận để cho một anh học trò áo vải giấu cốt mình, chỉ vì để cứu một mạng người, dù đó là kẻ gian dối. Người phụ nữ ăn trộm yếm, trong thâm tâm, có thể ngậm cười khẩy vì đã lừa được thần linh, mà không biết rằng bà được tha mạng nhờ lòng bao dung của vị thần mà bà lợi dụng uy linh để bảo đảm cho sự gian dối của mình. Đối với thần Đổng Thiên Vương, danh dự và uy linh đương nhiên phải là chuyện lớn. Nếu thần vật chết người phụ nữ gian dối kia, hẳn sẽ có thêm vô số người phủ phục trước sự linh ứng của thần. Uy linh của thần hẳn sẽ còn tỏa rộng thêm đến khắp nơi. Nhưng thần đã không làm, vì mạng người là điều không thể coi thường, dù đó có thể đó là kẻ chẳng ra gì.

Đến cả thần linh, vì đức khoan dung mà không muốn làm hại một phụ nữ tham lam và chấp nhận bị giấu cốt, dù không một ai hay biết. Còn chúng ta sống trong đời, sao lại thường vì “cái Tôi”, vì chút danh dự hão huyền mà không ngần ngại gây tổn thương đến bao người khác? “Cái Tôi” của ta còn to lớn hơn, còn quan trọng hơn cả uy linh của thần thánh chẳng? Câu cuối đọc nghe thật cảm động: *“Nhưng cũng nhân thế mà từ đó trong lòng lúc nào cũng vui”*. Vui vì ngộ ra được ý nghĩa của lòng vị tha. Quên bớt “cái Tôi” đi để đem phần nào hạnh phúc, niềm vui đến cho người khác. Vị quan nào đã hiểu ra được điều đó chắc chắn là vị quan nhân đức.

Sống trong đời, đôi khi ta phải chịu những nỗi oan khuất mà không sao biện bạch được, vì nói ra có thể làm tổn thương đến bao người khác, mà những người đó có thể đó là người thân. Ta có thể hã hê thỏa mãn khi vạch mặt, chỉ tên “*Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư*” để biện bạch cho mình. Nhưng rồi được gì sau chút hã hê thỏa mãn đó? Ta có thể được minh oan, danh dự có thể được phục hồi, nhưng rồi để được gì, nếu đằng sau đó có thể là bao nỗi buồn cho người khác? Và nếu như để cho “cái Tôi” lại được khoát thêm một lớp vỏ bọc khô cứng, giết chết mọi sự cảm thông?

Thời bao cấp, tôi phải ăn cơm ở bếp tập thể gần mười năm ròng. Nhiều khi phải ăn toàn cơm nguội, khô cứng. Ban đầu nhai thấy khô xam khó nuốt, chỉ muốn nhổ ra. Nhưng kiên nhẫn nhai một hồi lâu, khi chúng đã nát và hòa tan vào nước bọt thì lại thấy vị ngọt, dễ nuốt hơn. Từ đó, tôi nghiệm ra những nỗi oan vô cớ, cũng như bao nỗi khổ đau trong đời đều giống như thứ cơm nguội khó tiêu kia. Nếu ta có thể ôm lấy những nỗi oan khó bề biện bạch, những nỗi buồn không thể chia mà lặng lẽ tìm cách chuyển hóa chúng đi, như kiên nhẫn nhai cơm nguội (!), để người khác được vui thì hẳn ta sẽ thấy tâm bình yên lắm. ■



Chuyện không giải thích được

HOÀNG TÁ THÍCH

Tôi có một người bạn trẻ. Anh ấy rất có năng khiếu nghệ thuật, nhất là về hội họa và điêu khắc, nên thường vẽ tranh hoặc tạc tượng chân dung làm quà cho những bạn bè thân thiết. Tuy không phải là một Phật tử thuần thành nhưng có một hôm anh nảy ra ý tạc một pho tượng Đức Quán Thế Âm. Anh kể lại với tôi chuyện làm tượng Ngài Quán Thế Âm của anh với những thắc mắc có phần e dè sợ hãi. Số là ở công ty của anh làm chủ, có nhiều thì giờ rảnh, nên anh đưa đồ nghề xuống kho và bắt đầu chuyện tạc tượng. Chẳng tuần lễ sau thì pho tượng bằng đất sét thành hình. Anh chở pho tượng về nhà, định hoàn tất những chi tiết cuối cùng rồi sẽ đưa lên một công ty chuyên đúc đồng. Hôm đó, anh đỗ xe ngoài cổng và đích thân bế pho tượng lên, nhưng chưa kịp đưa vào nhà thì anh trượt chân trên bậc cấp, ngã xuống và pho tượng vỡ tan từng mảnh.

Anh tiếc công làm pho tượng, nhưng chỉ nghĩ là mình sơ ý, không cẩn thận mà thôi. Mấy hôm sau, anh lại khởi công làm pho tượng khác. Lần này cẩn thận hơn nên sau khi hoàn chỉnh, thay vì đưa về nhà thì anh cho nhân viên đưa thẳng pho tượng đến công ty chuyên đúc đồng sau khi đã liên lạc với họ. Một lần nữa, khi vừa đưa pho tượng ra khỏi xe hơi thì một chiếc xe gắn máy ở đâu bất ngờ lao vào khiến anh nhân viên hốt hoảng làm rơi pho tượng xuống đất vỡ tan tành.

Lần này thì không phải là tiếc công mà anh đâm ra hoảng sợ. Anh nhớ lại một người bạn đã nói với anh việc thực hiện những công trình tôn giáo không phải đơn giản, muốn làm là làm. Ngay cả chuyện đúc chuông, người ta còn phải lựa ngày lành tháng tốt, làm lễ cầu nguyện trước khi đổ đồng. Những người chuyên nghề đúc chuông kể lại, có khi tất cả mọi điều kiện kỹ thuật đều tốt, nhưng khi đúc ra, chuông không có được âm

thanh như ý. Người ta cho rằng chỉ vì người đúc chuông không đủ thành tâm. Chuyện thật vô lý, nhưng đến giờ thì anh lại thấy không thật là vô lý hẳn. Và anh chưa biết phải làm gì trước khi bắt tay vào làm pho tượng lần thứ ba. Có thể là anh không dám làm bức tượng thứ ba nữa, nhưng từ đó, anh bắt đầu có những suy nghĩ về những điều trước đây anh không những chẳng bao giờ quan tâm mà lại còn coi thường nữa.

Chuyện anh bạn kể thực làm tôi băn khoăn không ít, bởi vì chính tôi là một Phật tử và tôi nghĩ để làm một pho tượng thì cần gì phải lắm chuyện, trừ phi người ta làm tượng với một ý đồ xấu, định sẽ dùng pho tượng làm một điều gì đó không tốt thì e có thể may ra. Hay anh bạn tôi là một người thanh niên bay bướm và anh thấy hình tượng Quan Âm như một người đàn bà đẹp nên chỉ muốn tạc tượng chỉ để trang trí mà thôi? Tôi thực không hiểu nhưng cũng không muốn hỏi anh điều đó.

Trên đời này, có nhiều điều không giải thích được, nhưng nó đã xảy ra một cách hiển nhiên. Nói chuyện đúc đại hồng chung, tôi biết một người chuyên công việc đó. Ông ta có một xưởng đúc trong một địa phương ở Huế mà phần lớn là những người chuyên nghề đúc chuông. Có một lần được tham dự một buổi lễ đổ đồng, tôi mới biết thêm nhiều điều về nghề này. Đúc một đại hồng chung, quan trọng nhất là lễ đổ đồng. Người ta phải coi ngày, không hẳn là ngày lành tháng tốt mà hôm đó phải là ngày không có mưa thôi chứ đừng nói chuyện giông bão. Trong lúc đổ đồng, người ta luôn luôn sợ những tiếng động gây ra bất ngờ như tiếng máy bay, hay xe tải chạy qua gần đầu đó. Nghe không có vẻ “lô-gích” chút nào, nhưng hầu như tất cả những người làm nghề này đều nói như thế. Có một chuyện rất thường xảy ra là những Phật tử đến tham dự lễ đổ đồng, nhất là các bà, thường rút nhẫn vàng hay những

trang sức bằng vàng cung kính vút vào lò, xem như một sự cúng dường Tam bảo. Họ không hay rằng vàng có tỷ trọng nặng hơn hợp kim đồng và thiếc để đúc chuông, nên sau khi bị nung chảy, vàng sẽ lắng xuống phần dưới cùng. Và sau khi chuông được đúc xong, những người thợ đúc chuông sẽ cạo những phần rêu rìa phía dưới để chuông được trơn láng. Phần mép rìa đó thường là số vàng của các Phật tử cúng dường sẽ vào tay những người đúc chuông mà họ không bao giờ biết vì những người thợ không bao giờ tiết lộ điều bí mật đó.

Đấy cũng có thể là một cách giải đáp cho câu hỏi tại sao có những người làm nghề đúc chuông, nói một cách khác, đó là một nghề phụng sự Phật giáo mà có khi gia đình lại thường gặp những chuyện không may mắn bình thường như những người khác. Người ta cho rằng vì họ đã thiếu thành tâm trong việc đúc chuông, dù đó là một nghề nghiệp, một công việc để kiếm sống.

Tôi có một người bạn muốn cúng dường một pho tượng Quan Âm cho một ngôi chùa mới xây ở vùng ngoại ô thành phố Sài Gòn. Anh chịu khó ra tận Đà Nẵng mấy lần để chọn. Cuối cùng, anh đã vừa ý với một pho tượng bằng đá cẩm thạch cao gần 5 mét để đặt ngoài trời, phía trước sân chùa. Nhưng chừng tuần lễ sau, lúc ra nhận tượng thì tượng đã được bán cho một người khác ở Huế, có thể vì người ta trả giá cao hơn. Anh vô cùng thất vọng, nên đã hỏi địa chỉ và theo ra tận Huế để xem pho tượng đặt ở chùa nào, nhưng lúc đến nơi mới hay là người mua không thể nào đem pho tượng vào chùa vì tượng cao hơn trần nhà chỉ vài phân. Họ đang khó xử không biết phải làm thế nào thì đúng lúc đó, anh bạn tôi đã nảy ý muốn mua lại pho tượng, giải quyết được những rắc rối cho họ. Cuối cùng là anh bạn tôi đã phải mất thêm một khoản tiền để đưa tượng từ Huế vào Sài Gòn thay vì từ Đà Nẵng, nhưng anh bạn tôi lại rất thỏa mãn và cứ nghĩ chỉ vì lòng thành của anh mà cuối cùng đã lấy lại được pho tượng và anh càng thấy sự cúng dường của anh càng có ý nghĩa hơn.

Nghe nói vai chính trong những phim về Phật giáo bên Trung Quốc hoặc ngay cả ở Việt Nam cũng đều được đạo diễn lựa chọn rất kỹ, để diễn những vai như Phật tổ, hoặc Bồ-tát Quan Âm, hay Đường Tam Tạng... Ngay cả những vai như Bao Công... cũng thế. Diễn viên thường phải ăn chay và thiền hành ngay cả trước khi nhập vai một thời gian. Điều này thì không phải dị đoan mà lại rất hợp lý, vì trước hết, một người có thể chịu khó ăn chay, thiền hành để nhập vai thì họ đã có một phần nào thích ứng với vai diễn, và sau đó, việc ăn chay và thiền hành sẽ giúp họ có một sắc diện thoát tục hơn khi diễn.

Ở Huế có điện Hòn Chén có tiếng là linh thiêng. Người ta đến để cầu xin Thánh mẫu ban phước hay thỉnh giáo một điều gì đó. Không chỉ là những người đến điện với mục đích cầu Thánh mẫu, mà còn có rất nhiều du khách đến chỉ để tham quan, nhưng vì không tin vào chuyện linh thiêng của điện nên họ có thể bừa bãi, thiếu tôn

kính trong lúc đi đứng trong điện và thường có những tai nạn bất ngờ xảy đến cho những người đó một cách rất lạ lùng. Có thể chỉ là những trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng đối với những người thành kính thì họ cho đó là hậu quả của việc xúc phạm thần thánh.

Người ta thường cho rằng bất cứ một danh từ nào đã có thì đều phải có hình thể được chỉ định. Những gì là ma, quỷ, thánh thần... đã có tên thì đều hiện hữu. Sở dĩ chúng ta không thấy vì họ không ở trong thế giới của chúng ta. Những nhà khoa học còn cho rằng chúng ta đang sống trong không gian ba chiều và những gì là ma quỷ thần thánh lại thuộc về chiều thứ tư, nên chúng ta không thể thấy bằng mắt thường mà thôi.

Có người cũng thường cho rằng Phật ở trong tâm, không cần bàn thờ, không cần hình tượng thì chúng ta cũng có thể tu tập được. Đúng nhưng cũng không đúng chút nào. Chùa chiền là nơi trang nghiêm yên tĩnh để dành cho việc tu tập hơn là giữa những chốn xô bồ tục lụy. Trong nhà có bàn thờ Phật cũng là một cách nhắc nhở cho mọi người luôn luôn nhớ mình là người Phật tử, và ngay khi có khách đến, vẻ trang nghiêm của bàn thờ cũng làm cho họ nghiêm chỉnh hơn. Bàn thờ Phật trong nhà chẳng khác gì sự có mặt của cha mẹ luôn luôn bên cạnh con trẻ để chúng ta dè phần nào về chuyện tự do nô đùa trong nhà. Tóm lại, hình thức về thần linh cũng là một điều quan trọng không thể nào xem thường được.

Nhiều người không tin chuyện mỗ mả, nhưng có những câu chuyện xảy ra chung quanh mỗ mả không thể nào giải thích được. Tôi có một ông anh bà con ở trong Nam có ông anh cả ở ngoài Bắc. Thân phụ mất vài năm trước, được chôn cất ở miền Trung do ông em út trông coi. Có một hôm người cháu đích tôn ở ngoài Bắc, gọi vào cho ông chú út, nói rằng vừa chiêm bao, thấy ông nội về bảo là chỗ của ông bị nóng lắm. Ông em út nghe vậy lên thăm mộ, mới hay người ta vừa đào một cái hầm ngay sau lưng bia của thân phụ để đốt vàng mã!!! Đúng là những chuyện không thể nào tin được, nhưng nó đã xảy ra và không thể nào giải thích được.

Nhiều người lên thăm mộ thân nhân, thường hay thấp nhang cho những ngôi mộ chung quanh. Hỏi ra, họ trả lời chẳng khác gì mình hỏi thăm xã giao hàng xóm quanh nhà cho mọi chuyện vui vẻ. Nghe cũng phải. Nhiều chuyện trong thế giới tâm linh, kể ra nghe hết sức vô lý và đôi khi còn tức cười nữa, nhưng nhiều chuyện đã xảy ra như thế và nhiều người vẫn làm như thế.

Phật dạy "Ba cõi đều là tâm". Tâm là tâm con người. Tâm vọng động thì sinh ra cảnh khổ đau, tâm thanh tịnh thì sinh cảnh an bình. Cảnh là giả nhưng tác động đến tâm người là thật. Ta tạo ra nghiệp, suy nghĩ, tin tưởng thế nào thì gặp cảnh tương tự như thế. Cho nên, chúng ta có thể không hoàn toàn tin vào thần thánh hay những gì người ta gọi là những hiện tượng tâm linh không ở trong thế giới của chúng ta, nhưng không nên coi thường, phỉ báng. Trái lại, nên tôn trọng thì vẫn tốt hơn. ■

Chuyện cô gái đánh cọp

1 Trong dân gian người miền quê xứ U Minh Thượng còn truyền cho con cháu đời sau nghe câu chuyện về người con gái Khmer tên Thị Cự đánh cọp dữ.

Thời khẩn hoang, cách nay trên dưới 300 năm, vùng đất này được mệnh danh là nơi “khỉ ho cò gáy” với câu ca quen thuộc mà nghe qua nhiều người còn sợ:

*U Minh, Rạch Giá thị quá sơn trường.
Dưới sông sấu lội trên rừng cọp đua.*

2 Tương truyền rằng, ngày kia từ miệt trên có cô gái tên Cự cùng với người cha chèo một chiếc ghe xuống đây định đồn củi đổi gạo.

Khi ghe vừa dừng lại vàm rạch này, cha con Thị Cự đang ngồi ăn cơm, bỗng dung thấy lợn cỏ tươi cột rút từ ngọn rạch trôi ra. Là một người từng trải nghề rừng, người cha bảo với Cự đó là dấu hiệu của chúa sơn lâm không muốn cho làm ăn chỗ này.

Liên đó, ông lên tiếng: “Nếu các ngài muốn đấu nhau thì để cho cha con tôi đồn xong ghe củi sẽ mở một cuộc ăn thua”.

Sau đó, hai cha con làm mấy ngày, xong việc chẳng xảy ra chuyện gì. Khi hai cha con nhỏ sào định cho ghe về xứ, bất thần có một con cọp bạch xuất hiện, có ý ngăn lại.

Ông già giữ lời hứa, bảo con gái cầm sào lại, xách mác cán vàng lên bờ, dọn sạch dưới giàn gừa lớn làm cái sân để làm chỗ tỉ thí với cọp. “Nào cứ xúm lại đây, một sức một, cứ đấu hoài ai thua chết chịu, không được trả thù”.

Cọp bạch liền bước ra khoảng trống ra vẻ đồng ý, rồi gầm lên một tiếng vang cả rừng sâu. Tức thì có cả một đàn cọp vài độ chục con, do con cọp đực có sắc lông màu vàng như tơ dẫn đầu, kéo đến ngồi quanh sân đấu ngó cọp bạch chờ lệnh.

Ông già ra dấu cho con gái ra sân. Thị Cự bước ra ăn mặc gọn gàng, đầu bới tóc chặt lên đỉnh. Cọp bạch ra dấu cho một chú cọp vằn ra sân.

Hai bên đấu nhau, chưa đầy nháy mắt, cọp vằn bị chị đá trúng một cái cục mạnh vào sườn, bỏ chạy. Cọp bạch lại ra dấu cho cọp vàng xông ra, ông già liền ném cho con gái một đôi song kiếm.



Nguồn: vanhoahoc.vn

MINH THƯƠNG

Chị bắt lấy và tiếp tục đấu với cọp vàng. Trời gần tối mà chị vẫn chưa hạ được nó. Sợ bất tiện, chị Cư nóng lòng phải dùng một thể đánh tảo bạo. Lợi dụng khi cọp vàng hốt chân, chị giả vờ nhảy vọt lên cao dùng kiếm chém quét phía dưới, cọp vàng vội thu mình lại và uốn mình nhảy vọt theo để vồ vào người đối phương.

Nhanh như chớp, Thị Cư lộn người, ngã mình nằm lăn xuống đất, hoành kiếm chờ. Khi cọp vàng từ trên phủ xuống, chị không né tránh, dùng hết sức mạnh vùng hai ngọn kiếm chém xả vào đầu cọp theo thể gọng kềm.

Thấy vậy, cọp bạch không còn kể đến lời giao hứa của cha con chị, nó gầm lên một tiếng, xua hết đàn cọp còn lại xông vào vây lấy chị.

Ông già nóng lòng khoa tay mác dài xông vào yểm trợ với con gái. Ông đánh bật mấy con cọp ra ngoài. Lúc này mặt trời sắp lặn, lại thấm mệt, mồ hôi trên người Thị Cư ướt đầm.

Con cọp bạch tinh khôn cứ xông vào và chiến đấu với chị. Bất thần, lộn tót bởi trên đầu sút sổ tung xuống

che khuất mắt. Chị liền nhanh tay vén tóc ra một bên má, con cọp bạch chỉ chờ có vậy, nhanh như chớp nó vươn người chồm lên chộp vào đầu người con gái dũng cảm,...

Tục truyền rằng, từ đó về sau linh hồn chị Cư thành thần cai quản thú rừng ở khu vực này.

Chiều chiều, người ta còn nghe tiếng chị kêu heo, gọi thú vang vang trên ngọn cây rừng. Nhân dân lập miếu thờ chị ngay vòm rạch và quen gọi là rạch Mồ Thị Cư^(*).

3 Câu chuyện và địa danh ấy đã trở thành bia miệng truyền lưu cho hậu thế. Người đời sau cảm nhận được rằng để có được đất đai trồng cấy như hôm nay tiền nhân đã dùng cảm chiến đấu và chinh phục thú dữ. Không chỉ mồ hôi mà cả máu của biết bao người đã thấm xuống nơi này. Hình tượng dân gian hóa hiện lên thật sống động bởi nhân cách bất khuất trước những áp bức của cái ác, cùng sự gan dạ đối đầu lại những đe dọa của cường quyền, họ chấp nhận hy sinh mạng sống của mình để chống lại. Tính nhân văn, cao cả, thiêng liêng đến lạ thường.

Đối với người xa xứ đến vùng đất mới khai hoang khẩn hóa, quá nhiều thử thách khắc nghiệt mà thú dữ là một điển hình. Để chống chọi lại, ngoài sức mạnh, giỏi võ nghệ, mưu trí, người còn cần yếu tố tinh thần hỗ trợ. Và, những con người, những câu chuyện như Thị Cư đã đi vào đời sống tâm linh của người dân quê một cách tự nhiên như vậy. Sống góp sức cho đời, chết phò trợ con cháu tiếp tục cuộc chiến vẫn đang tiếp diễn.

Đối với người còn sống, họ đã hóa thánh thần. Miếu được lập nên một cách tự phát, có lẽ do điều kiện giao thông đi lại khó khăn, thông tin chỉ là truyền miệng nên triều đình cũng chẳng hề hay biết nên cũng chẳng có sắc phong, thân tích. Nhưng họ đã sống trong lòng dân. Thế hệ sau tiếp bước thế hệ trước, đời đời chăm lo hương khói. Đó là truyền thống uống nước nhớ nguồn tự ngàn xưa của dân tộc Việt Nam nói chung và người miền Tây Nam Bộ nói riêng vậy.

Miếu thờ Thị Cư, được bà con ở đây chọn ngày 16/2 âm lịch hàng năm làm ngày cúng giỗ. Đến đây, chúng tôi xin mượn lời mộc mạc chạm khắc trên miếu thờ Thị Cư để thay lời kết:

*Thuở ban sơ người đi mở đất,
Dân làng muôn thuở nhớ ơn sâu,
Đánh thú dữ khai rừng mở cõi,
Ngàn đời sau mãi mãi lưu truyền. ■*

^(*) Lược ghi theo lời kể của các ông Trần Tấn Hưng (sinh năm 1937), Hội trưởng Ban miếu thờ Thị Cư; ông Lâm Hữu Trí và Nguyễn Văn Quý (hội phó miếu) xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao, Kiên Giang.

Nghĩ về một thái độ đối với các nhân vật lịch sử

TRẦN VĂN CHÁNH

Nhân vật lịch sử thường được hiểu là những đã người sống trong quá khứ từng có tham gia nhiều ít và về mặt này mặt khác trong quá trình diễn tiến của lịch sử, không phân biệt hoàn cảnh xuất thân hay lý lịch tốt xấu (“trung / nghịch, chánh / ngụy”, “yêu nước / phản quốc”, “tiến bộ / lạc hậu”, “cách mạng / phản động”...). Nhân vật lịch sử vì thế không nhất thiết phải là danh nhân, đều là con người nên có mặt tốt mặt xấu, có những lúc yếu mềm lầm lỗi, nhưng tất cả đều có vai trò riêng trong một bối cảnh lịch sử nhất định.

Ở nước ta đã có một vài công trình biên soạn tổng hợp về nhân vật lịch sử, với sự xuất hiện trong đó đủ loại nhân vật thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động và khuynh hướng tư tưởng, chính trị khác nhau. Vì không phân biệt lý lịch tốt xấu, có công đóng góp xây dựng hay gây hại cho dân tộc, nên sách viết về nhân vật lịch sử, nhất là ở thể loại từ điển, cần có sự trung thực, mô tả khách quan tiểu sử, hành trạng của từng nhân vật

dựa trên càng nhiều càng tốt những tài liệu xác thực còn có thể kiểm chứng được, rồi có sao kể vậy theo một trật tự logic mạch lạc, và nếu có thể, diễn tả một cách hấp dẫn, chứ không nên và cũng không cần đưa ra những nhận định đánh giá gắt gao này khác theo nhận thức chủ quan hay định kiến giáo điều của người biên soạn. Những công trình biên soạn về nhân vật lịch sử vì thế tuyệt đối tránh óc đảng phái, “bài xích dị kỷ” (công kích loại trừ những kẻ khác mình), đơn giản chỉ vì hoàn cảnh quá khứ khác hoàn cảnh hiện tại, mà nhận thức, hành vi của từng nhân vật lịch sử thì luôn không thể tách khỏi hoàn cảnh độc đáo cá nhân cũng như bối cảnh lịch sử cụ thể mà nhân vật đang sống.

Ví như thời Trịnh-Nguyễn phân tranh (từ giữa đầu thế kỷ XVII) bên cạnh vua Lê thì người Việt Nam đương nhiên cơ bản chia làm 2 phe (không có 2 phe thì lấy gì đánh nhau?). Bước sang giai đoạn tranh hùng giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh (cuối thế kỷ XVIII) thì cũng có hai phe kinh chống nhau quyết liệt và mỗi bên đều có những anh hùng của mình (như Võ Tánh, Ngô Tông Châu... của Nguyễn Ánh; Võ Văn Dũng, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân... của Tây Sơn, hoàn cảnh giữa họ tuy khác nhau nhưng ai nấy đều có nhân cách / Khí tiết đáng trọng). Trong thời Pháp thuộc (tạm tính từ Hòa ước Patenôtre 1884 và sau cuộc binh biến 1885 ở Huế kết thúc cuộc chiến tranh xâm lăng của Pháp) thì trừ đại đa số quần chúng nhân dân không tên tuổi ra, số người nổi tiếng đáng gọi nhân vật lịch sử đương nhiên phải chia làm nhiều thành phần khác nhau, tùy hoàn cảnh: một số làm việc cho chính quyền thuộc địa, một số phục vụ trong bộ máy triều đình phong kiến cũ của các vua, và số khác nữa không chấp nhận số phận nô lệ của bản thân và của dân tộc đã đứng ra tổ chức kháng chiến hoặc theo quân kháng chiến chống Pháp trong các phong trào yêu nước. Sau Hiệp định Genève 1954, đất nước tạm thời chia đôi ở vĩ tuyến 17 hình thành thế cục đấu tranh Nam-Bắc với nhiều lý do rất ngoắt ngoéo phức tạp thì nhân vật lịch sử, gồm các tướng tá và công chức dân sự bậc trung-cao của mỗi bên đương nhiên cũng phải chia thành 2 phe phục vụ cho công việc/ mục đích chính trị mỗi bên, không thể có chuyện số lớn người sĩ quan VNCH vượt tuyến ra Bắc phục vụ cho chế độ XHCN miền Bắc, cũng như ngược lại không



thể có số lớn cán bộ CS trốn vào miền Nam để kiếm sống (ngoại trừ việc lúc đó họ được phân công vào Nam vì lý do chiến tranh).

Cái chung hơn hết là hoàn cảnh cá nhân cũng như hoàn cảnh lịch sử-xã hội mà cá nhân bị chi phối và phần lớn thường rất khó chủ động thoát ra được. Chúng ta không thể đòi hỏi các nhà văn hay cán bộ nghiên cứu ở các trường, viện ngoài Bắc giai đoạn 1954-1975 hiểu thấu hoặc hiểu đúng về lịch sử Việt Nam vì cuốn *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim và những sách tương tự đều bị cấm đọc. Những nhân vật lịch sử có công đóng góp lớn cho nền văn hóa dân tộc như Trương Vĩnh Ký, Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, nhóm Tự Lực Văn Đoàn (Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo...) ... thì hầu như ít ai được biết tới, hoặc chỉ biết lơ mơ sai sự thật. Các học thuyết khác ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin về văn học, triết học, kinh tế học (thị trường) của nhân loại thì lại càng không thể... Cho nên bây giờ nhìn lại với quan điểm thông thoáng hơn, cần phải có sự cảm thông chân thành và đúng liều lượng đối với một số anh em trí thức miền Bắc, trong khoảng thời gian mấy mươi năm, về những mặt hạn chế tri thức và tư duy giáo điều mà không ít người trung thực đã thú nhận có thời gian họ đã vấp phải, vì tất cả đều do hoàn cảnh cá nhân và nghịch cảnh ngoắt ngoéo của lịch sử dân tộc này mà ra.

Tính cách của cá nhân và hoàn cảnh sống của mỗi con người là rất quan trọng, khó có thể ai nói tài hơn ai. Bẩm tính, năng khiếu, bản lĩnh và xu hướng hoạt động theo ngành nghề gì cũng rất khác nhau. Có người chịu làm chính trị, tham gia quốc sự, dám chịu tra tấn tù đầy vì việc nước, đáng gọi anh hùng, thì cũng có người tuy vẫn âm thầm yêu quê hương xứ sở, biết đau xót vì thân phận dân tộc bị nô lệ, nhưng kém bản lĩnh chiến đấu, không dám xông pha chiến trận, sợ thấy chém giết... Dạng người này, không ít trong mọi xã hội mọi thời đại, muốn được sống bình yên, chỉ mong "cầu toàn tính mệnh ư loạn thế", nên họ có khuynh hướng tìm những việc làm thích hợp trong khối dân sự ít thấy đổ máu, bằng cách "trốn quân dịch", tham gia các hoạt động văn hóa giáo dục, hoặc thậm chí... đi tu: nếu tiêu cực là để lánh cuộc đời xáo trộn, còn tích cực là để hoằng pháp, giảng đạo với hi vọng cứu đời bằng con đường xây dựng đạo đức cho tha nhân theo hướng hòa bình lương thiện. Cụ Đào Duy Anh là một dạng người có phần tương tự như vậy, lúc đầu hăng hái làm chính trị cách mạng, từ khoảng năm 1926, nhưng vì ngại cảnh tù đầy tra tấn, đã xoay ra hoạt động văn hóa suốt mấy mươi năm, bằng hoạt động giáo dục và khảo cứu, đóng góp được rất nhiều cho xã hội qua những công trình bất hủ... (xem Phan Huy Lê, "Đào Duy Anh, hành trình gian truân của một nhà sử học", tạp chí *Xưa Nay*, số 459, tháng 5/2015, tr.9-19). Giả định cụ Đào tiếp tục làm chính trị và bị thực dân Pháp bắt xử tử,

thì câu chuyện về cụ đã chuyển sang hướng khác hẳn, mà xét cho cùng, với tâm chất, tính cách học giả thứ thiệt như cụ thì trước hay sau gì cũng không thể làm chính trị thành công được. Cho nên cũng không thể nói Nguyễn Thái Học lên đoạn đầu đài (năm 1930) vì chống thực dân Pháp bắt thành là yêu nước và anh hùng hơn cụ Đào Duy Anh được, vì hình thức lựa chọn việc làm của hai người khác nhau, theo những khuynh hướng, nhân sinh quan, điều kiện, hoàn cảnh, năng lực, tâm chất cá thể không giống nhau.

Cho nên ở đây cũng cần có một cách nhìn thông thoáng hơn về khái niệm yêu nước. Không phải không có loại nhận thức khá ấu trĩ và phiến diện cho rằng yêu nước chủ yếu gắn với tinh thần bất khuất, hi sinh dũng cảm chiến đấu thắng lợi về vang, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng..., thay vì lẽ ra nên nhấn mạnh nhiều hơn đến khía cạnh yêu nước ở lòng tự trọng, ước muốn hoàn thiện bản thân-rèn luyện nhân cách, ý thức chấp hành bốn phận và kỷ luật..., thể hiện qua những hành vi bình thường hằng ngày của công dân, trong mỗi hoàn cảnh lịch sử cụ thể nhất định.

Cũng phổ biến có loại quan niệm về yêu nước, về chủ nghĩa anh hùng phân biệt theo đảng phái hay giai cấp, cách mạng vô sản hay cải lương tiểu tư sản... Chẳng hạn, cho rằng yêu nước theo kiểu một số nhà văn nhóm Tự Lực Văn Đoàn là nhuộm màu tiểu tư sản, phải bài bác, phủ định, trong khi thật ra nhóm này chỉ chủ trương rất đơn giản: yêu nước là yêu tha thiết đám nông dân nghèo khổ dốt nát cày sâu cuốc bẫm chiếm đa số trong thành phần dân tộc, phải nỗ lực tìm mọi cách vận động để giúp đỡ, nâng cao đời sống của thành phần xứng đáng đại diện cho dân tộc này lên, hầu mang lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho họ (nói trong *Đoạn tuyệt* của Nhất Linh, *Con đường sáng* của Hoàng Đạo...).

Trở lại vấn đề thái độ đối với nhân vật lịch sử, thấy có loại quan niệm hẹp hòi đơn giản, đại khái, phạm hể ai theo Nguyễn Ánh chống Tây Sơn hoặc thuộc hàng ngũ vua quan triều Nguyễn, người theo đạo Thiên Chúa, người làm công chức cho Pháp, không chống Pháp hoặc chủ trương "Pháp - Việt để huê" (như Phạm Quỳnh, Bùi Quang Chiêu...), người theo các đảng phái "quốc gia"... thì cơ bản đều bị coi "nổi giáo cho giặc" và hèn kém tệ hại tất tần tật (trong khi đó thật ra, vua quan triều Nguyễn, ngay từ thời Tự Đức, trước sau đều đã chống Pháp rất dữ, nhưng thất bại vì thời đại chủ nghĩa tư bản lúc đó đang bành trướng với lực lượng quân sự rất mạnh...). Với cách nhìn nhận và ứng xử này, sau ngày 30/4/1975, khi chiến tranh Việt Nam vừa chấm dứt, "bên thắng cuộc" đã cho hủy bỏ hết thấy các tượng đài, tên đường, tên trường học... mang tên những nhân vật lịch sử có lý lịch dính dăng như trên, và dường như chỉ chừa lại vài ba con đường mang tên

Hoàng Diệu, Tôn Thất Thuyết, Trần Xuân Soạn (đều ở quận 4, TP.HCM) đơn giản vì các vị đại thần này mặc dù cũng quan lại triều Nguyễn nhưng lại tiêu biểu cho phái chủ chiến chống Pháp quyết liệt: người thì như Hoàng Diệu quyết tử bảo vệ thành Hà Nội khi Pháp tấn công năm 1882, còn Tôn Thất Thuyết thì đã cùng với Nguyễn Văn Tường tổ chức cuộc binh biến 1885 ở Huế làm cho quân ta chỉ trong một đêm 4/7/1885 vừa chết thảm vừa bị thương đến số vạn, thầy phơi đầy đường, hàng đồng người “cụt tay, cụt chân, lòi ruột, toạc đầu, quần quai trong vũng máu”, vua Hàm Nghi phải xuất bôn chạy ra căn cứ Tân Sở, nhưng vẫn không đạt được mục đích như mong muốn (xem Lưu Anh Rô-Lê Anh Tuấn, “Tìm hiểu cuộc chính biến kinh thành Huế...”, tạp chí *Xưa Nay*, số 459, tháng 5/2015, tr. 42-47). Để ý ra, chúng ta thấy, theo quan điểm “chính thống”, dường như hễ ai chủ chiến, quyết tử đều coi như lý lịch tốt, xếp vào “phe ta”. Điều này hoàn toàn đúng, nhưng sẽ càng đúng hơn nếu người ta không vì đó mà phủ nhận sạch trơn những người không chủ chiến, không hi sinh liêu chết do sự run rẩy cá nhân hoặc do hoàn cảnh sống trong một xã hội cụ thể khiến phải có những lựa chọn khác.

Cách làm việc khách quan của các ban biên tập từ điển nước ngoài cũng thế, chẳng hạn từ điển *Larousse* nổi tiếng lâu đời của Pháp, phần nhân vật Việt Nam nếu miền Bắc có Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... thì trong Nam cũng có Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu... Vì vấn đề chủ yếu là giúp cho người sử dụng từ điển tra trong đó để biết nhân vật X nào đó là ai, chứ không để đường lối chính trị-ngoại giao nhất thời chi phối.

Được biết, trong bộ *Britannica Concise Encyclopedia* vừa có bản dịch tiếng Việt gần đây với tên gọi *Từ điển bách khoa Britannica* (Nxb Giáo Dục,

2014), phần nhân vật Việt Nam cũng có đủ hai phe (gồm 8 người, xếp theo thứ tự A, B, C...): Bảo Đại, Hồ Chí Minh, Lê Lợi, Ngô Đình Diệm, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp (xem Nguyễn Việt Long, “Chuyện kể từ người tham gia làm *Britannica* tiếng Việt”, báo *Tuổi Trẻ Cuối Tuần*, 5/7/2015, tr.27).

Nhân vật lịch sử, xét về phương diện việc làm của họ trong quá khứ và trong tương quan với quyền lợi cộng đồng, quyền lợi dân tộc, lẽ tất nhiên cũng có người tốt, kẻ xấu, cần được mô tả khách quan, đúng sự thật, để cho thế hệ trẻ hiện tại qua đó nhận xét, đánh giá. Chẳng hạn Trần Bá Lộc (1839-1899) là một cộng sự viên đặc lực của thực dân Pháp khét tiếng trong việc đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa yêu nước ở miền Nam Việt Nam vào những năm cuối thế kỷ XIX thì chẳng ai dám khen là tốt cả, nhưng khi viết tiểu sử, cũng không được bỏ qua sự kiện hệ thống kênh đào do ông chỉ huy đã đem lại lợi ích to lớn cho vùng đất Đồng Tháp Mười... Nói chung, đối với nhân vật lịch sử, ai cũng vậy, phải nêu đủ cả những mặt tốt, xấu của họ ra cho mọi người biết dựa theo sử liệu chính xác, chứ không nên vì định kiến hoặc giáo điều nào đó mà dùng lời lẽ phê bình theo kiểu mặt sát, thiếu lễ độ đối với các bậc tiền bối đã ra người thiên cổ.

Ở thời hiện tại có người tốt, kẻ xấu thì trong quá khứ lịch sử cũng vậy thôi, không bao giờ có toàn người tốt hay toàn kẻ xấu. Gương lịch sử hữu ích ở chỗ biết nhìn vào đó để soi rọi, rút tĩa kinh nghiệm cho việc làm hiện tại, bằng cách chú ý mặt tốt để khích lệ các thế hệ hậu bối, còn mặt xấu vẫn kể ra cho biết nhưng cũng chẳng có gì cần phải làm ầm ĩ quá đáng, như số ít tờ báo, tạp chí những năm gần đây đã làm rất hăng hái và đầy định kiến đối với một số nhân vật thuộc diện “phức tạp” vì có lý lịch liên quan triều Nguyễn, thực dân Pháp, đạo Thiên Chúa..., nổi bật như vua Gia Long, các ông Lê Văn Duyệt, Phan Thanh Giản, Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh Ký, Phạm Quỳnh...

Lạ nhất là trường hợp Trương Vĩnh Ký (1837-1898), thiết tưởng cũng nên nêu điển hình để luận giải cho vấn đề đang xét, vì gần đây có vài sự kiện dính đến tên ông mà ông bị vài tờ báo, tạp chí lôi ra chỉ trích, trong khi cả nước đều coi ông là nhân vật lịch sử tiêu biểu, nhà bác học, danh nhân văn hóa xuất sắc hiếm hoi của vùng đất mới Nam Bộ với nhiều đóng góp cho sự nghiệp văn hóa đất nước, được chọn để đặt tên đường phố và tên trường học ở nhiều nơi, đặc biệt



tại TP.HCM. Năm 1941 từng được nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan đưa vào hàng đầu sách *Nhà văn hiện đại* trong số “Các nhà văn đi tiên phong”, với lời nhận xét khẳng định chắc nịch: “Trương Vĩnh Ký thì thật là một nhà bác học. Ông không những là một nhà văn, một nhà viết sử, một nhà dịch thuật, mà lại còn là một người rất giỏi về khoa ngôn ngữ học. Ông thật xứng đáng làm tiêu biểu cho tất cả những người sống sáng với quốc văn lúc đầu ở Nam Kỳ; sự nghiệp của ông, chúng ta không thể nào không biết đến được” (*Nhà văn hiện đại*, tập 1, Nxb Thăng Long, Sài Gòn, 1960, tr.37). Sách chuyên khảo bằng tiếng Pháp và tiếng Việt về sự nghiệp văn hóa của Trương Vĩnh Ký đến nay đã có đến số chục (như của một số tác giả: Jean Bouchot 1927, Đặng Thúc Liêng 1927, Khổng Xuân Thu 1958, Nguyễn Sinh Duy-Phạm Long Điền 1975, Nguyễn Văn Trần 1992, Nguyễn Văn Trung 1993, Bằng Giang 1994, Trần Thị Nim 1998, Hoàng Lại Giang 2001, tạp chí *Xưa & Nay* [chủ biên] 2002/2006...).

Thế nhưng, vì lý do để công kích nội dung một cuốn sách trong đó có tiểu sử Trương Vĩnh Ký, một tác giả đã viết: “Trương Vĩnh Ký là một điển hình của giới trí thức học cao biết rộng, phục vụ đắc lực cho chủ nghĩa thực dân Pháp, **không có chỗ đứng trong lịch sử văn hóa nước nhà** (TVC nhấn mạnh), nhưng trong cuốn sách này coi ông như một ‘nhà bác học’ có cống hiến to lớn trên nhiều lĩnh vực văn hóa cổ kim Đông Tây” (xem tuần báo *Văn Nghệ TP.HCM*, số 343, ngày 5/3/2015, tr.11).

Cũng trong tháng 3.2015, Trương Vĩnh Ký lại bị thêm một đợt “tấn công” dồn dập, nhân sự kiện họ Trương được tôn vinh là nhân vật kiệt xuất có công đối với văn hóa Việt Nam, trong dịp tổ chức Giải thưởng Phan Châu Trinh của Quỹ Văn hóa Phan Châu Trinh do bà Nguyễn Thị Bình và nhà văn Nguyễn Ngọc chủ xướng. Một tờ tạp chí đã dành liên tiếp 2 số báo để vừa công kích Giải thưởng Phan Châu Trinh vừa nêu lên những mặt xấu, hạn chế của Trương Vĩnh Ký, nhưng chủ yếu nói ông là tay sai đắc lực của thực dân Pháp, và “vấn đề là ở chỗ Trương Vĩnh Ký hoàn toàn không xứng đáng...” (Tạp chí *Hồn Việt*, số 92, tháng 5.2015, tr. 51). Ngoài ra, tạp chí còn cho trích dẫn một số tài liệu, bức thư của Trương Vĩnh Ký chứng tỏ ông rất trung thành với nước Pháp và qua một số công trình biên soạn đã tận tâm đắc lực trong nhiệm vụ giúp thực dân Pháp thi hành chính sách đồng hóa dân tộc Việt.

Đọc một số tài liệu trưng dẫn kể trên, có những câu như “lòng tôi luôn thuộc về nước Pháp”, “Người bề tôi tận tâm và vâng lời”... (*Hồn Việt*, tđđ., tr.67), chúng ta ngày nay chắc chắn sẽ ít nhiều cảm thấy như bị dị ứng khó chịu, và tự ái nữa, liên tưởng đến những lời ca tụng tương tự sau này của hậu bối Phạm Quỳnh (1892-1945) đối với nước “Đại Pháp”, nhưng nếu bình tĩnh đứng trên một quan điểm cận nhân tình hơn để xem xét, sẽ thấy vì đều là công chức của Pháp, các ông đương nhiên

phải phát biểu những câu sáo thưa gởi như vậy là chuyện rất bình thường, theo kiểu “ăn cây nào rào cây nấy”, để được việc, như trong một số trường hợp khác người ta phải dùng những cụm từ đôi khi còn sống sượng hơn để ca tụng chế độ mình đang phục vụ. Dù thế nào chăng nữa, không thể chỉ vì vài bức thư hay những câu sáo ngữ như thế mà các ông không còn là danh nhân văn hóa của nước Việt, vì phần đóng góp của các ông chủ yếu trong phạm vi văn hóa giáo dục chứ không phải quân sự hay chính trị. Thực tế cho thấy, trong điều kiện Pháp thuộc, hầu hết nhân tài Việt Nam trên mọi lãnh vực hoạt động đều được đào tạo từ nền giáo dục mới của Pháp, mà một số không ít trí thức về sau đã trở thành những nhà hoạt động chống Pháp tích cực (Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường...). Tương tự như vậy, khi Pháp đặt ách thống trị lên các quốc gia nhược tiểu thì cũng có hai mặt lợi hại đi liền theo nhau: ngoài chuyện bóc lột, họ cũng đương nhiên để lại, dù muốn hay không, một số di sản hữu ích cho các dân tộc bị trị như khoa học-kỹ thuật, giáo dục, y tế, giao thông công chính, hành chính... hiện đại, và đặc biệt là những tư tưởng về tự do dân chủ và cách mạng.

Riêng nhân vật Trương Vĩnh Ký, vấn đề nằm ở chỗ, dù thật sự trung thành với thực dân với tư cách công chức Pháp thì ông vẫn là một người Việt Nam có cuộc sống đạo đức nghiêm chỉnh, cả đời học giả chỉ biết cặm cụi nghiên cứu, trước thuật một cách hoàn toàn lương thiện, lại thường bị thiếu túng, thiếu nợ nhà in vì sách báo in ra bán không chạy..., không nghe ai nói ông có lem nhem gì đối với công quỹ, hay làm bất cứ hành động gì có hại cụ thể cho nhân dân lao động. Còn chuyện năm 1886, Trương Vĩnh Ký được Toàn quyền Paul Bert cử vào Huế làm việc ở Viện Cơ mật, nếu không phải họ Trương thì cũng phải có một nhân vật lịch sử Việt Nam nào khác. Giả định Trương Vĩnh Ký lúc 8 tuổi không có cơ duyên theo đạo Công giáo và được đưa đi du học nước ngoài, thì ông cũng chỉ trở thành một đứa bé chăn trâu làm ruộng, giống như mọi đứa trẻ chăn trâu khác sống ở cái ấp Cái Mơn nghèo khổ khi họ còn gá của tỉnh Vĩnh Long mà thôi, làm gì có những công trình văn hóa mà nhiều thế hệ đã được thừa kế và thụ hưởng?

Bình luận về con người trong lịch sử vì thế không thể thiếu sự thông đạt chính trị nhân tình, và đức công bằng, luôn biết đặt con người vào trong hoàn cảnh cá nhân cụ thể cùng với những mối tương tác nhân quả trùng trùng duyên khởi của các sự kiện chi phối bên ngoài, từ đó có được quan điểm phóng khoáng khoan dung, biết hòa giải với quá khứ trong tinh thần cởi mở để hướng đến hiện tại và tương lai, chứ không nên chỉ chuyên moi móc quá khứ với các kiểu thái độ cực đoan, 편견, căm thù, chỉ gây thêm mầm mống chia rẽ trong lòng dân tộc và vì thế cũng không thể đạt được sự hòa giải đích thực trong hiện tại được. ■



Lang thang trong chữ

Gã, y, thị

HỒ ANH THÁI

Có vài đại từ nhân xưng không hẳn đã chính thống, nhưng dùng khá rộng rãi trong đời sống, hình như là từ ngoại đã được Việt hóa. Chẳng hạn, nghe nói từ gã, chỉ một anh chàng, một người đàn ông, một thằng cha nào đó, có nguồn gốc từ tiếng Pháp: gars.

Chẳng hạn từ y, cũng chỉ một anh chàng, một người đàn ông, một thằng cha nào đó, có nguồn gốc từ tiếng Anh: he. Tiếng Anh phát âm là hi, nhưng dân ta thời trước có xu hướng phát âm từ này theo kiểu tiếng Pháp, chữ h câm, tức là không đọc chữ h. Rốt cuộc nó được đọc là y.

Chẳng hạn chữ thị, chỉ một cô nàng, một người phụ nữ, một con mụ nào đó, cũng có nguồn gốc từ tiếng Anh: she. Phát âm chính xác phải là si, nhưng đã được đọc chệch thành ra thị.

Gã = gars

Y = he

Thị = she

Riêng chữ thị, trên thực tế nó đã có trong một câu thơ gán cho Hồ Xuân Hương, khi nói về quan thị, tức quan hoạn, không còn cái cơ quan giới tính nam mà vẫn thềm ước: *Thị thấy lạ thị đứng thị xem / Thị cũng thấy thềm thị không có... ấy*. Chữ thị được cho là một từ Hán - Việt, gốc từ chữ nữ. Truy nguyên nữa, có thể thấy gốc từ còn rất phong phú.

Thế rồi trong ngôn ngữ của ngành hình sự, mấy chục năm qua xuất hiện một đại từ nhân xưng ngôi thứ ba số ít chỉ phụ nữ: y thị. Nó chỉ một cô, một nàng, một mụ, phần nhiều là đối tượng xấu hoặc bị tình nghi. Rõ ràng là giới tính nữ, vậy mà lại ghép cả y lẫn thị. Đã y rồi còn thị. Tôi có lần nhắc đến cái đại từ nhân xưng

ghép này trong truyện ngắn *Cây hoàng lan hóa thành cây si* (2002):

“Ông kể hơn ba chục năm nhà ông đã trải qua mấy lần bị kiểm tra hành chính. Tư thương buôn bán vàng bạc. Có lần vừa mới bê mâm cơm lên thì công an đến, ông nhanh trí trút hết được chỗ vàng bạc vào nồi canh. Cơm xối cho mỗi người một bát rồi vui đồ trang sức xuống đáy nồi. Người ta sục sạo khắp nơi, đào cả vườn lên mà không tìm được gì. Lần khác ông ném được mấy túi tài sản xuống cái hồ gần đó. Lần nữa, vợ ông mang đồ đi tẩu tán. Ngày ấy Hà Nội chưa có xe máy, bà đã sở hữu một cái xe tay ga 103 của Pháp. Nữ anh hùng xa lộ phóng xe vèo vèo qua cầu Long Biên. Báo đăng hẳn hoi chuyện phá án: thấy thị ích xì i dết chạy xe ra khỏi nhà, trinh sát ta bí mật bám theo. Y thị (đại từ nhân xưng lưỡng tính báo công an ưa dùng) đi ngoắt ngoéo cổ tình cắt đuôi, nhưng vô quít dày có móng tay nhọn. Sang đến bên kia cầu, y thị rẽ vào ba nhà quen biết, nhà biếu cân cam, nhà gói bánh, gói mứt Tết. Tất cả đều chỉ là động tác giả. Tại điểm cuối cùng y thị bị bắt với đầy đủ tang vật trị giá hàng trăm cây vàng...”

Bây giờ truy ngược nguồn gốc tiếng Anh của cái đại từ ghép này, ta sẽ được một đoạn văn như sau:

“Thấy thị ích xì i dết chạy xe ra khỏi nhà, trinh sát ta bí mật bám theo. *He she* (đại từ nhân xưng lưỡng tính báo công an ưa dùng) đi ngoắt ngoéo cổ tình cắt đuôi, nhưng vô quít dày có móng tay nhọn. Sang đến bên kia cầu, *he she* rẽ vào ba nhà quen biết, nhà biếu cân cam, nhà gói bánh, gói mứt Tết. Tất cả đều chỉ là động tác giả. Tại điểm cuối cùng *he she* bị bắt với đầy đủ tang vật trị giá hàng trăm cây vàng...”

Ai bị bắt nhỉ? He hay she? ■



NGUYỄN HOÀNG DUY

Trên mạng xã hội Facebook hiện nay, các cư dân dường như thích sống theo kiểu trào lưu. Nếu như trong xã hội thực có vấn đề gì đó mang tính thời sự, ảnh hưởng thì ngay lập tức trên Facebook xuất hiện trào lưu ấy. Chỉ một thời gian ngắn thôi, sau đó thì tắt ngấm và chạy theo cái mới. Văn hóa kiểu “ăn xối ở thì” đã trở thành trào lưu.

Cách đây hai năm, trên thế giới xuất hiện trò chơi thử thách *Dội nước đá lên đầu* (Ice Bucket Challenge) nhằm gây quỹ từ thiện của Hiệp hội ALS (quỹ phòng chống bệnh xơ cứng teo cơ một bên). Trò chơi này lan rộng trên toàn thế giới và có nhiều chính khách, nhân vật nổi tiếng tham gia. Ngay lập tức trên Facebook xuất hiện clip đội nước đá lên đầu của các bạn trẻ ở Việt Nam nhưng với hình thức xô xiên nhau chứ không dính dáng gì đến từ thiện. Đến vụ Trung Quốc đưa giàn khoan HD-981 bất hợp pháp vào vùng biển đặc quyền kinh tế, thêm lục địa của Việt Nam, trên Facebook, ảnh đại diện của các tài khoản cá nhân đều mang biểu tượng cờ đỏ sao vàng. Ngày 27/6/2015, Tòa án Tối cao Mỹ ra phán quyết công nhận quyền tổ chức hôn nhân đồng tính trên khắp nước Mỹ. Ấn theo bạn bè quốc tế, các bạn trẻ lũ lượt treo cờ cầu vồng trên avatar. Quá choáng ngợp trước hình ảnh này, nhiều nghệ sĩ trong nước đã phản ánh các bạn trẻ một cách gay gắt. Thậm chí nhà báo người Mỹ Peter Moskowitz gay gắt nói: “Hãy thôi trò “treo avatar cầu vồng” trên Facebook”.

Chẳng những chạy theo trào lưu của xã hội mà ngay cả việc nghệ sĩ nổi tiếng (hoặc tai tiếng) cũng bị các thần dân trên Facebook nhại theo. Như những năm trước đây, khi ca khúc *Gangnam style* của ca sĩ PSY (người Hàn Quốc) làm mưa làm gió, ngay lập tức trên các trang chia sẻ hay Facebook (có khi được dẫn link từ Youtube)

hiện diện nhiều clip “điệu nhảy ngựa” do chính cá nhân quay lại (nhưng hát nhép theo). Kể cả vũ điệu Flashmob đường phố của Mỹ, điệu nhảy Splash out của Thái Lan cũng được các bạn trẻ Việt Nam khai thác triệt để bằng cách chạy ra đường nhảy múa, quay clip rồi đưa lên Facebook (theo nhạc nền của bản gốc). Hay như tư thế ngủ “khó đỡ” của hoa hậu Kỳ Duyên mới đây bị chụp lén đưa lên Facebook cũng được các bạn nhại lại.

Đồng ý rằng những hiện tượng trên không có ảnh hưởng xấu, vì thế người sử dụng Facebook có quyền làm điều mình thích trong “ngôi nhà ảo” của mình. Tuy nhiên cần phải cân nhắc khi chạy theo trào lưu. Hiện nay, không phải ai ủng hộ bệnh teo cơ, hôn nhân đồng tính thì mới quay clip đưa lên Facebook. Có khi chỉ vì họ thấy các bạn của mình đều hưởng ứng thì làm ăn theo cho xóm tụ, cho có phong trào (nhiều người gọi đây là hội chứng bầy đàn). Chúng ta cần có lập trường riêng cho bản thân. Biết rằng Facebook chỉ là “ngôi nhà ảo” nhưng đôi khi nó tác động thật trong đời sống chúng ta. Mỗi ngày một ít ảnh hưởng, về lâu dài, chắc chắn sẽ tạo ra những thói quen khó bỏ, trong đó việc sống thực dụng và tư duy a dua. Bởi không phải lúc trào lưu cũng mang tính tích cực cần được nhân rộng. Như vừa mới đây, sau khi cơ quan bắt được hung thủ gây ra vụ thảm sát ở Bình Phước thì ngay lập tức, các thần dân trung thành của Facebook lục tục đi tìm “địa chỉ nhà” của nạn nhân và hung thủ để xem cho bằng được những hình ảnh hai người thời mặn nồng. Thậm chí người ta còn lợi dụng dịp này để rao bán trên Facebook chiếc áo giống áo của tên hung thủ đang mặc (có kèm hình). Điều đó không nên chút nào. Hãy dừng lại khi chưa quá muộn. Cần xây dựng cộng đồng Facebook lành mạnh và có trật tự như thế giới thật của chúng ta. ■

Nhớ hoài thời Cơm độn

LÊ LAM HỒNG

Miền đất trung du quê tôi, miền Tây xứ Nghệ bao đời được ví von là nơi “chó ăn đá, gà ăn sỏi” bởi điều kiện thiên nhiên vô cùng khắc nghiệt. Mùa đông thì giá lạnh như cắt da cắt thịt. Mùa rét đã đến, hồi ấy không có đầy đủ chăn ấm nên người dân dùng những tấm tranh được đan bằng gốc rạ, dày cả ba, bốn tấc; trải chiếu lên, đắp chăn chiên (loại chăn mỏng) mà vẫn còn rét. Mùa hạ thì dư dả gió Lào vừa nóng vừa khô với cái nắng như ai đổ chảo lửa lên đầu. Xưa người dân quê tôi có “sáng kiến” chống nóng là chặt tàu lá chuối xanh rồi nằm lên đó. Hoặc những trưa hè quá oi ả, mọi người vào hang đá trong núi để trú nắng, nghỉ ngơi giữa tiếng ve và tiếng chim quanh mình.

Nhà thơ Chính Hữu viết:

*Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.*

Hình ảnh “nước mặn đồng chua” ở đâu thì không biết nhưng hình ảnh “đất cày lên sỏi đá” là chỉ có ở vùng đất quê tôi. Đất trên đồi lổn nhổn đá ong, đá sỏi. Đất đồi trồng được cây chè và ngon với nước vàng thơm bởi chất đất, khí hậu... Bên cạnh đó là những rẫy sắn xanh tươi; cây khẳng khiu nhưng cho củ nhiều và sắn nướng chín vàng ươm, thơm ngào ngạt...

Nhưng thiên nhiên bao giờ cũng hào phóng, đã “đền bù” cho quê tôi dòng sông Lam như dải lụa xanh mát, dịu dàng. Bãi bồi hai bên sông là món quà vô giá của thiên nhiên. Sông bồi bên nào thì bên ấy hưởng, coi như trời đất ban tặng cho mình. Chẳng may, sông lở bên nào thì bên ấy phải chịu.

Vì thế có câu ca dao:

*Con sông bên lở bên bồi
Bên lở thì đục, bên bồi thì trong.*

Mùa nào thức nấy, cả cánh đồng xanh tươi màu ngô non, màu xanh khoai lang; màu xanh của đậu, lạc... Sau mùa lụt, cánh đồng càng thêm sức sống bởi phù sa mà sông đưa về. Những thửa ruộng bên thung lũng, bên những dòng suối cũng lên xanh màu lúa.

Nhớ nhất là mùa cơm mới tháng năm, tháng mười. Hiện nay vẫn còn tục cúng cơm mới ở vùng quê tôi. Hạt gạo còn thơm mùi sữa lúa, độn cùng khoai lang vừa thu hoạch ngoài đồng. Bắc nồi cơm lên, khi cơm sôi là để khoai đã cắt từng khoanh nhỏ vào. Hương gạo, hương khoai hòa quyện vào nhau, tỏa mùi thơm dễ chịu, hấp dẫn.

Có thể hồi ấy, đang tuổi ăn tuổi lớn nên cơm độn khoai bao giờ ăn cũng ngon, cũng hết nồi cơm mẹ nấu. Mà thức ăn chỉ là “cây nhà lá vườn” như vùng, lạc, nhút, tương; nét đặc sắc không lẫn vào đâu được của vùng quê “tương cà là gia bản”!



Quên sao được cơm độn sắn non bà nấu thuở nào. Sắn non được cắt từng khúc ngắn, cho vào khi cơm đang sôi. Bỏ thêm nhúm muối nhỏ vào cho đậm đà hương vị. Mùi sắn non cùng mùi cơm gạo mới sao hấp dẫn thế? Sắn trồng đất đồi đá ong, đất đỏ cho củ có mùi thơm hấp dẫn lắm.

Những ngày mưa, mẹ mang sắn lát phơi khô hoặc khoai lang xắt lát ra độn cơm. Vào mùa thu hoạch trời nắng; sắn, khoai lang được xắt lát mỏng phơi khô. Càng được nắng thì sắn lát, khoai lát càng thơm, càng trắng. Xong cho sắn lát vào chum sành, có đập lá chuối khô chống ẩm; để dành ăn trong những ngày mưa, ngày giáp hạt.

Nhà có cha mẹ và sáu người con chỉ có chừng một lon gạo; còn lại là khoai, sắn lát. Đun lửa cho cơm sôi lên, khoai hoặc sắn lát lần lượt bỏ vào. Lấy đũa trộn đều và đập nắp lại. Khi cạn nước, cời tro than nóng và đưa nổi cơm xuống vẫn xoay đều cho cơm chín.

Chờ hơi cơm bốc lên thơm nhẹ, dùng đũa bếp (đũa cả) xéo khoai, sắn cho nhuyễn chung cùng gạo.

Một nồi cơm thơm và cả nhà trò chuyện vui vẻ trong hương vị miền quê dân dã

ngàn đời... Nhưng ngon nhất, thơm nhất là cơm độn khoai lang vừa thu hoạch, đưa ngoài đồng về. Khoai còn tươi, vỏ tím ngát (gọi là khoai lang mật; khi nấu chín, để nguội, mật khoai tứa ra). Đặc biệt hương vị khoai lang mới còn nguyên mùi nhựa không dễ gì quên được khi đã được ăn vài lần.

Cơm độn ngô cũng là một kỷ niệm khó phai mờ trong ký ức thế hệ chúng tôi. Trước hết, ngô được đem ra giã nhỏ bằng cách đổ vào cối và dùng sức người giã. Cối giã bao gồm một cối đá chôn xuống đất; một cần cối và một mỏ cối (còn gọi là chày) được làm bằng thân cây chuối già.

Một giàn cối gồm bốn cái cọc đóng xuống đất, hình chữ nhật. Cần cối được lắp vào hai khe của hai cọc trước. Người giã đứng đằng sau, đập xuống rồi thả chân cho chày nện xuống cối đá. Một người ngồi bên, đưa tay cho ngô vào đều và phải luôn nhanh tay lẹ mắt; nếu sơ sẩy là bị chày nện trúng bàn tay...

Giã xong, dùng sàng sàng lại chọn những mảnh ngô nhỏ; trộn chung cùng gạo. "Công thức" trộn là ba gạo bảy ngô (cứ ba lon gạo thì trộn chung bảy lon ngô). Vui nhất là chiều thứ Bảy, nhà nào cũng thỉnh thoảng cối giã ngô cho con mang đi ăn trong một tuần.

Mảnh ngô lớn hơn thì để ăn độn ở nhà. Do ngô đã giã nhỏ nên khi nấu, đều chín cùng gạo. Nồi cơm độn đỏ một màu ngô trông đẹp mắt. Cơm độn ngô có vị ngọt của ngô, vị thơm của gạo; ăn riết rồi quen và thích ăn cơm độn ngô...

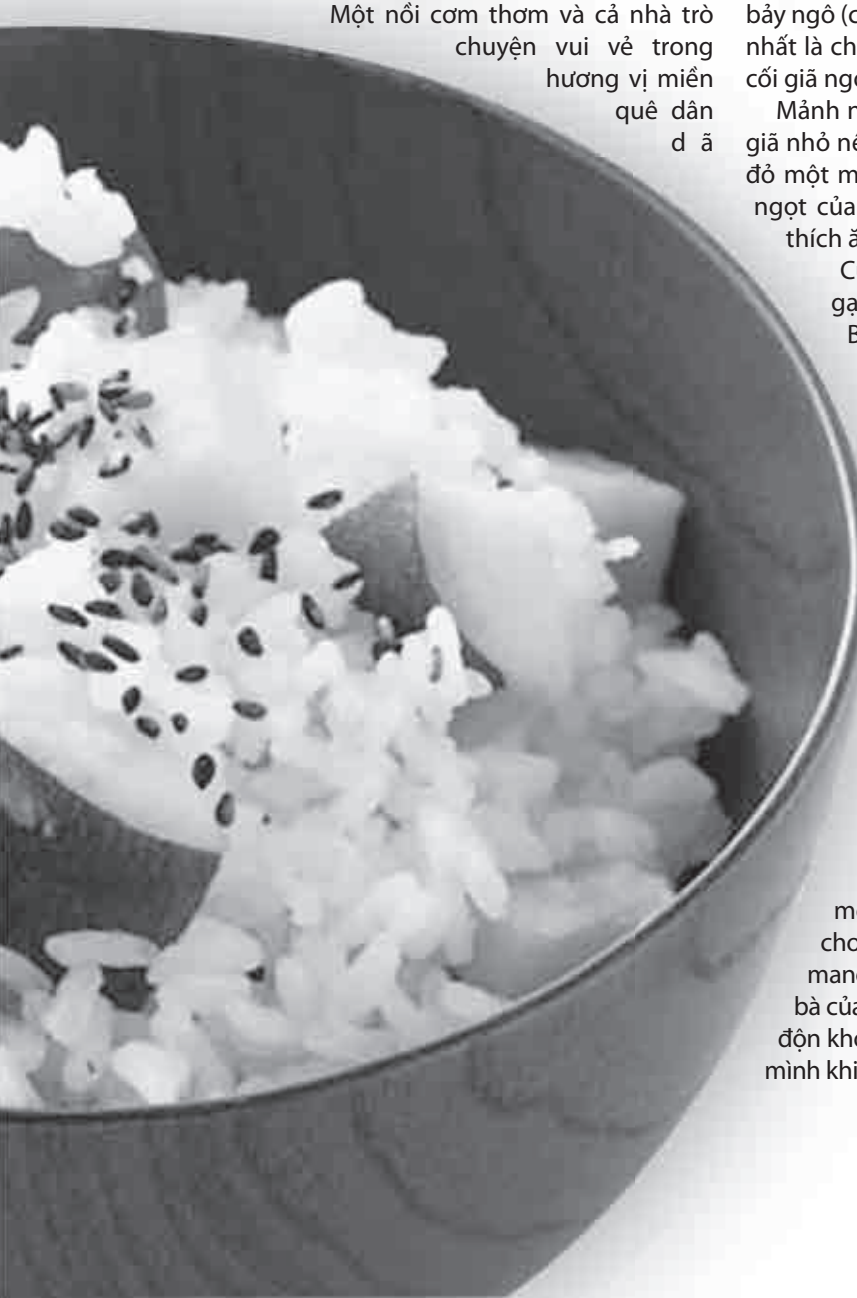
Cuộc sống đổi thay, nhà nhà đều dư dả lúa gạo; cảnh ăn cơm độn không còn nơi làng quê.

Bây giờ ăn cơm gạo trắng, nhiều khi thấy rất nhạt miệng vô cùng. Gạo được xay, đánh bóng trắng thì còn đâu "vỏ cám" bổ dưỡng, chỉ là ăn xác gạo thôi!

Ngày xưa, cơm độn - suy ra cho cùng, lại là sự phối hợp khoa học để bổ sung các chất dinh dưỡng cho cơ thể. Trong ngô, khoai, sắn, đậu có nhiều loại vitamin cần thiết mà trong gạo không có được. Vậy mà ngày ấy, chúng tôi vẫn lớn lên, thân thể chắc nịch, chạy nhảy, đá bóng tối ngày... mà không biết mệt.

Nghe đâu ở Hà Nội, có quán cơm độn để mọi người nhớ về một thời gian khổ. Nhưng cũng nghe nói thì dù "bắt chước" nhưng vẫn không ngon, không "đậm đà" bằng cơm độn "thứ thiệt" ngày xưa!

Nên chăng, mỗi tuần chúng ta cùng nấu một nồi cơm độn để "đổi món"; bổ sung chất cho khẩu phần ăn hàng ngày. Cơm độn ngày xưa mang hương vị quê hương, mang tình thương của bà của mẹ nên dù sống ở phương trời nào; mùi cơm độn khoai, độn sắn, độn ngô luôn phảng phất quanh mình khi chúng ta cùng ngược dòng năm tháng ấy. ■





Từ nhỏ tôi đã sống cuộc sống kham khổ, bởi nhà tôi thuộc dạng nghèo nhất nhì trong trấn. Con phố nhỏ nơi tôi sinh ra người lớn suốt ngày đi tha phương cầu thực, chẳng hiểu từ lúc nào trong phố chỉ còn các mẹ và đám trẻ nhỏ quần quanh. Đàn ông trong phố không giống buồm ra ngoài khơi xa thì cũng đi tìm vùng đất mới, để các mẹ, các chị cứ chờ, chờ những trụ cột trong gia đình hoàn trở lại.

Chỉ còn hai mẹ con trong ngôi nhà cô quạnh, đôi khi tôi cũng rướm buồn trước cảnh cô đơn nhưng rồi nhìn mẹ, nhìn sự ngóng chờ, tin tưởng mẹ dành cho ba nơi phương xa tôi càng dấy lên niềm tin về người ba chưa bao giờ biết mặt. Khi tôi lên mười, tôi hay trách mẹ phí hoài thời gian vô ích qua những lần chờ, để rồi bao người đàn ông hiếm hoi trong thôn dặm hỏi mẹ cũng bỏ qua với niềm tin bất diệt. Ba tôi theo những người đàn ông trong phố đi tìm vùng kinh tế mới đã được mười năm, ba đi vài tháng thì tôi sinh ra, ngày ấy phố nghèo bị cơn đói quật ngã nên dù vợ đang mang thai sắp tới ngày sinh ba vẫn cần răng đi làm xa kiếm tiền.

Rồi tôi sinh ra mà không biết mặt ba, rồi cứ thế bằng bằng tám năm, chúng tôi chỉ “giao tiếp” qua những bức thư khi tôi biết đọc. Không nhiều, có khi một tháng một bức, có khi vài tháng mới được một bức. Ba tôi dong ruổi khắp nơi, ba đi làm thợ xây hay đãi vàng gì đó, tuổi tôi hãy còn nhỏ quá không hình dung ra được. Có nhiều lần nhớ ba tôi ứa nước mắt, dường như mối dây của tình phụ tử có gì đó như ràng buộc nhau, dù chưa gặp mặt cũng thế thôi, tình phụ tử vốn là mãnh liệt và bất diệt, nó dấy lên mỗi lúc một mạnh mẽ mỗi khi tôi thấy mẹ gục ngã, mỗi khi tôi nhìn những người đàn ông bắt đầu về trong xóm, hay mỗi mùa Tết, mỗi mùa khai trường, tôi thêm được ba đèo đi trong những lúc nắng sang.

Nhiều lúc leo lên mỏm đá thấp sau làng tôi hay quay sang hỏi Phong “có khi nào ba đã quên Vân không Phong nhỉ?”. Phong chỉ lắc đầu, không nói, cậu ấy ném một cục đá xuống biển rồi nhìn tôi: “Đến khi nào Vân có đủ dũng cảm xuống tìm hòn đá ấy thì hãy bắt đầu thất mắc để đối mặt với sự thật”. Phong biết tôi sẽ không bao giờ đi tìm hòn đá ấy, và đó cũng là cách Phong an



ủi tôi, dắt một đứa trẻ nít chỉ biết cách duy nhất quên đi niềm đau là trốn tránh đi sự thật.

Phong là con cô Thu nhà hàng xóm, ba Phong cũng đi làm xa như ba tôi rồi lấy vợ khác, bỏ mình cô Thu nuôi con suốt mấy năm nay. Phong đen nhẻm, không đẹp trai, mà mới chục tuổi đầu thì có đẹp trai cũng không để làm gì. Nhưng Phong luôn tỏ ra mình là người lớn, dù cậu ấy đôi khi cũng con nít lắm, cứ nhảy cẫng lên khi được mẹ tôi hay cô Thu cho quà bánh khi đi chợ về. Chỉ một lần tôi thấy Phong khóc, đó là lúc cô Thu khóc dữ nhất khi nghe tin chồng cô muốn chia tay, mẹ tôi cũng khóc an ủi cô Thu, mẹ khóc vì cô Thu là bạn thân mẹ, mà cũng vì mẹ sợ... Tôi nhớ hồi ấy bà con trong xóm tới đông lắm, toàn các mẹ các chị tới an ủi nhau lay lắt qua ngày, trong khung cảnh bế bộn ấy, Phong ngồi im bất động, cậu ngồi ngoài hiên, một giọt nước mắt duy nhất rơi, cậu đưa tay quệt ngay rồi chạy vào ôm mẹ, từ đó tôi không bao giờ thấy cậu khóc nữa. Đó là chuyện hai năm về trước. Phong cục mịch. Dù tỏ ra người lớn nhưng cậu ấy vẫn cục mịch, cậu ấy còn rất nhỏ nhưng đã làm đủ thứ việc từ cấy rơm, làm ruộng,

đan lưới đến dọn dẹp, quét dọn nhà cửa rồi chăn heo, chỉ khi mệt mỏi quá, cậu ngồi thừ ra rồi luôn xong tất cả ngay trước khi cô Thu về. Phong với tôi là bạn thân từ thuở lọt lòng, chúng tôi lớn lên bên nhau, rồi học cùng lớp, cùng trường.

Phong hay dắt tôi đi thả diều rồi đi chăn bò, lúc rảnh hai đứa lại chạy ra biển, nhìn tít ngoài khơi xa rồi tôi sẽ tâm sự cùng Phong những điều làm tôi bận tâm. Cậu chỉ nghe tôi nói chứ không kể gì về chuyện của mình, *"với Phong bây giờ, như thế này đã là hạnh phúc nhất"*. Cậu ấy nói thế và không bao giờ nhắc lại nữa. Trong cái hạnh phúc đó có tôi không? Nhiều lần tôi hỏi nhưng Phong không trả lời.

Khi tôi lên 15, ba vẫn chưa về. Tôi đi học xa, thi thoảng mới về thăm mẹ, Phong đã nghỉ học vì cô Thu không có điều kiện. Thế là chúng tôi xa nhau. Mỗi khi tôi về, tôi hay phụ mẹ đi cắt lá dứa, còn Phong hì hục dưới bếp nấu nước đường cho mẹ gánh đi bán. Biết mẹ cực khổ ở quê nhà, biết quang gánh nặng trĩu mẹ oằn nặng thêm sau mỗi chiều tôi càng trân trọng từng đồng tiền mình kiếm được. Nhiều khi trên phố xa lạ quá tôi chỉ muốn ủa về thấy mẹ, thấy Phong, thấy bà con chòm xóm, đô thị giờ xô bồ quá...

Ba về vào một ngày hè chấy nắng. Người đàn ông ấy đứng ở cửa nhìn tôi rồi tự nhiên khóc òa, *"là con đấy à, Vân?"*. Tôi khựng lại, mẹ chạy ra ôm chầm lấy ba, rồi kéo tôi lại phía ba, khi ba đưa tay ra không hiểu sao tôi lại thụt tay lại rồi lùi mấy bước. Người đàn ông đứng trước mặt mình là ai? Là ba, ừ tôi biết đó là ba chứ, chỉ là, có cái gì đó đột ngột quá, có cái gì đó mau quá, tôi chưa chuẩn bị tâm lý. Tôi không biết nên tới ôm ba, rồi làm gì nữa, rồi nói gì với ba. Tôi sợ tôi làm điều gì đó không tốt thì ba sẽ lại đi rất xa. Thế là tôi bỏ chạy, sau lưng tôi là tiếng ba gọi với *"Vân... Vân..."*.

"Phong biết Vân ở đây mà". Cậu ấy ngồi thụp xuống cạnh tôi. *"Chả hiểu cái tảng đá ê mông này có gì mà Vân thích nhỉ? Cứ ra đây mỗi khi buồn"*. Tôi nhìn Phong cười *"không phải Phong cũng ở đây sao"*. Phong không nhìn tôi, cậu ấy nhìn băng quơ, tôi nghe như trong gió có tiếng ai nói *"ở nơi đó có Vân"*... Phong không nói gì nhiều, cậu ấy kể cho tôi nghe một câu chuyện, câu chuyện về một cô nhóc luôn hỏi cậu ấy ba có thương mình không, cô bé ấy khóc khi thấy ba người khác, rồi lại muốn được ba ôm vào lòng, cô bé đã chờ đợi ba suốt mười mấy năm trời, và rồi cậu nói *"cô bé ấy biết cách để mình không hối hận"*. Nghe tới đó mắt tôi nhòa lệ, tôi ôm chặt vai Phong còn cậu ấy nhìn xa xăm ra biển.

Rồi Phong đưa tôi về đấy nhẹ tôi về phía ba, thì thào vào tai tôi một câu thật nhỏ rồi trở vào nhà. Tôi ôm ba khóc không thành tiếng, bao nhớ thương dồn nén, ba đã trở về và sẽ không đi xa nữa... Khi ôm ba tôi khẽ nhìn sang nhà hàng xóm, Phong đang cười, tít cả mắt. Và trong gió có tiếng của ai đó thì thào vào tai tôi *"trong hạnh phúc của ba Vân có Vân, và... tớ cũng thế"*. ■

Đôi mắt vàng trắng khuyết

Ảnh minh họa

Dì tôi không có chồng. Là không có chứ không phải không lấy. Cũng bởi dì quá bận rộn với cuộc sống mà để thời thanh xuân trôi qua quá nhanh để rồi khi chợt nhận ra thì tóc dì đã điểm bạc, cái tuổi băm đã tới, đôi lúc ngồi tiếc nuối đưa tay với lấy thời gian nhưng thời gian cũng trôi qua kẽ tay mà bay đi mất. Dì cũng đẹp nhất nhì làng, cũng nhiều anh ngấp nghé nhưng cả chính dì cũng không hiểu tại sao dì không tìm được chàng nào dì ưng để mảnh tình vắt vai, cũng giống như thả một hạt cát ngoài đại dương rồi bắt người ta đi tìm lại. Dì yêu thương khó là vậy.

Nhà ngoại chỉ có dì và mẹ nên dì thương mẹ lắm, tôi lại là đứa cháu duy nhất nên dì càng yêu thương cưng chiều tôi gấp bội, cái gì dì cũng dành phần cho tôi. Dì xem tôi như con vậy nên nhiều lúc tôi cũng gọi dì là mẹ chứ không còn gọi là dì như tôi vẫn hay gọi, những lúc ấy dì lại hấp háy cười, đôi mắt long lanh như những giọt sương. Dì tôi có đôi mắt khiến tôi không bao giờ quên. Có thể đó không phải là đôi mắt đẹp, cũng có thể đó không phải là đôi mắt buồn như lắm nàng thơ của các

bậc thi nhân nhưng đó là đôi mắt tôi ấn tượng nhất. Đôi mắt nhỏ nhỏ luôn nheo nheo như đang cố gắng nhìn một cái gì đó thật chăm chú, và khi phát hiện thứ gì mà mình luôn yêu thương, trân trọng thì đôi mắt ấy sẽ có hình của vầng trăng khuyết. Cái vầng trăng ấy là gương mặt cười, nó chỉ xuất hiện khi dì muốn cổ vũ ai đó hay muốn nói với ai đó rằng dì đang ổn hoặc cố gắng lên, nói chung đó là đôi mắt của sự động viên, và cũng dường như đó là thứ duy nhất trên gương mặt của dì làm tôi nhói lòng mỗi khi nhìn thấy, bởi vì nó quá mạnh mẽ, hay nó chỉ đang tỏ ra là mình mạnh mẽ còn tất cả những thứ còn lại đều phẳng phất tơ buồn.

Tôi thương dì lắm, thương bằng tình thương của một người con đối với một người mẹ, vì mẹ tôi cứ đi làm xa mãi, chỉ có mỗi dì luôn bên cạnh, thậm chí cả một thời gian rất dài chúng bạn ngây ngô cứ bảo dì là mẹ của tôi, và tôi cũng không chối bởi trong thâm tâm tôi, dì cũng như là người mẹ thứ hai của tôi vậy.

Dì có phận buồn, dường như từ bé dì đã quá quen với việc cầu toàn trong mọi thứ, ông bà ngoại khó nên gửi đi qua cho mấy chú bác trong họ nuôi. Từ bé dì đã phải luôn



LÊ HỨA HUYỀN TRẦN

quá quen với công việc chịu đựng mọi thứ một mình bởi lẽ tính di hay ngại, không thích nhờ vả, phần vì phận ở nhờ nên không dám đòi hỏi thiệt hơn trong bất kì điều gì, đôi lúc tôi nghe kể về di trông di giống một người ở hơn là một người thân, mà có lẽ bởi di cứ nhận tất cả về phần mình nên dường như mọi thứ vất vả đều đổ lên vai di. Có lẽ bởi di sợ di sẽ bị chối bỏ, sẽ bị bỏ rơi, nên di dần dần trở thành hoàn hảo trong mọi thứ, tôi đã lớn lên trong sự chăm sóc của bàn tay hoàn hảo đó. Gọi di là mẹ nhưng di cũng chẳng hơn tôi bao nhiêu, đôi lúc di trẻ con lắm, thế nhưng có lẽ quá vất vả mà di luống hơn tôi rất nhiều, và có lẽ bởi thế di làm tròn cả phận của một người chị trong tôi. Đến bây giờ mỗi khi nhớ lại, tôi vẫn hay nhớ tới bát bánh đa di bán đầu làng, lúc nào tôi đi học về cũng ngang qua ghé húp xì xụp, di lúc nào cũng bỏ phần tôi thật nhiều riêu để rồi mấy đứa bạn ganh thì tôi lại tự hào nói “mẹ hai của tao đấy”, những lúc ấy di cười thật tươi vuốt vuốt mái tóc tôi, còn tôi thì mãi nhặt những hạt lạc còn sót lại trên cái mâm di cắt bánh. Tôi không thể quên những lúc di đang gặt lúa dưới cánh đồng, tấm mạng che gần hết mặt, chỉ chừa có đôi mắt xanh trong biêng biếc,

đôi mắt ấy có hình vầng trăng khuyết mỗi khi tôi tung tăng chân sáo đi ngang qua gọi to “di ơi” và di ngẩng lên cười khiến cái mạng phập phồng. Tôi ít khi thấy di khóc. Chỉ có một lần ông mắt di đã nấc không nên lời, rồi uất nghẹn khóc trên vai mẹ, di nấc rồi đôi mắt rướm lệ đỏ hoe, nhưng khi thấy tôi di lại cười ngay để giọt nước mắt bị đôi mắt vầng trăng ép lại rơi xuống dưới môi rồi di nuốt lấy. Kể từ đấy tôi mới biết di cũng yếu đuối. Dần lớn lên, tôi học trường làng, cách xa nhà hàng cây số, di lại lặn lội chở tôi đi học mỗi ngày, cái ngày bỡ ngỡ bước vào cổng trường, còn sợ, tôi quay lại thấy di vẫn đứng đó nơi cổng trường, cái quai nón che mắt làm tôi không biết di có cười không, chỉ thấy đôi mắt sáng trong đang ngả hình trăng, đôi mắt ấy làm tôi biết dù tôi có đi đến phương trời nào cũng có di bên cạnh. Rồi khi di quay đi, tôi chạy vội theo, dáng di lảo lồi làm tôi thấy thương vô cùng. Những buổi tối về lúc nào tôi cũng thấy bát chè sen di phần cho tôi, đêm khuya khi tôi ngồi học di lại chong đèn trứng ở sát bên mà vá áo. Tôi cứ hay trách di bật điện lên cho sáng sửa chữ mắt mũi kèm nhèm rồi thì di chỉ cười “để cho mày có cái tiền mà học, di mày chẳng chóng thì chầy cũng xong cái áo”, tôi lại rung rung quay vội đi chẳng nói. Tôi lên phổ thông thì mẹ theo ba đi xuất khẩu lao động, nhà chỉ còn 2 di cháu, di ăn ít hơn nữa, hay bệnh hay ho, nhưng mỗi lần tôi hỏi thăm thì di lại cứ gạt đi rồi mang đôi mắt vầng trăng ấy quắc lên trông rất dữ. Nhiều đêm tôi chong đèn ngồi học trong màn thấy di ho rất dội nhưng chỉ cần tôi nhìn thì luôn thấy đôi mắt ấy nhìn tôi quá đối dịu dàng. Cứ mỗi lần nhìn sang cho tới khi tôi tắt đèn tôi đều biết có người dõi theo xem tôi đã ngủ chưa, tự nhiên tôi bớt cô đơn hẳn.

Rồi tôi lên phổ, đại học đưa tôi đến những nơi xa, ngày đưa tôi ra bến trông di như thêm tuổi, tôi biết di buồn, kéo theo những tràng ho là lời dặn dò đủ thứ cứ như tôi còn bé lắm, lên xe rồi tay di còn vẫy, tôi nhìn đôi mắt của di, ánh mắt cười nào biết đâu lần cuối tôi được thấy, tôi ra đi với những lời hứa hẹn sẽ quay về... Rồi cuộc sống hào nhoáng nơi phố thị cuốn lấy tôi, chưa cái Tết nào trong suốt 2 năm đầu đại học tôi về thăm, dẫu di không ngớt gửi thư thương nhớ... Những lần đầu tôi cũng viết lại, năng lắm, rồi việc học, và cuộc sống bận rộn vây quanh tôi nên dần thư cũng thưa đi, tôi lại học xa, biếng về.

Và, di mất. Đột ngột ở tuổi 50, vì bệnh phổi, hậu quả của dầm nước làm việc đêm ngày. Khi nhận được thư mẹ, tôi bàng hoàng, không tin, vội bắt xe về ngay bỏ cả tiết học. Di nằm đó, lặng yên không nói... Những lúc ăn cơm, những lúc di cháu chạy trên cánh đồng thả diều, những lúc di bấm chân vào bùn lầy qua những nơi nước sâu chở tôi đi học, những lúc di vá áo bên bàn học và cả lúc di vẫy tay tiễn tôi đi... Tôi lại nhìn gương mặt di lần cuối, gọi “mẹ ơi” nhưng di không dậy nữa, đôi mắt kia đã khép lại rồi, đôi mắt ấy không còn nhìn tôi cười như muốn nói “mạnh mẽ lên con” nữa... ■



Người chị

Bài & ảnh: NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Bài viết này, lẽ ra phải được viết từ nhiều năm trước nhưng mãi đến nay mới thực hiện được, lúc mà dự định đã trở thành hiện thực. Ấy là để nói về cái cơ sở khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo tại Phú Túc, Hòa Vang, Đà Nẵng, được bắt đầu “trong mơ mộng” từ sáu năm trước, giữa người khởi xướng là chị và ba chúng tôi (thầy Đức Vân, thầy Thế Tường). Cái mơ ước có được một cơ sở khám chữa bệnh như thế, nếu không được xã hội biết đến để ủng hộ, thì khó khăn làm sao? Nhưng chị lại “kiên định” rằng, mình cứ âm thầm làm, không nói nhiều vì sẽ vướng vào cái hố danh-lợi.

Về phần chị, từ gần 50 năm qua chị đã thành danh, nên khi đã quá cái độ tuổi *thất thập nhi tàng tâm sở dục bất du cử* (1), chị “không cần” cái danh mà chỉ quan tâm đến việc đem lợi lạc đến cho những người quan quá khó nghèo. Thực ra thì giữa đức tính và việc làm của

con người, cũng khó mà có một sự... khu biệt: hành động là sự thể hiện của bản chất, chứ sao nữa?

Hơn 50 năm trước, trong bối cảnh tao loạn của một xứ sở chiến tranh-đói nghèo, chị đã dẫn thân vào con đường của sự gian khó và cả cái chết, cho mục tiêu hòa bình-thống nhất đất nước. Lúc ấy, công việc của chị - một sinh viên y khoa thế hệ đầu tiên của Đại học Huế - không chỉ là sách vở-giảng đường mà còn là việc tổ chức cơ sở cách mạng, những lần xuống đường, những chuyến ra vào chiến khu... Trong phong trào đấu tranh tại các đô thị miền nam Việt Nam, chị nổi lên như một người phụ nữ gan dạ, thông minh ở cương vị Chủ tịch Phong trào Phụ nữ đòi quyền sống thành phố Huế, một trong những cái nôi của phong trào. Sau năm 1975, chị tiếp tục là bác sĩ trưởng khoa ở bệnh viện lao thành phố.

Một tờ báo đã viết: “Chị đã và đang nuôi hàng trăm bệnh nhân ung thư ở giai đoạn cuối”. Chị nguyên là trưởng

bộ môn Lao tại Đại học Y Huế, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Thừa Thiên-Huế, là *“người không chỉ giỏi chuyên môn mà còn là một trí thức yêu nước”*; là nhân vật được nhắc đến khá đậm nét trong bộ phim nổi tiếng *“Việt Nam, một thiên lịch sử bằng truyền hình”* do các nhà làm phim nước ngoài thực hiện. Khoảng đầu những năm 90, khi đến tuổi nghỉ hưu, chị bắt đầu vận động việc chữa bệnh miễn phí cho những người nghèo mắc bệnh nan y. Và gần 25 năm qua, chị đã cùng với những người có cùng tâm nguyện gây dựng được hai cơ sở như thế ở Huế. Là một bác sĩ được đào tạo bài bản và có thêm mấy mươi năm trong ngành, chị sớm nhận ra chỗ mạnh-yếu của Tây y. Chị đã đến với phương pháp dưỡng sinh của nhà thực dưỡng người Nhật Ohsawa. Cái “hương” này rất phù hợp với điều kiện chữa trị của những người ít tiền: gạo lứt và muối mè là bài thuốc căn bản. Cũng thuộc type người cứ ngóng trông về “cố quận”, chị băn khoăn hoài: Sao mình không gây dựng được một cơ sở ngay trên đất đã gửi “cuống rốn”? Sáu năm trước tình cờ gặp chị; thế là nảy sinh việc thành lập ban vận động để có được một “nhà tình thương”. Ý định thì cũng “hay”, nhưng khi đứng trước câu hỏi “đầu tiên” thì ai cũng... ngơ ngác! Khi ấy, cũng có tiếng cười... ghẹo: Chẳng có tiền bạc mà “điên đảo mộng tưởng” (2) đến việc tốn bạc tỷ! Hơn ba năm vận động, khá là vất vả với bao nhiêu ngược-xuôi, từ cái buổi ban đầu mượn quán chay Hương Trang, quán chay Bà Lãnh làm nơi sinh hoạt; từ việc “chạy” tìm cơ sở ở Liên Chiểu, Sơn Trà, Hòa Vang... đến chuyện ủng hộ đầu tiên của các ông Lê Gia Thích (60 triệu đồng), anh Cư 30 triệu đồng... Rồi Ban vận động xây dựng Nhà tình thương ra đời vào ngày 24.4.2011 tại Trường Đại học Duy Tân, gồm 60 người, trong đó có những vị cốt cán như ông Lê Công Cơ (hiệu trưởng), ông Huỳnh Văn Hoa, Huỳnh Hữu Trân, Nguyễn Bình Minh, chị Lê Thị Nguyễn, Lê Thị Chung, Nguyễn Thị Ngân, Huỳnh Thị Hải Vân và nhiều thiện nguyện viên khác... Ông Huỳnh Văn Hoa, Bí thư Đảng ủy khối các cơ quan TP.Đà Nẵng nói về chị: Chúng tôi quen biết bác sĩ từ đầu những năm 70. Ngày ấy, tuy người nhỏ yếu nhưng chị luôn có mặt ở những chỗ sóng gió của phong trào, không sợ tù đầy tra tấn. Chị là biểu tượng đẹp đẽ của thể hệ trí thức miền Nam, của xứ Quảng trong đấu tranh chống cường quyền. Nay trên 70 tuổi, chị còn hăng hái trong việc chăm sóc bệnh nhân, chạy chỗ này nơi khác để lo cho người nghèo có điều kiện ăn uống chữa trị...”

Nhà điều dưỡng Tình thương Suối Hoa ra đời (tháng 5.2013) với mục tiêu *nuôi dưỡng chăm sóc những đối tượng bệnh nhân nghèo... Nếu may mắn họ được thoát khỏi bệnh tật thì rất tốt. Nếu không, họ cũng được chăm nuôi tử tế, được an ủi tinh thần và sẽ ra đi thanh thản...* Đó là kết quả của nhiều người, tất nhiên. Và cũng phải nhắc đến “đại thí chủ” Nguyễn Phước Hùng - Phạm Thị Hồng, người đã “gánh gồng” tất cả. Và nhiều lương y đã đến đây để cống hiến như các ông Phan Hồng Long,

Huỳnh Sự, Nguyễn Minh Thái, Phan Công Tuấn... Tất cả các thành viên trong ban điều hành đều không ai nhận bất cứ khoản tiền gì. Đến nay, cơ sở này đã khám chữa bệnh cho gần hai vạn lượt bệnh nhân tại địa phương và dân tộc ít người, cùng những bệnh nhân đến từ Qui Nhơn, Sài Gòn, Quảng Nam... Phương pháp chữa bệnh là ăn uống rau củ quả sạch theo liệu pháp riêng, sống trong không khí không bị ô nhiễm kết hợp với điều trị bằng thuốc Nam và châm cứu. Tâm nguyện với quê nhà, có thể xem như đã... cười vui. Dù chị ở xa, không thường xuyên về được nhưng vẫn giúp đỡ đồng nghiệp về mặt chuyên môn và luôn vận động cung cấp những gì cần thiết. Chị nói, mong sao đây sẽ là một trong những điểm sáng thiện tâm ở Đà Nẵng.

Có công việc từ thiện nào mà không kêu gọi sự góp sức của xã hội? Trong lần trò chuyện mới đây, những người “chung tay” đang lo sao cho có được nguồn điện ổn định (với 100 triệu đồng). Mong sao có thêm những tấm lòng nhân ái đến với cái nơi “heo hút” này và sẽ chia sẻ khổ đau của những số phận không may. Lẽ nào không tin vào truyền thống của dòng tộc Việt, vốn bền chặt với tình cảm “người trong một nước”?

“Tên gọi” của chị là: bác sĩ Phạm Thị Xuân Quế. Quê quán: nơi sống và hy sinh của *“Người chị Điện Hòa”*, trong bài thơ nổi tiếng từ thập niên 1950 của nhà thơ “cố quận” Tường Linh.

* * *

Đêm Suối Hoa. Gió núi rền rĩ âm ào. Tự dưng hiện ra... câu kinh Thánh: *“Phước cho những kẻ nghèo khó, vì sẽ được no đủ”*. Tại sao? Bởi vì, bên cạnh những cuộc đời bất hạnh còn có tấm lòng những người hiểu nhân-quả là định luật của vũ trụ, như Henry Ford (1863-1947) người sáng lập Công ty Ford Motor: *“... có nhiều người tin vào sự luân hồi một cách mơ hồ, nhưng cũng không ít người hiểu luân hồi là một quy luật của sự sống, có ý nghĩa rất sâu xa”*.

Bởi vì... kinh *Pháp Cú* cũng lại hiện ra:

Cũng vậy các phước nghiệp

Đón chào người làm lành.

Nhìn về phía Đông, thành phố biển hiện ra. Bên trên những bèo ảnh của cuộc nhân sinh, hiện lên khuôn mặt người bác sĩ lặng lẽ. Hiện lên khuôn mặt những người khác. Những người biết nghĩ đến nhân quần... ■

Chú thích:

1. Ở tuổi 70 thì sống theo sở thích của bản thân nhưng không vượt ra ngoài lễ giáo (*Luận ngữ*).
2. Chữ trong *Bát-nhã Tâm kinh*.

**Nhà điều dưỡng Tình thương Suối Hoa,
thôn Phú Túc, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng.
ĐT: 05113.690.408 - 0994.181.775.**



Ngẫu nhiên hay tất nhiên

TRƯƠNG HOÀNG MINH

Một buổi trà dư tửu hậu, tôi cùng vài người bạn tán gẫu chuyện trên trời dưới đất một hồi thì anh Bình chuyển sang đề tài tu hành khi thấy có một tốp đàn ông, phụ nữ và trẻ em mặc đồ lam đi qua, anh nói:

- Hiện nay người tu hành tụng kinh niệm Phật ngày càng nhiều, vào những ngày mười bốn-rằm-hăm chín-ba mươi các quán ăn chay thực khách đông nghẹt có quán không đủ chỗ ngồi. Thời mạt pháp, đạo đức xuống cấp mà được như vậy là điều đáng mừng.

Diễn cười:

- Người ta ăn chay niệm Phật là chuyện bình thường, con heo con bò nghe kinh hưởng Phật mới là chuyện lạ hiếm thấy.

Bình nhìn Diễn, nghiêm túc nói:

- Nè! Anh có thấy không? Có thấy mới nói chớ đừng đặt chuyện tiểu lâm bôi bác phỉ báng đạo Phật tội lỗi lắm nghen!

Diễn tự tin:

- Nói có sách mách có chứng đàn ông. Tui không thấy nhưng con tui coi trên mạng kể lại cho tui nghe. Nó còn nói có cả hình ảnh và video clip gì nữa đó!

Bình quay qua hỏi Út Bích như để xác minh lời Diễn:

- Anh thường xuyên xem tin tức trên mạng có thấy hai chuyện đó không?

Út Bích gật đầu nói có, Bình đề nghị anh ấy kể lại cho cả bọn nghe, Út Bích kể lại mạch lạc cụ thể:

- Chuyện thứ nhất xảy ra lại làng Thần Đầu thuộc thành phố Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang bên Trung Quốc. Ông nông dân tên Hoàng nuôi con heo nặng 150kg,

hôm đó ông ta chuẩn bị bắt nó làm thịt bán nhưng nó xổng chuồng chạy đến sân một ngôi chùa cách đó khá xa, trong chùa đang có khóa lễ tụng kinh, nó bèn quỳ hai chân trước, đầu và hai tai hướng vào trong chùa như để nghe kinh. Ông Hoàng đến bắt nó về nhưng nó không chịu đứng dậy, đánh đập thế nào nó cũng trơ trơ, thấy thế chư Tăng trong chùa ra tụng bài Bát-nhã Tâm kinh cho nó nghe nó mới chịu đứng dậy đi theo ông Hoàng về nhà và bị ông ấy mẫn thịt!

Bình chắc lưỡi, thương tiếc:

- Tội nghiệp! Nếu là tui, tui sẽ nuôi nó tới già tới chết rồi đem chôn chớ không ăn thịt. Còn con bò? Số phận nó có bi đát như con heo không?

Út Bích tiếp tục kể:

- Chuyện thứ hai xảy ra tại chùa Pháp Hải ở ấp 2, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Một thương lái mua một con bò về mẫn thịt bán, ông ta dẫn nó ngang chùa Pháp Hải, nó bỗng đứng lại không chịu đi nữa. Ông lái và nhiều người khác dùng đủ mọi biện pháp để dẫn dắt, lôi kéo nó đi, xô đẩy nó lên xe tải nhưng bốn chân nó như trồng sâu xuống đất không cách nào lay chuyển được! Thấy vậy, Tăng Ni trong chùa bèn ra tụng kinh, quỳ y Tam bảo cho nó, nó bèn quỳ xuống như nhận chịu. Sau đó Tăng Ni đề nghị với ông lái cho họ mua lại con bò và nhờ một Phật tử cạnh chùa nuôi hộ tới giờ.

Bình vừa hân hoan vừa trách móc:

- Hoan hô tay lái bò sáng suốt, ít ra cũng phải như vậy chớ có đầu u mê vô cảm như lão Hoàng nào đó? Đạo Phật cấm chúng ta sát sinh là muốn chúng ta chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển lòng từ bi, tính

công bằng. Người có lòng từ bi, tính công bằng mới quý trọng sinh mạng chúng sinh, mới thương yêu, giúp đỡ và sẽ chia khổ đau bất hạnh của chúng sinh. Phật dạy *"tất cả chúng sinh đều có Phật tính"*, do có Phật tính nên con heo mới hướng về Chánh pháp để mong giải thoát kiếp súc sinh, đáng lẽ lão ta tôn trọng sinh mạng nó, thương yêu giúp đỡ nó được toại nguyện như con bò, cố sao lại giết nó, không phải đáng trách lắm sao?

- Nghe đầu sau đó ông Hoàng hối hận lắm. Bích nói:

Đức, cựu giáo viên trung học bật cười, nói:

- Vật dưỡng nhơn mà mấy anh, tội nghiệp hối hận giống gì? Cầm sát sinh là cầm giết người chứ đâu cầm giết heo bò, anh Bình đừng mượn lời Phật dạy rồi đánh đồng con người với thú vật. Con người là con người, thú vật là thú vật, ranh giới rõ ràng chứ không lẫn lộn được. Chỉ có con người mới có khả năng thấu triệt giáo lý cao siêu của Đức Phật, mới có điều kiện tu hành theo lời dạy bảo của Ngài. Còn thú vật ăn dơ ở dáy, không biết tiếng người, không đọc được kinh kệ, không biết tu hành thì làm sao gọi là chúng sinh được? Tui cũng biết hai chuyện đó cho nên tui nghĩ con heo con bò quì trước cửa chùa là do chúng thiếu vitamin E nên bị tê chân đau móng đi không nổi rồi dừng lại một cách ngẫu nhiên chứ không phải do có Phật tính và dừng lại nghe kinh...

Bình nín thinh, tôi trả lời thay anh ấy:

- Có thể anh đã hiểu nhầm, anh Đức? Thuật ngữ chúng sinh của nhà Phật không phải chỉ riêng con người mà chỉ chung bốn loài hữu tình gồm thai sinh, noãn sinh, hóa sinh và thấp sinh. Như vậy, từ con người đến các con heo bò, gà vịt, ong bướm, trùn dế, vùn vùn, đều là chúng sinh. Bên khoa học gọi chung là động vật và xếp loại thành từng bậc từ thấp đến cao tùy theo lối sống, nếp sinh hoạt và sự biểu hiện tình cảm xúc cảm với nhau của từng loài. Loài người là động vật cao cấp nhất, khôn ngoan hơn, thông minh hơn các loài khác. Ý lại vào đó, loài người tìm đủ mọi cách khống chế các loài khác, bắt chúng phục vụ cho mình rồi bảo vật dưỡng nhơn? Nếu thật vậy thì khi ta bắt chúng mần thịt, chúng phải ngoan ngoãn vâng lời chứ đâu có chạy trốn, giãy giụa thoát thân và kêu la inh ỏi?

Tôi ngừng lại uống ngụm nước, Út Bích xin phép tôi cho anh ấy có ý kiến với Đức:

- Hồi nãy anh nói con heo con bò quì trước cửa chùa là sự trùng hợp ngẫu nhiên do chúng bị tê chân đau móng đi không nổi chứ không phải do chúng có Phật tính rồi dừng lại nghe kinh? Tui xin trao đổi với anh điều này. Nói đến ngẫu nhiên không thể không nói đến tất nhiên vì chúng là một cặp phạm trù triết học. Giải thích dài dòng nên tui rút gọn ý chính cho nhanh. Tất nhiên là cái xuất hiện bên trong sự vật, nhất định xảy ra; ngẫu nhiên là cái xuất hiện bên ngoài sự vật, khi xảy ra khi không. Cả hai đều không tồn tại độc lập mà liên hệ hữu cơ với nhau tạo thành một thể thống

nhất, cho nên trong bất cứ một hiện tượng, một quá trình nào cũng đều có sự thống nhất giữa tất nhiên và ngẫu nhiên. Do đó, nói theo anh thì tê chân đau móng xuất hiện bên trong là tất nhiên, đi không nổi xuất hiện bên ngoài là ngẫu nhiên. Còn nói theo anh Bình thì Phật tính xuất hiện bên trong là tất nhiên, hành động hướng Phật nghe kinh xuất hiện bên ngoài là ngẫu nhiên, đúng không?

Đức gật đầu, Út Bích nhìn lướt qua chúng tôi rồi tiếp:

- Chắc các anh đều thấy bất cứ con vật nào khi bị đánh đập đều bỏ chạy hết, nếu bị trói buộc hay bị tê chân đau móng chúng cũng giãy giụa bứt phá và bỏ lết thoát thân. Con heo con bò này lại khác, chúng không bứt phá, bỏ lết thoát thân mà cứ quì tại chỗ chịu trận và chỉ đứng lên đi lại bình thường sau khi được các Tăng Ni tụng kinh cho nghe! Chi tiết này rất thú vị, đáng đồng tiền bát gạo vì nó cho thấy chúng không hề bị tê chân đau móng và không phải đi không nổi. Như vậy, trong một hiện tượng mà không có tất nhiên ngẫu nhiên thì anh lấy gì làm cơ sở để kết luận đó là hiện tượng ngẫu nhiên? Ngược lại, không bị tê chân đau móng, không phải đi không nổi thì động lực nào thúc đẩy chúng quì trước sân chùa? Câu trả lời chắc chắn là do Phật tính nên chúng mới quì xuống hướng Phật nghe kinh. Điều này cũng phù hợp với cặp phạm trù vì có sự thống nhất giữa cái xuất hiện bên trong với cái xuất hiện bên ngoài, cho nên tui khẳng định đó là hiện tượng tất nhiên, nhất định xảy ra. Tui cũng xin nói thêm trường hợp này, khi bị đánh đập, nếu con heo con bò bứt phá, bỏ lết thoát thân thì chẳng những tui mà tất cả chúng ta đều cho đó là sự trùng hợp ngẫu nhiên, các anh thấy đúng không?

Tôi và các bạn đều đồng tình, trao đổi thêm một lúc nữa mới chia tay.

Ở đời không có việc gì không thể xảy ra. Và, một khi cái việc tưởng chừng không thể đó xảy ra khiến người ta bàng hoàng, bán tín bán nghi dù được chứng kiến tận mắt. Thật ra, hơn hai ngàn năm trăm năm trước Phật Thích Ca đã phát hiện chuyện này và chỉ cho chúng sinh biết, do tâm vọng động, nghiệp chướng phiền não chưa dứt nên chúng sinh cứ mãi trôi lăn trong lục đạo, luân hồi. Kinh *Hoa Nghiêm* đã viết rõ ràng *"... tham dục chẳng ngừng, luôn luôn si tưởng là pháp giới của súc sinh"* và *"... tham dục đã dứt, si tưởng chẳng sanh thì tâm súc sinh được liễu"*. Tuy nhiên, do vô minh che khuất, căn cơ thấp kém thành thử chúng sinh vẫn còn bán tín bán nghi trước những hiện tượng như con heo con bò kể trên.

Thời gian qua, khoa học hiện đại đã khám phá nhiều điểm tương đồng giữa giáo lý Phật giáo và khoa học. Hy vọng trong tương lai không xa, khoa học sẽ có thêm những phát hiện mới cho sự thật hiển bày, xua tan nghi hoặc, đem lại niềm tin cho chúng sinh tinh tấn tu hành, phá bỏ vô minh, chứng đắc đạo quả. ■

Xin chào

TRƯỜNG KHÁNH

Xin chào bình minh - trung trĩnh - ngày mới,
Hoàn vũ đón đợi - tinh tú hoan ca,
Nắng vui - giọt giọt chan hòa,
Thức giấc - ta lại tìm ta - một mình!!

Ánh sáng lung linh - hồi sinh sự sống.
Đời là huyền mộng - sương mỏng dễ tan,
Nghe trong gót lữ cơ hàn,
Còn ai đứng đó, mơ màng nét rêu!?

Ta có ít nhiều niềm đau thân phận,
Mãi lang thang lặn dạn kiếp phong trần,
Dặm dài ẩn dấu phù vân,
Cũng đành quay mặt một lần rồi thôi.

Quên đi dấu mắt môi thuở trước
Đời hư linh xuôi ngược mắt còn,
Lặng tìm dấu ấn sắt son,
Xin chôn hư ảnh cuối cồn diệt sinh.

Ta chẳng thốt một mình trong nhà lửa,
Tìm lối ra, nhưng cửa đóng mất rồi,
Phù du tứ đại nổi trôi,
Có không giằng siết một đời tàn phai.

Xin chào tháng năm dài huyền hóa,
Nghiêng ưu tư thoát đã sang mùa,
Tồn sinh biến dịch hơn thua,
Khói sương cô độ cũng vừa đổi thay!

Xin lau hết bụi dày trên phần mộ,
Nghe thời gian rì rào nét hình hài,
Cam đành làm giọt sương mai,
Tan vào vô định - dặm dài - nghiệp duyên

Ô hay đời quá đảo điên!!
Cũng xin chào hết trăm miền khổ đau!!!

Dòng sông tháng Bảy

NGUYỄN HỮU MINH QUÂN

Ta trở lại tìm em bên bờ Thạch Hãn
Tháp chuông vọng bãi những linh hồn
Đò ơi chờ bao nhiêu cay đắng
Mẹ gánh chiều trĩu nặng hoàng hôn

Ta trở lại tìm đêm Tường Vân, Cửa Việt
Lim dim mắt phố em ngồi...
Ta trở lại tìm em sông xưa đã cạn
Cánh cò chờ nặng khúc ca dao
Thạch Hãn ơi! Dòng sông tháng Bảy
Nặng lòng mấy khúc nông sâu
Nặng lòng câu hò rớt lại
Em ngồi khâu nỗi buồn...

Nặng lòng ai đôi bờ sóng vỗ
Ta một mình trò chuyện với tháp chuông
Đò trôi trên sông bỗng lòng muốn gọi
Sông ơi hương khói nói thay người.

Hoài khúc mưa

NGUYỄN TIÊU

Mưa nghiêng
Phố vắng ngậm ngùi
Đã xa tri kỷ
Lại rời tri âm
Mưa hay nước mắt thâm trầm
Ngày sau còn lại
Giọt cầm ru ta!

Mưa nghiêng
Phố vắng nhạt nhòa
Từng câu chữ
Rụng la đà trong tim
Xếp từng vắn điệu nổi chìm
Tròn câu thơ
Trọn niềm tin hành trình!

Mùa hoa cải ven sông

TỊNH BÌNH

Tháng Giêng dùng dằng nắng
Hoa cải nhuộm triền sông
Đò nằm im bến vắng
Khói lam quê lững lờ
Bước chân ai chiều muộn
Hoàng hôn đang xuống dần
Chim nghiêng đôi cánh nhỏ
Khuất bên trời bằng khuâng
Bao năm xa biệt
Mẹ già hoen mắt trông
Xuân nay con về kịp
Yêu thương ôm vào lòng
Rạo rực màu hoa cải
Đong đưa trong chiều vàng
Xuân lòng ta đang rộn
Chuyến đò chờ mùa sang...

Thi hồng

NGUYỄN TỪ

Hè này buồn lắm bạn lòng ơi!
Thẹn tiếng ve kêu, đáng điệp cười
Thi trượt thẹn thâm: mùa đã lỡ
Hè này thôi hết, biếng đùa vui!

Năm dài kinh sử chờ khoa mở
Hăm hở ghi tên ước vọng tràn
Cay lắm! Mùa này thôi đã lỡ
Mơ nhiều... Mong đẹp đã đành tan!

Xếp sách tôi về theo lối cũ
Mẹ chờ ngưỡng cửa, miệng cười tươi:
- Con tôi về đến, hè vui lắm...
- Mẹ, mẹ ơi! Con đã trượt rồi!

Mẹ tôi an ủi, cười tươi tắn
Làm nhẹ lòng tôi những nỗi buồn
- Khoa này có hồng, chờ khoa tới
Chắc chắn rồi con may mắn hơn

Nghỉ hè bên mẹ, tôi vui thích
Gác chuyện chua cay, lại giỡn đùa
Nghe tiếng ve kêu, nhìn phượng nở
Ao sen xanh mát trở đầy hoa

Dù lỡ mùa thi, họ cũng cười
Bạn ơi! Quên nhé chuyện qua rồi
Hãy hy vọng mãi, và hy vọng
Mùa tới rồi đây sẽ được vui.

Yêu anh

yêu cả người làng quê anh

LÝ THỊ MINH CHÂU

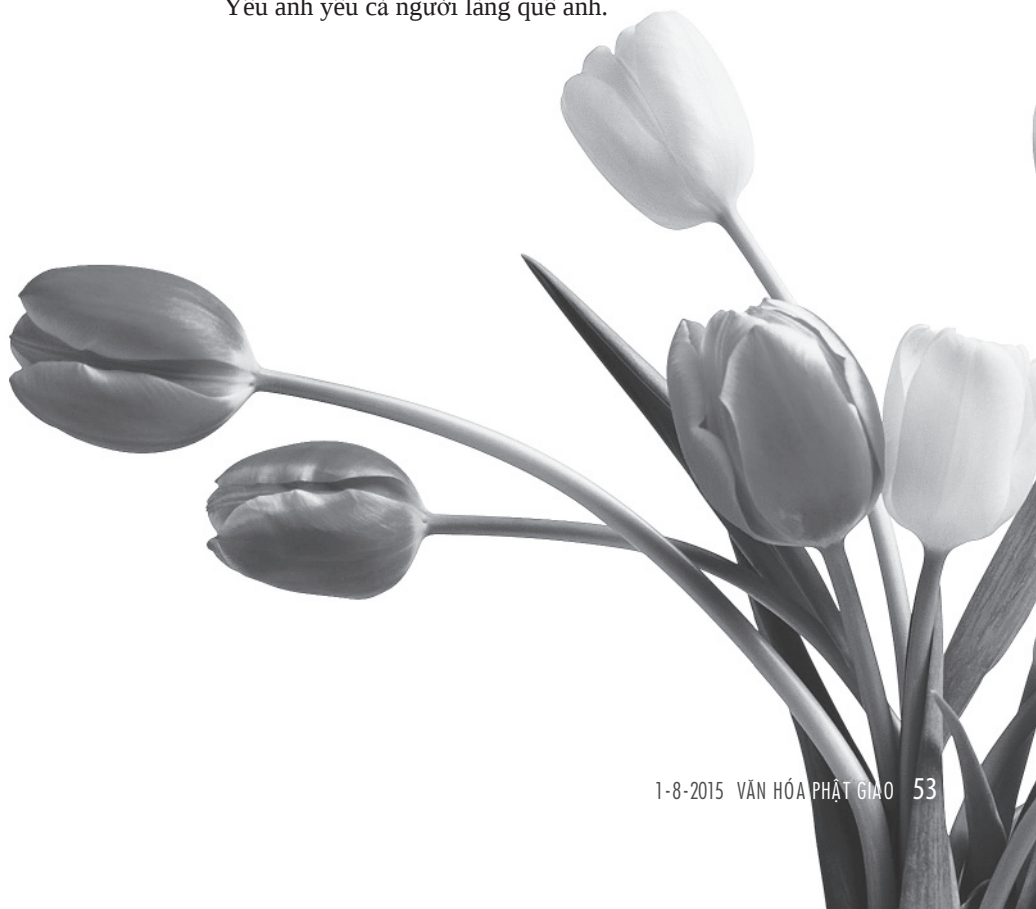
Thương anh theo anh về quê
Em như lạc giữa bộn bề lo toan
Tiêu xanh
Đậu đỏ
Ngô vàng
Nắng mưa tất bật giần sàng phong phơi

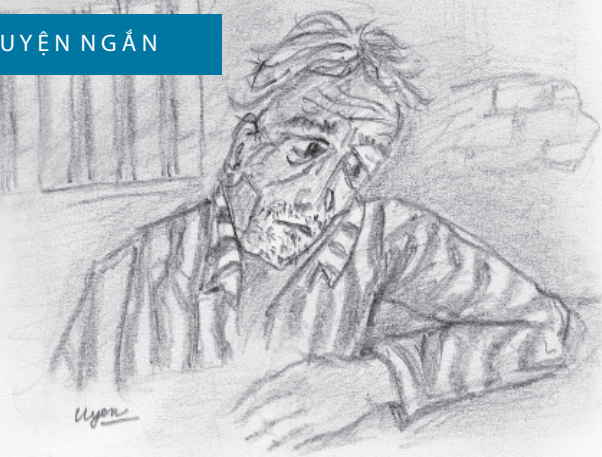
Đất nào có lúc nghỉ ngơi
Hết rau tới sắn
Hết khoai tới cà
Hết đồng gần tới đồng xa
Mẹ gặt cuốn chiếu liên cha cày bừa

Trông trời đoán nắng đoán mưa
Nhanh tay gieo sạ sớm trưa quản gì
Năm vài lần bão đến đi
Ruột gan héo hắt sầu bi phận nghèo

Vô vẩn cơ cực gieo neo
Cành cụt con kiến biết trèo đi đâu
Chưa mơ tới chuyện sang giàu
Cơm no áo ấm dãi dầu vẫn vui

Ra đường chạm nụ cười tươi
Không thân vẫn nhận được lời hỏi han
Giàu nghèo chung nét hân hoan
Yêu anh yêu cả người làng quê anh.





Người đào thoát

PHAN ANH THƯ

Tiếng keng báo động vang lên dồn dập làm hàng trăm phạm nhân trại giam bừng tỉnh. Con mưa đêm thật lớn và kéo dài do cơn bão số 7 ập về. Gió rít âm ỉ qua mái tôn các phòng giam. Sấm chớp cứ liên tục tạo nên những vệt sáng xanh lè kéo theo những tiếng nổ đùng đùng chói tai. Tiếng cảnh khuyển sủa liên hồi và đang săn tìm những người trốn trại. Tiếng chân những người quản giáo chạy thình thịch kèm theo những chiếc đèn pin quét liên tục vào các điểm khả nghi. Trên các trụ canh cao ngẫu nhiên, ánh đèn pha cũng quét qua quét lại tạo những mảng sáng chói lọi như ban ngày.

- Báo cáo thủ trưởng, đã có 3 phạm nhân trốn trại. Tôi thật có lỗi, xin cứ kỷ luật tôi. Tiếng trung úy Quang, trưởng phân trại số 1 nói thật buồn.

- Các đồng chí quá mất cảnh giác. Chuyện kỷ luật tính sau. Trước mắt phải liên hệ với các cơ quan công an địa phương gần nhất để bắt lại bọn chúng, nhất định chúng chưa chạy thoát xa đâu. Tiếng đại tá Khải, trưởng trại giam chắc nịch.

Quang nhìn thật lâu vào đôi mắt của người chỉ huy. Ông xấp xỉ tuổi ba mươi và đã có hơn bốn mươi năm đứng trong ngành công an, trong đó có gần 30 năm làm công tác quản lý trại giam. Từ trại giam Cái Tàu, Châu Bình, Cái Sắn... ông chuyển về đây đã tám năm. Tám năm cũng là quãng thời gian Quang về nhận công tác tại đây. Từ đó đến nay Quang chưa thấy ông giận dữ lần nào, thay vào đó là thái độ ôn tồn, điềm tĩnh, trầm ngâm rất lạ thường. Thoắt một cái là đã thấy ông lội xuống các phòng giam xem phạm nhân ăn uống ra sao, có ai bệnh hoạn đau ốm gì không, chăn màn chiếu gối có đầy đủ không. Ai có đề nghị gì cứ nói thoải mái để ông lắng nghe. Đặc biệt ông rất kiên quyết ngăn chặn nạn "đầu gấu", "đại bàng" trong trại giam. Tám năm qua, người vào trại, người ra trại cứ thay đổi như một qui luật của xã hội nhưng những phạm nhân ở đây đều gọi ông là "tía" và luôn tôn trọng ông, kiêng nể ông bởi nếp sống giản dị, bao dung, gần gũi.

- Đứa nào trốn trại vậy Quang? Tiếng đại tá Khải ôn tồn.

- Dạ... dạ... thằng Hưng, thằng Tâm với thằng Long.

- Có thằng Long nữa hả? Sao lạ vậy? Nó sắp được tha tù vì chấp hành tốt nội qui, cái thằng kỹ sư cơ khí hiền như con gái sao lại làm vậy. Ông Khải trầm ngâm.

- Dạ. Con cũng không biết. Mấy ngày trước thấy nó

buồn buồn, con hỏi riết mà nó cứ im ru bà rù. Thằng đó sống nội tâm lắm, buồn, vui gì nó cứ im thin thít, cạy miệng nó, nó cũng không thêm trả lời trả vốn gì hết. Được cái lao động giỏi lắm, lại khéo tay, máy móc ở trại này một tay nó "xử đẹp" khỏi cần kêu thợ thầy gì hết ráo. Vậy mà. Quang thở dài thườn thượt.

Ba bóng đen lặng lẽ chạy dọc theo phía con đê ven sông. Chốc chốc họ quay lại xem có ai đuổi theo mình chẳng. Ánh đèn pha đã xa dần, tiếng cảnh khuyển cũng nhỏ dần. Cả bọn ngồi nghỉ chân dưới mấy bụi ô rô trong sự lo lắng tột cùng.

- Trốn trại rồi mới thấy hối hận. Lỡ bị bắt lại thì án lại chồng án, biết chừng nào mới ra tù. Tiếng Long nói khê và thật buồn.

- Mấy có nằm chiêm bao hôn? Một ngày trong tù bằng mười năm ngoài đời, biết chưa con? Bộ mấy tưởng trốn được như bây giờ là chuyện dễ hả? Có ngày chó công an cắn mấy te tua, tơi tả, má mấy nhìn mấy ra mới lạ. Tiếng Hưng xằng lè.

Sợ thì nói vậy thôi chứ Long biết nói gì đi nữa thì mình cũng đã phạm tội lần thứ hai. Lần đầu tiên anh bị bắt vì hối lộ khi được phân công giám sát một công trình. Lần đó do không kiểm chế được trước cảnh nhà mẹ ruột trống trước hụt sau lại lâm bệnh hiểm nghèo, gia đình Long cũng khó khăn không kém, đồng lương kỹ sư ba cọc ba đồng ngót nghét bốn triệu đồng mỗi tháng không đủ nuôi đứa con bị bệnh tim bẩm sinh khiến vợ anh phải nghỉ dạy tại một trường tiểu học để chăm sóc con. Vậy là Long làm liều. Chuyện vỡ lở, anh bị tuyên án sáu năm tù giam. Bốn năm đã trôi qua, anh được giảm án trước thời gian và chờ đợi giờ phút sum họp gia đình. Giờ phút mà anh đã trả giá tuổi thanh xuân của mình bằng ngần ấy thời gian trong trại giam này. Bất chợt Long nghĩ đến Quang, người trung úy quản giáo trạc tuổi như mình luôn là người bạn chia sẻ buồn vui sau mỗi ngày lao động, Long chợt nhớ đến ông "tía" đại tá công an lúc nào cũng xem anh như con trong nhà với bao lời động viên thân ái:

- Cố gắng lên con. Bây còn trẻ lắm. Đời còn dài. Xã hội không từ bỏ người biết hoàn lương thực sự như bây. Có về nhà không kiếm được việc làm thì cứ "a lô" cho tao, để tao giúp cho.

Vậy mà... tuần trước nghe tin con trở bệnh nặng, Long đã không dám nói thật với "tía" Khải mà chỉ biết than thở

với đám bạn tù cùng phòng. Như “lần thấy pháo”, thằng Tâm, thằng Hưng nửa đêm to nhỏ với Long:

- Tui tao tính trốn trại, mấy năm nữa tui tao mới hết hạn tù nên đã đào hầm thông ra ngoài mấy tháng nay, chờ mấy ngày nữa trời mưa lớn sẽ trốn, thấy mấy tâm sự vậy nên rủ mấy trốn theo, mấy thấy sao?

- Thôi tui sợ lắm, lỡ bị bắt lại thì khổ, với lại tui chỉ còn một năm thì đã ra tù rồi.

- Thì tùy mấy. Tui tao đâu có ép. Muốn trốn thì theo. Không thì thôi nhưng chớ lén phéng khai báo thì tui tao “mắn thật” mấy trong phòng giam này đó.

Ài chớ hai thằng này đầu trộm đuôi cướp chuyện gì mà nó không dám. Long im lặng lắc đầu. Vậy mà đêm nay, hình ảnh đứa con còi cọc của anh cứ lẩn quẩn trong tâm trí anh. Long trở mình liên tục trong sự bồn chồn, ray rứt. Long ngồi dậy bò đến chỗ thằng Hưng nằm nói nhỏ. Vậy là cuộc đào thoát của ba người diễn ra trong đêm mưa giông, trong đó có Long.

Chia tay nhau ở ngã ba đường, Long tìm vào một ngôi nhà nhỏ bên đường để hỏi thăm đường và xin một bộ quần áo cũ để thay trước khi trời sáng. Trong đó chỉ có một người phụ nữ nằm ngủ bên đứa bé trạc tuổi con mình, Long nhớ con bầm gan tím ruột. Len lén lấy cặp bộ quần áo đàn ông vắt vẹo phía trên cánh cửa buồng, anh lặng lẽ bỏ đi tìm về quê cũ.

Suốt một ngày đi bộ men theo những cánh đồng vắng, Long cũng về đến nhà trong bộ dạng như người ăn xin. Cái đói cồn cào khiến anh hoa mắt nhưng anh lại gượng đứng lên bằng sức lực cuối cùng của mình. Xa xa, anh đã thấy Thủy – vợ anh – ngồi đưa con trong màn đêm đang dần xuống. Nhớ vợ con trào dâng làm anh như đang bị ai chẹn ngang cổ mình. Long định tiến đến nhưng lại thôi. Liệu có liều lắm chẳng. Công an đang chờ anh đâu đây với chiếc còng lạnh ngắt.

Tiếng gà gáy khuya đang vang lên báo hiệu nửa đêm. Long bò đến bên cửa sổ nhà mình với tâm trạng và thân thể rã rời. Thủy vẫn còn thức ru con. Long ứa nước mắt vì ân hận đã bỏ mẹ con Thủy cô đơn trống vắng suốt bốn năm qua.

- Thủy ơi! Mở cửa cho anh vô. Long nói thật nhỏ, thật hổn hển.

Nghe tiếng chồng, Thủy nhẹ nhàng mở cửa vì linh tính Long đang là người trốn trại.

- Sao anh lại về đây? Có chuyện gì rồi phải hôn?

- Đúng, anh trốn trại về đây, nghe tin thằng nhỏ bệnh nhiều, anh chịu hồng nổi, thôi tới đâu tính tới đó vậy.

- Sao anh làm vậy? Mấy chú, mấy anh ở trại giam coi anh như người nhà, thương anh quá trời, quá đất, vậy mà anh... Thủy bật khóc thầm.

Long đến bên chiếc võng nhìn con, thằng nhỏ xanh xao nhiều quá lại thiếu vắng tình cảm của người cha tội lỗi. Bên ngoài trời lại mưa giông. Sấm chớp và tiếng nổ cứ đi đùng kèm theo những tia chớp xanh dờn trong đêm đen mờ mịt.

Phía sau cánh đồng, những bóng đen cứ áp dẫn đến ngôi nhà nhỏ cuối chân đê. Trong nhà tiếng của Long nho nhỏ:

- Mai là ngày thôi nôi của con phải hôn?

- Dạ. Nhưng mình đâu có tiền mà làm đám anh ơi. Thủy bật khóc.

- Thôi để mai tính. Anh ngủ một tí để bình tĩnh tính toán mọi chuyện.

Nói chưa dứt câu, Long đã quỳ quả ra phía căn chòi giữ vịt chạy đồng rồi ngủ say trên chiếc giường tre ọp ẹp sau khi quan sát không thấy động tĩnh gì nguy hiểm.

Trong đêm đen, những đôi mắt căng thẳng nhìn nhau. Họ - những người công an trại giam đang bủa vây truy bắt tội phạm vượt trại. Và cũng chính họ đã nhìn thấy cảnh đoàn tụ đau xót của đôi vợ chồng trẻ, đã nghe chuyện không tiền làm đám thôi nôi cho đứa trẻ đáng thương, bệnh tật kia.

- Báo cáo chú. Mình bắt nó được chưa? Tiếng trung úy Quang nói nhỏ.

- Không. Bọn mình đều mới nghe chuyện của Long. Bắt nó thì thật dễ dàng nhưng để họ nhận thức được cái sai để tự nguyện quay về nẻo sáng mới là điều chúng ta cần đến. Mọi người cứ “ém” ở đây. Tôi vào nhà gặp vợ thằng Long trước rồi mọi chuyện tính sau. Tiếng đại tá Khải đáp lại.

Nghe tiếng người lạ gọi tên, Thủy giật mình lo sợ điều không may sẽ xảy đến với chồng mình chẳng. Cô nép mình trong buồng thật lâu rồi mới hỏi:

- Ông là ai? Kêu tui có chuyện gì? Tui là đàn bà, nửa đêm ông lại tới đây, tui... tui... la làng bây giờ.

- Chú là chú Khải, trưởng trại giam đây con. Mở cửa cho chú vào rồi chú cháu mình nói chuyện thằng Long. Bây giờ anh em phục kích bên ngoài nghe hết chuyện bây với vụ thôi nôi đứa nhỏ rồi.

Nghe đến “tía” Khải, Thủy lật đật chạy đến mở cửa rồi òa khóc.

- Thôi, chuyện đâu còn có đó. Thằng Long làm bậy quá. Nhưng chắc nó nóng ruột nên liều mạng vậy mà, chớ “ở trống” nó hiền như cục đất lại giỏi giang, ai mà không biết. Nè, tao với anh em trong trại gởi tui bấy mấy trăm ngàn mai mua đồ về làm đám thôi nôi cho thằng nhỏ, còn chuyện bệnh tình của nó để tao lo cho. Sáng nó “bò” vô nói chú với anh em gởi lời thăm. Bây khuya nó xong đám trở vô trại để sớm có ngày về với vợ con nghe hôn. Thôi chú về đây.

Nhìn những bóng đen đang âm thầm đi xa trong cơn mưa mỗi lúc thêm nặng hạt, nhìn dáng người đại tá già gầy guộc băng mình trong gió lạnh, nhìn những tờ giấy bạc nghĩa tình mang đầy hơi ấm tình người, Thủy khóc thật nhiều.

Ngày mai đây, Thủy sẽ cùng chồng quay lại trại giam để tiếp tục thi hành án trong niềm hạnh phúc thật lớn lao. Long sẽ không là kẻ đào thoát nữa để sống chui lủi như con thiêu thân không lối thoát bởi xung quanh anh có những người công an thật nhân hậu, chơn chất, nghĩa tình. ■



Tục trồng thông và đeo thẻ bài ở Đàn Nam Giao Huế

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Gần đây, một số địa phương đã thực hiện việc chặt hạ cây xanh cũ trên một số tuyến phố để thay trồng cây mới. Sự việc sẽ bình thường và sẽ không có phản ứng gì của người dân nếu các cơ quan có trách nhiệm tiến hành theo đúng quy trình một cách khoa học; bên cạnh đó nếu có thêm sự tham khảo ý kiến của nhân dân địa phương thì có lẽ mọi sự đều tốt đẹp, bởi cây xanh, nhất là cây lâu năm ngoài ý nghĩa môi sinh, nó còn là hình ảnh gắn gũi, gắn kết với đời sống của người dân tại đó.

Nhìn lại lịch sử ta thấy các triều đình phong kiến xưa, họ rất chú trọng việc trồng cây và coi đó như là một chính sách lớn của nhà nước. Xin được dẫn chứng về việc trồng thông tại Đàn Nam Giao ở cố đô Huế, kinh đô của nhà Nguyễn.

Theo một số tài liệu được lưu giữ thì rừng thông ở Đàn Nam Giao Huế được trồng theo ý chỉ của vua Minh Mạng (1820-1840), và tiếp tục được duy trì ở các đời vua kế tiếp như một mỹ tục đầy ý nghĩa. Dưới thời nhà vua này, mỗi lần lễ Tế Giao đích thân nhà vua đã trồng đủ 10 cây thông và tự tay mình buộc các thẻ bài bằng đồng vào cây để “ghi nhớ chức vị của người trồng”. Sau đó, các hoàng tử theo hầu đạo ngự, các quan ở kinh đô từ tử phẩm trở lên, và quan của các tỉnh về tham

dự tế lễ đều được ưu tiên cho trồng thông và gắn thẻ bài có đề tên, ngày tháng trồng cây. Nhà thơ Tuy Lý Vương (Miên Trinh) lúc 15 tuổi theo hầu vua cha Minh Mạng cũng được trồng một cây và 20 năm sau, thấy cây thông mình trồng vẫn giữ được thần khí đã xúc động cảm tác bài thơ *Kiến Trai Cung*:

*Thủ thực từng cảm phú
Tuế duy Giáp ngọ nguyệt duy Mão
Trú tất Nam Giao từng vũ bão
Sắc tứ hoàng tử các thủ thực
Thanh từng thành liệt giáp liễu đạo
Hồi thủ kỳ kim nhị thập niên...*

Nghĩa:

Cảm ghi khi thấy cây thông tự tay mình trồng tại Trai Cung. Tháng 2 năm Giáp Ngọ (1834 - Minh Mạng thứ 15) được theo ngự đạo hầu đến Nam Giao. Hoàng đế sắc ban cho các hoàng tử đều tự tay trồng thẳng hàng cây thông xanh tại đường vua ngự. Nay nhớ lại đã được hai mươi năm qua.

Trong bài thơ này, Tuy Lý Vương cũng cho thấy ông xem cây thông như một người thân, một người bạn quý chẳng muốn rời xa và ước ao sau này mất đi, mình sẽ hóa thành con chim hạc bay về bầu bạn cùng cây:

...

Tỷ y ma sa bất cảm từ
Ân cần khán thủ tạ túc vệ
Đãi ngã tha niên hóa hạc quy.

Nghĩa:

Tựa người ve vuốt chẳng muốn rời
Dẫn dò người chăm sóc (cây) cẩn thận
Đợi ta năm khác sẽ hóa chim hạc bay về.

Thời vua Thiệu Trị (1840-1847), nhà vua cũng đích thân trồng được 11 cây. Các hoàng thân, quan Phủ doãn Thừa Thiên, các quan văn trong triều, quan võ hàm nhị phẩm trở lên mỗi vị được trồng 1 cây.

Thời Tự Đức (1847-1883) các đối tượng được mở rộng; quan văn hàm tứ phẩm, quan võ hàm tam phẩm mỗi người được trồng 1 cây. Các mệnh quan triều đình được thăng chức sau khi đến bái mạng nhậm chức đều phải lên Nam Giao tự tay trồng cây thông và đeo thẻ bài vào gốc thông trước sự chứng kiến của Bộ Lễ, Bộ Công. Sau đó phải chăm sóc, trồng lại nếu cây bị chết. Việc được trồng thông trong khuôn viên Đàn Nam Giao được xem như một vinh dự lớn và thiêng liêng, nên chắc chắn là không ai muốn cây của mình bị héo úa, èo uột cả. Rừng thông Nam Giao vì thế có thể được xem như một biểu tượng tập thể quân thần của vương triều Nguyễn.

Liên quan đến việc đeo thẻ bài cho cây, tác giả Nguyễn Thị Hồng Dung trong bài viết đăng trên *Văn Hóa Huế* (số 9-2009) cho biết: từ năm Minh Mạng thứ 5 (1834), tất cả những cây thông do nhà vua, hoàng thân và các công thần trồng đều được đeo thẻ bài làm bằng đồng. Những cây do vua trồng đeo thẻ bài dài 4 tấc, ngang 2 tấc 5 phân, dày 2 phân và vòng đồng đều mỗi cái một chiếc. Một mặt khắc bài minh ngự chế, một mặt khắc niên hiệu can chi. Những cây thông do hoàng tử, các công thần và hoàng thân trồng dài 4 tấc, ngang 2 tấc 5 phân, dày 2 phân, một mặt khắc chức tước, một mặt khắc niên hiệu can chi, cùng vòng đồng đều mỗi một chiếc.

Qua năm Minh Mạng thứ 16 (1835), chế thẻ bài đồng cho những cây thông do quan chức văn võ trồng, đều dài 3 tấc 6 phân, rộng 1 tấc 9 phân, dày 2 phân, một mặt khắc quân hàm, họ tên, một mặt khắc niên hiệu can chi, và mỗi thẻ một chiếc vòng đồng.

Dưới thời Thiệu Trị (1840-1847), năm 1841 nhà vua ban sắc rằng:

“Chuyến này hoàng tử, hoàng đệ trồng thông, về khoản làm thẻ đồng, hoàng tử, hoàng đệ đã phong tước rồi thì bất tất phải để những chữ hoàng tử, hoàng đệ lồng vào với tước, còn những người chưa phong, thì để là hoàng tử thứ mấy, hoàng đệ thứ mấy. Lại, việc làm thẻ đồng treo là để làm dấu mà thôi, vậy, nay cho phép làm chiều dài, chiều rộng hơi nhỏ đi và chiều dày cũng hơi mỏng. Còn cái vòng thì cứ theo mẫu cũ”.

(KĐĐN..., sđd, tr.92)

Như vậy là dưới đời Minh Mạng, những chiếc thẻ bài có kích cỡ khác nhau để dành riêng cho từng hạng người tùy theo chức tước lớn nhỏ. Theo thời gian, sự phân biệt ấy ngày càng giảm dần. Từ đời Thiệu Trị trở về sau, những chiếc thẻ bài đồng không còn dùng để phân biệt chức tước mà chỉ dùng với ý nghĩa phân biệt cây của ai trồng nên tất cả đều được làm cùng một kích cỡ. Giá trị của những thẻ bài đồng vẫn không có gì thay đổi, vẫn là niềm vinh hạnh cho người được trồng cây, là minh chứng cho trách nhiệm của người trồng cây đồng thời cũng là cái đảm bảo cho sự sống còn và trưởng thành của chính thân cây được trồng.

Tuy không được ghi trong sử sách, song bên cạnh thẻ bài bằng đồng, tại Đàn Nam Giao còn có một số những thẻ bài bằng đá. Những chiếc thẻ bài đá này có thể ra đời trước khi vua Minh Mạng đặt ra quy định về thẻ bài đồng hoặc muộn hơn, sau đời Tự Đức, khi số người được tham gia trồng cây ngày càng đông, thẻ bài đồng đúc không đủ để sử dụng.

Cũng theo tác giả Nguyễn Thị Hồng Dung, hiện Bảo tàng Cổ vật cung đình Huế còn lưu giữ được 2 chiếc thẻ bài bằng đồng treo dưới gốc thông tại Đàn Nam Giao được chế tạo đời vua Thiệu Trị và Tự Đức. Cả hai thẻ bài đồng đều có hình dáng, kích thước tương tự nhau, có quai tròn bằng đồng để treo vào gốc cây. Hai mặt của thẻ bài đồng đều khắc các chữ Hán ghi rõ niên hiệu, năm đức và một bài minh mang nhiều ẩn ý ca ngợi sự tươi tốt của cây cối, của triều đại, của chính vị vua trồng cây.

- Thẻ bài mang ký hiệu Đg 463: được chế tạo vào đời vua Thiệu Trị. Thẻ bài hình chữ nhật có kích thước dài: 17,5cm; rộng: 10,2cm; dày: 0,8cm; nặng: 140gr. Hai mặt của thẻ bài không có hoa văn trang trí mà khắc các dòng chữ Hán chạy theo chiều dọc, đọc từ trái sang phải.





Mặt trước thẻ bài khắc chìm 3 dòng chữ Hán:

御 銘
繁 枝 綠 蔭 勁 節 延 齡
天 長 地 久 本 固 邦 寧

Ngự minh

Phồn chi lục ẩm kinh tiết diên linh

Thiên trường địa cửu bản cố bang ninh

Dịch nghĩa:

Vua khắc

Rậm cành xanh lá, sức khỏe kéo dài

Trời đất lâu dài, đất nước hưng thịnh.

Mặt sau thẻ bài khắc 2 dòng chữ Hán:

紹 治 元 年 辛 丑
恭 鐫

Thiệu Trị nguyên niên Tân Sửu

Cung thuyền.

Dịch nghĩa:

Cung kính khắc vào năm Tân Sửu, Thiệu Trị thứ nhất (1841).

- Thẻ bài đồng mang ký hiệu Đg 462: được chế tạo đời vua *Tự Đức*, có hình dáng, kích thước hoàn toàn giống thẻ bài đồng đời *Thiệu Trị* song trọng lượng nhẹ hơn, chỉ nặng: 130g. Cách trang trí trên thẻ bài này giống thẻ bài đời *Thiệu Trị*, cả hai mặt đều có khắc các chữ Hán chạy dọc rất rõ ràng, dễ đọc.

Mặt trước thẻ bài khắc 3 dòng chữ Hán:

御 銘
枝 葉 茂 盛 千 尋 萬 尋
本 支 百 世 有 慰 我 心

Ngự minh

Chi diệp mậu thịnh thiên tầm vạn tầm

Bổn chi bách thế hữu ủi ngã tâm



Dịch nghĩa:

Vua khắc

Cành lá xanh tốt, ngàn năm vạn lần ôn lại

Gốc rễ vững bền trăm năm an ủi lòng ta

Mặt sau thẻ bài khắc 2 dòng chữ Hán:

嗣 德 元 年 戊 申

恭 鐫

Tự Đức nguyên niên Mậu thân

Cung thuyền

Dịch nghĩa:

Cung kính khắc năm Mậu thân, Tự Đức năm thứ nhất (1848).

(Tác giả *Nguyễn Thị Hồng Dung*, Văn Hóa Huế, sđd, tr.16)

Thẻ bài bằng đồng là một phương tiện hữu ích giúp triều đình quản lý rừng cây và những người trồng cây. Cây thông được trồng ở Đền Nam Giao có rất có ý nghĩa vì đây là nơi chốn thiêng liêng, theo quan niệm xưa là chỗ trời đất giao hòa. Vì thế người trồng cây rất có vinh dự, do đó phải có trách nhiệm chăm sóc cây.

Những chiếc thẻ bài treo dưới gốc thông ra đời và gắn liền với từng cây thông đã góp phần không nhỏ giúp cho rừng thông Nam Giao phát triển xanh tốt, không một cây nào bị chết hay không được chăm sóc chu đáo, và nhờ thế, cảnh quan của rừng thông Nam Giao mãi mãi là một di tích mang đậm tính chất văn hóa của vùng đất cổ đô. ■

Tài liệu tham khảo:

- Nội các triều Nguyễn, *KĐDNHDSL*, tập 15, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1992.

- Cadriere.L, *"Rừng thông Nam Giao, tư liệu lịch sử"*, Những người bạn cố đô Huế, 1914, Đặng Như Tùng dịch, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1997, tr.104.

- Nguyễn Thị Hồng Dung: "Thẻ bài treo dưới gốc thông...", *Văn Hóa Huế* số 9 -2009.

- Thơ văn *Tuy Lý Vương Miên Trinh*, Nxb Văn Học, 1992.



Hỏi: Xin cho biết về Thập bát La-hán, nguồn gốc, danh xưng và ý nghĩa việc tôn thờ các Tôn giả này.

L.T. Định, đường Nguyễn Đình Chính, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Đáp: Cho đến nay, trong tất cả các kinh Phật hiện có không có kinh nào nói Thập bát La-hán (18 vị A-la-hán) cả. Năm 654 TL, trong sách *Pháp trụ ký* (Nandimitravadana) được ngài Huyền Trang dịch ra Hán văn mới thấy có nói đến 16 vị A-la-hán. Sách kể rằng lúc sắp nhập Đại Niết-bàn, Đức Thế Tôn có phó chúc cho 16 vị A-la-hán tiếp tục ở lại thế gian để truyền bá Chánh pháp cứu đời, đến khi Phật pháp hưng thịnh, tuổi thọ con người là 70.000 năm thì 16 vị ấy mới rời đi, đến các quốc độ khác.

Từ đó, tranh vẽ, tượng khắc 16 vị La-hán tại Trung Quốc ngày một nhiều, được nhân dân kính mộ, trở thành nét đặc sắc của văn hóa Trung Hoa, vừa mang tính tôn giáo vừa mang tính tín ngưỡng. Đến thời Ngũ Đại, cách nay hơn 1.000 năm, họa sĩ Trương Huyền vẽ hình tượng 18 vị La-hán, sau đó ít lâu Hòa thượng Quán Hưu cũng vẽ tranh 18 vị La-hán. Từ đó việc họa tượng, khắc tượng về Thập bát La-hán ngày càng nhiều. Đến đời Tống, Tô Đông Pha thấy được tranh của họa sĩ Trương Huyền liền làm 18 bài tán văn ca tụng; sau đó ông lại gặp được tranh của Hòa thượng Quán Hưu, bèn làm thêm 18 bài tán văn nữa và ghi đủ tên của 18 vị La-hán. 18 bài tán văn lần sau của Tô Đông Pha có vị thứ 17 là Nan-đề-mật-đa-la, vị thứ 18 là Tân-đầu-lô. Trong cuốn *Phật Tổ thống ký*, ngài Chí Bàn phê bác rằng vị thứ 17 là tác giả của *Pháp trụ ký* cách 16 vị La-hán trên đến 600 năm; còn vị thứ 18 Tân-đầu-lô lại chính là vị thứ nhất: Tân-độ-la-bạt-la-nọa-xà. Về sau nữa, người ta lại bất đồng ý nhau về vị thứ 17 và 18, và nhiều vị La-hán khác được đưa vào hai vị trí này: Đạt-ma-đa-la Cư sĩ, Bồ Đại Hòa thượng, Hàng long, Phục hổ...

Sau đây là tên của 16 vị La-hán đã có từ trước và 2 vị được về sau thêm vào, cộng chung là Thập bát La-hán (Hai vị sau cùng là Hàng long, Phục hổ là do vua Cao Tông đời Tống (thế kỷ XVII) đề nghị thêm vào và được các họa sĩ, điêu khắc gia chấp thuận: 1/ Tân-độ-la-bạt-đa-la-đọa-xà (Pindolabhadradvaja), 2/ Ca-nặc-la-phạt-tha (Kanakavatsa), 3/ Ca-nặc-la-bạt-ly-đọa-xà (Kanaxabharadvaja), 4/ Tô-tần-đà (Subinda), 5/ Nặc-cù-la (Nakula), 6/ Bạt-đa-la (Bhadra), 7/ Ca-ly-ca (Kalika), 8/ Phạt-xà-la-phất-đa-la (Vajraputra), 9/ Thù-bát-ca (Jivaka), 10/ Bán-thác-ca (Panthaka), 11/ La-hầu-la (Rahula), 12/ Na-già-tê-na (Nagasena), 13/ Nhân-yết-đa (Angaja), 14/ Phạt-na-bà-tư (Vanavasin), 15/ A-thị-đa (Ajita), 16/ Chú-đồ-bàn-thác-ca (Cudapanthaka), 17/ Hàng Long (Natimitolo), 18/ Tân-đô-lô (Pindola).

Nhìn chung, việc tôn thờ Thập bát La-hán là do truyền thuyết, trong khi chư A-la-hán thời Đức Phật gồm cả ngàn vị. 18 vị La-hán đã trở thành một nét văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo và tín ngưỡng của Trung Quốc và nhiều nước ở châu Á. Nhưng A-la-hán là vị đã diệt sạch phiền não (Sát tặc), đáng cung kính cúng dường (Ứng cúng) và là vị đã giải thoát khỏi luân hồi sinh tử (Bất sinh); quả vị A-la-hán là kết quả của việc tu trì theo Chánh pháp, vậy việc tôn thờ Thập-bát-la-hán là một sự bày tỏ niềm tin Tam bảo, ước vọng giải thoát, ước vọng được cứu độ của mọi người con Phật, đồng thời là một loại hình văn hóa hiền hòa, tốt đẹp.

BẢNG ẢN



Địa: 69/5k, đường Nhà Vàng,

Mỹ: Bồn 1, Trưng Chánh, Hóc Mỏ, TP.HCM

Điện: 08-37181818 - 01.222.999.666 - 01.666.000.666

Website: thienphuthao.com - Email: dkmathao@gmail.com



THIÊN PHÚ THẢO là nơi chế tác tượng Phật đáng tin cậy!
Vì Sản Phẩm luôn được bảo hành mãi mãi...!

Học ăn - Học thở

Cho đến nay tôi vẫn áp dụng hàng ngày và thấy rất hữu hiệu.

Trái tim hòa bình

*Thức dậy thở và cười
Mỗi giây thở và cười
Mỗi phút thở và cười
Ta có nụ cười vui.*

*Sáng dậy thở và cười
Trưa đến thở và cười
Tối về thở và cười
Ta có một ngày vui.*

*Ta sẽ thấy an lành
Ngay giữa cuộc đời này
Ta sẽ có tràn đầy
Bông hoa nở trên môi*

*Ta sẽ thấy nhiệm mầu
Ngay giữa cuộc đời này
Ta sẽ có an lành
Ngay trong trái tim ta*

*Sáng dậy nghỉ điều lành
Trưa đến nghỉ điều lành
Tối về mộng điều lành
Ta có chuỗi ngày vui*

*Sáng dậy làm điều lành
Trưa đến làm điều lành
Tối về mộng điều lành
Ta có một đời vui*

*Ta sẽ thấy Niết-bàn
Ngay giữa cuộc đời này
Ta sẽ có hòa bình
Ngay trong trái tim này*

*Ta sẽ thấy an lành
Ngay giữa biển đời này
Ta sẽ có hòa bình
Ngay trong trái tim ta.*

Nhạc: Võ Tá Hân
Lời: Thích Thiện Từ

Cửa hàng Thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyên

Ý NHI - CHÂN NGUYÊN

quả là ông đã sống thêm được 50 năm nữa. Ông mất năm 1997, thọ 85 tuổi, trong 50 năm đó ông đã hoạt động tích cực, năng nổ trong nhiều lĩnh vực. Tôi rất ngưỡng mộ ông là một nhà trí thức, một bác sĩ giỏi còn là một nhà văn, nhà hoạt động xã hội nhiệt tâm.

Sau đây là bài về dạy thở của ông:

*Thốt bụng thở ra
Phình bụng hít vào
Hai vai bất động
Chân tay thả lỏng
Êm chậm sâu đều
Tập trung theo dõi
Luồng ra luồng vào
Bình thường qua mũi
Khi gấp qua mồm
Đứng ngồi hay nằm
Ở đâu cũng được
Lúc nào cũng được!*

Hít thở để hạnh phúc

Mẹ tôi - bà Nguyễn Diệu - Nguyễn Thị Cúc là người thực hành phương pháp thực dưỡng đã hơn 50 năm. Năm nay bà 72 tuổi khỏe mạnh và vui vẻ. Mỗi sáng bà đi bộ và tập dưỡng sinh, sống hiền lành hạnh phúc và đầm ấm với con cái và các cháu nội ngoại. Từ nhỏ đến lớn, mỗi khi ba tôi hay anh em chúng tôi bệnh bà đều chữa bằng cách cho ăn cháo gạo lứt vài ngày là tự nhiên khỏi. Bà ăn uống tự nhiên, đ ơ n g i ả n . Thức ăn chính của bà là gạo mè rau đậu... Mẹ tôi cũng dạy chúng tôi những bài hít thở rất hay.

Hít thở

Sự sống muôn loài đều nhờ thức ăn và dưỡng khí. Thức ăn sinh ra huyết, hơi thở sinh ra khí, khí lại sinh ra huyết. Huyết và khí bổ trợ lẫn nhau. Bởi vậy ăn uống hợp lý là rất cần thiết nhưng chưa đủ mà vận động cơ thể và hít thở cũng vô cùng quan trọng. Khi ăn uống lành mạnh và hít thở đúng cách, khí huyết trong cơ thể sẽ luôn luôn trong lành và lưu thông, cơ thể sẽ khỏe mạnh, bệnh tật sẽ tự nhiên khỏi mà không cần phải chữa nữa. Vì vậy “học ăn” còn phải “học thở”.

Hít thở để chữa bệnh

Tôi được biết bác sĩ Nguyễn Khắc Viện mắc bệnh lao phổi nặng vào năm ông 29 tuổi. Thời đó bệnh lao phổi không chữa được vì chưa có thuốc như bây giờ. Các bác sĩ Pháp chữa cho ông tại Pháp bằng cách trong 5 năm mổ 7 lần, cắt bỏ 8 xương sườn và toàn bộ lá phổi phải, sau đó cắt thêm 1/3 lá phổi trái. Vào năm 1948 các bác sĩ Pháp nói ông chỉ có thể sống thêm 2 năm nữa thôi. Vậy mà, trong thời gian nằm chờ chết ông đã tìm ra phương pháp thở để tự chữa bệnh cho mình và kết



THỰC PHẨM DƯỠNG SINH
CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

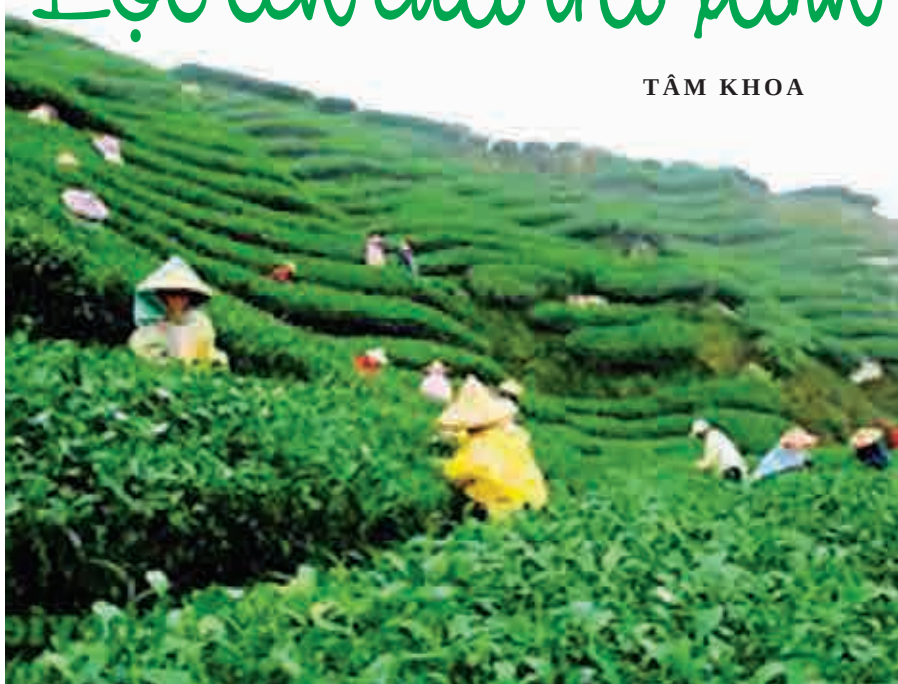
Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel.: 08 22422951

Facebook: channguyen

Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn

Lợi ích của trà xanh

TÂM KHOA



Trà xanh là một dòng trà gọi theo cách chế biến. Trà xanh giữ được màu xanh của diệp lục và có hương đặc trưng tự nhiên ngát dịu mà vị trà ngọt thanh.

Ở Việt Nam được biết đến nhiều là trà xanh của vùng trung du Thái Nguyên còn có tên gọi khác là trà Bắc, trà Thái, trà móc câu và trà xanh của vùng cao Tây Bắc như: trà xanh cổ thụ Suối Giàng, trà xanh Tủa Chùa...

Trà xanh của vùng trung du và vùng cao có rất nhiều khác biệt. Cây trà trên vùng cao mọc tự nhiên thành cây trà cổ thụ, mỗi năm thu hoạch 3 vụ. Giống trà này cho búp trà và lá trà lớn và dày. Cây trà vùng trung du thu hoạch từng đợt cách nhau 45 - 60 ngày, cây thấp lá trà nhỏ và mỏng manh hơn trên vùng cao. Đặc biệt với thổ nhưỡng, khí hậu khác biệt lớn do chênh lệch độ cao nên trà mỗi vùng đều có hương và vị đặc trưng riêng để người yêu trà tìm đến.

Trà xanh là thức uống rất thân thiết của bà con ta. Mỗi khi khách đến viếng, chủ nhân đều có chén trà mời khách thưởng thức để mở đầu câu chuyện.

Trong trà xanh, cafein và theophyllin có tác dụng kích thích não, hệ tuần hoàn và hệ hô hấp. Tăng cường sức làm việc của trí óc và cơ. Tanin trong trà như một kháng sinh mạnh giúp ngừa được tiêu chảy và lỵ trực trùng. Catechin trong trà còn có tác dụng ngăn cản tia cực tím, một tác nhân gây nổi ban trên da, và có thể gây ung thư da. Các polyphenols và fluorid trong trà sẽ giúp ngăn chặn sâu răng, chống hôi miệng.

Vitamin C trong trà xanh nhiều gấp 10 lần và chất tanin hòa tan thì nhiều gấp 2 lần trong trà đen. Trà xanh có giá trị dinh dưỡng cao, vì các hoạt chất trong trà ít bị biến đổi.

Thường xuyên uống 4 -10 chén trà xanh (400-1000ml) trong ngày, sẽ rất có ích trong việc phòng và chữa bệnh, chống lão hóa và kéo dài tuổi thọ.

Gần đây một số công trình nghiên cứu còn ghi nhận rằng trà có tác dụng làm giảm nguy cơ bệnh ung thư, cao huyết áp, béo phì, chống phóng xạ.

Để có chén trà ngon, phải biết chọn trà, chọn nước và cả cách pha trà.

Khi pha trà lưu ý:

Chọn ấm pha trà vừa với số người uống, chọn nước pha trà không đục, không mùi, không vị, pha trà xanh ở vùng thấp (như trà Thái Nguyên) thì chớ dùng nước đun sôi 100 độ C mà nên dùng nước ở nhiệt độ 70 độ C - 80 độ C, trà trên vùng cao thì nước pha trà khoảng 80 độ C đến 85 độ C là thích hợp nhất.

Dùng 5g trà xanh cho hai người uống, trung bình mỗi người dùng 2g và phần còn lại dành cho ấm.

Trà ưa sạch sẽ, đồ dùng pha trà phải được vệ sinh sạch, bày gọn gàng và ngăn nắp. Trước khi pha trà ta phải tráng ấm, chén uống trà bằng nước sôi 100 độ C. Sau đó cho trà vào ấm, đổ nước sôi ở nhiệt độ thích hợp ngập trà và rót bỏ nước "rửa trà" ra ngay. Tiếp sau đổ nước sôi ở nhiệt độ thích hợp vào đầy ấm và đầy nắp đợi 30 giây thì rót ra chén để dùng. Các lần tiếp sau cũng chỉ hãm trà khoảng 30 tới 60 giây, tùy theo gu uống trà đậm khác nhau.

Bí quyết để có chén trà xanh ngon phải dùng nước không mùi, không vị và nhiệt độ thích hợp 70 độ C - 85 độ C. Rót hết nước trà trong ấm sau mỗi lần hãm và không hãm trà quá 60 giây. Như vậy mỗi lần hãm trà bạn sẽ có chén trà với hương và vị đặc trưng riêng.

Pha chén trà xanh ngon, cầu kỳ thì chọn ấm bằng đất Tử Sa và đơn giản hơn thì dùng ly thủy tinh. Dùng ly thủy tinh hãm trà xanh rất nhanh và tiện lợi mọi lúc mọi nơi. Dùng 3g trà xanh cho vào ly thủy tinh khoảng 100ml và đổ nước sôi khoảng 80 độ C tới 85 độ C, đợi cánh trà bắt đầu nở là uống được. Pha bằng ly thủy tinh hương trà sẽ bộc lộ nhanh nhất. Hãy thưởng thức hương thơm quyến rũ trước khi uống trà.

Song Hỷ Trà HỘI TỰ DANH TRÀ THẾ GIỚI THE FAMOUS OF TEA	Phú Quý Thở NGHỆ THUẬT ẤM TỬ SA AND ZISHA TEAPORT	Song Hỷ Quán KHÔNG GIÀN THƯƠNG TRÀ Ethnic music Friday every week at 08pm OPEN: 8AM - 10PM
---	--	--

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh

Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh âm cúng, thanh nhã và lịch sự

- **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...
- Giờ mở cửa:** Từ 6 giờ - 22 giờ
- Buổi sáng:** Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



- **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469
hoan hi gặp anh Lãnh (quản lý)

Trân trọng kính mời



D H A R M A G A R D E N

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 – 08. 36 026 818 – 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com – www.phapuyen.com


Công ty TNHH SX-TM QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD. MIỀN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

KHÂM TÍN

NƯỚC UỐNG
ALOEPAS**Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn**

○ Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.

○ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam** **Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Sản phẩm của : CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN
Số : 284/11 Cõ Bắc, Phường, Cõ Giang, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
SXT Nhà máy : CN NHADAM VINA - CTY TNHH TM DV KHÂM TÍN
Số 2 Lò A, Cũ Xõ PHũ LẦM D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website : www.khamtin.vn Email : khamtin1668@gmail.com

**ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG · KHỎE VÌ GIA ĐÌNH**

Vên Vên Hotel Hồ Cốc

(Nghỉ dưỡng và thiên định)

- Khách sạn tọa lạc dưới tán rừng nguyên sinh Bình Châu Phước Bửu, gần biển, cảnh quan mát mẻ yên tĩnh phù hợp cho việc nghỉ dưỡng, tọa thiền và hành thiền.
- Khách sạn tiêu chuẩn 2 sao.
- Nhà hàng phục vụ các món ăn chay và mặn.
- Nhận tổ chức cho các đơn vị có nhu cầu thực hiện thiên định.

○ Liên hệ: **Hồ Cốc, xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

Điện thoại: 0643 791121 - Fax: 0643791122

Email: venvenhotel@gmail.com

Website: venvenhotel.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG
YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Kính mời đăng quảng cáo & đăng ký mua báo Vu Lan

Số đặc biệt Vu Lan 2559 của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo dự kiến phát hành ngày 15-8-2015 (nhằm ngày 2-7 Ất Mùi), với nội dung phong phú, trình bày trang nhã, in 4 màu toàn bộ trên giấy Couché; là món quà mang đậm nét văn hóa để tặng cho đồng đạo, bạn hữu nhân mùa Vu Lan.

Trân trọng kính mời chư tôn thiên đức Tăng Ni, quý Phật tử, các vị doanh nhân và quý độc giả gần xa tham gia đăng giới thiệu về hoạt động từ thiện, PR các hoạt động và sản phẩm của doanh nghiệp, quảng bá các hoạt động nhà hàng chay và văn hóa phẩm...

Giá bán : 22.000đ/cuốn

Giá đăng quảng cáo:

- Bìa 3 **8.000.000đ**
(kể cả thuế VAT)
- Các trang ruột:
- 1 trang 5.000.000đ**
- 1/2 trang 2.500.000đ**
- 1/4 trang 1.250.000đ**
- 1/8 trang 500.000đ**

Hạn chót đăng ký báo (số lượng từ 50 cuốn trở lên) và nhận file quảng cáo hoàn chỉnh ngày **8-8-2015**.

Vui lòng liên hệ:

○ **Đăng quảng cáo**
Đạo hữu Pháp Tuệ
ĐT: 0913 810 082

○ **Liên hệ đăng ký mua báo**
Ban phát hành
ĐT: (84-8) 38484335

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



ĐIỀU TƯỚNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

ĐIỀU TƯỚNG AM NAM KỲ
382B NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663

ĐIỀU TƯỚNG AM 3/2
212 BA THẮNG HẠ, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363

ĐIỀU TƯỚNG LƯU LY QUANG (NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P. Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú, Tp. HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com

TOP TEN TRAVEL
www.toptentravel.com.vn

ĐC: 02 Giải Phóng, P. 04, Tân Bình, HCM
ĐT: (08) 6683 0006 | ĐB: 0933 27 3378

Tour chuyên đề du lịch Phật Giáo, tâm linh đặc sắc.

HÀNH HƯƠNG ĐẤT PHẬT MYANMAR
(Yangon Bago Golden Rock)

KH: 29/7, 27/8, 10/9 (4N) **11.900.000**

TOUR NƯỚC NGOÀI	
CAMPUCHIA (4N): Siem Reap - PhnomPenh	2.950.000 đ
THÁI LAN (5N): Bangkok - Pataya	6.300.000 đ
SINGAPORE-MALAYSIA (4N): 28/7, 4/8	11.900.000 đ
CHÂU ÂU (9N): Đức - Hà Lan - Bỉ - Pháp	57.900.000 đ
MỸ (10N): Liên-tuyến Đông Tây	71.900.000 đ

TOUR TRONG NƯỚC	
ĐÀ LẠT (3N):	KH Thứ 5 hàng tuần 1.400.000 đ
PHAN THIẾT (2N):	KH Thứ 7 hàng tuần 1.183.000 đ
NHA TRANG (3N):	KH Thứ 5 hàng tuần 1.950.000 đ
MIỀN TRUNG (4N):	KH Thứ 5 hàng tuần 5.590.000 đ

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028



SỞ ĐIẾP CÔNG VĂN Tập 3: Phần Điệp



TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC TUỆ QUANG TUỆ QUANG DICTIONARY OF BUDDHIST TERMS

Vietnamese-Chinese-Sanskrit-English
Việt-Hán-Phạn-Anh

Do Nguyễn Hiền, chủ biên, Nguyễn Hồng, Nguyễn Tấn

Trên 3000 trang, khổ 16x24 được in trên giấy in từ điển đặc chủng bible Hà Lan
thời gian sử dụng lâu bền, bìa cứng được chia thành 2 tập.

Từ điển này nhằm phục vụ đối tượng người tu học Phật pháp, sinh viên các
trường Phật học, và giới nghiên cứu văn hóa xã hội tôn giáo...

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.



14

**NĂM THÀNH LẬP
TẬP ĐOÀN HOA SEN**
(8/8/2001 - 8/8/2015)



vườn **Cao**
vị thế



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ỐNG KÉM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



TỔNG ĐÀI TƯ VẤN KHÁCH HÀNG
www.hoasengroup.vn

1800 1515
Miễn phí cuộc gọi

A GLOBAL GROWTH
COMPANY OF THE WORLD
ECONOMIC FORUM

EUROMONEY
ASIA BEST MANAGED
COMPANIES
2014

